

895.922 803

ĐC

CH 527 Đ



HUỲNH THỊ PHƯỢNG

Chuyện đời
TỰ KỂ



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI - 2011

CHUYỆN ĐỜI TỰ KỂ

AA7C33

HUỶNH THỊ PHƯƠNG

CHUYỆN ĐỜI TỰ KỂ

2071/ HC / VV 000868



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI - 2011



ôi được sinh ra trong một gia đình nông dân, tại xã Phước Long, huyện Long Thành, tỉnh Biên Hòa. Gia đình tôi sống bên ngoại, có vườn, ruộng, rẫy. Cha làm nghề nông, mẹ buôn bán. Cha mẹ sinh được tám người con, năm trai, ba gái. Anh thứ tư chết lúc còn nhỏ, còn lại bảy người đó là anh Hai Tỉnh, chị Ba Giác, chị Năm Thế, anh Sáu Khiêm, tôi là Bảy Tiếp, hai em nữa là Tám Lưỡng và Chín Lộc. Khi lớn lên tôi nghe kể lại rằng ông bà ngoại có hai người con gái, mẹ tôi là chị, tên Lâm Thị Trừ, dì tôi tên Lâm Thị Đành. Do ông ngoại mất sớm nên sau lễ cưới bà ngoại xin ba tôi tên Huỳnh Văn Phê về ở rể nhà ngoại.

Ba tôi làm lụng quanh năm, mùa nào việc ấy, làm ruộng nước, mỗi năm có một vụ, làm vườn và rẫy. Rẫy trồng cây nhiều tầng, từ cây làm được cột nhà đến cây nhỏ cuối cùng là trồng cây thơm ăn trái, mỗi lần thu hoạch chở mấy xe bò đi Đồng Môn (Phước Thiện) bán, gần Tết mỗi năm ba trồng dưa hấu ở Đồng Lớn và trồng bông bán Tết. Hàng ngày, lúc trưa hoặc tối rảnh rồi ba đến nhà ông Tư Thầy (thầy Tư Nghê) đọc nhật trình, ba còn biết chữ nho, khi có điều gì hay hoặc mới thì ba nói lại cho gia đình cùng biết. Ba còn biết làm nghề sông, bắt cua cá cải thiện bữa ăn cho gia đình. Mẹ buôn bán quanh năm, trước năm 1940 đi bán hàng gánh từ xã lên đến Phước Tân (gần Biên Hòa) gần 30 cây số, trên đầu chỉ có khăn rằn bịt xước lên, đội nón lá, chân đi dép mo (lấy mo cau làm dép) đường xa, gánh nặng từ khuya đến chiều tối mới đến nơi. Ở lại nhà cậu Ba bán hết đồ và mua gánh khác hôm sau trở về làng bán lại. Má đi được mấy năm thì có xe đồ nên không đi bộ nữa, mà khuya gánh hàng lên đường chờ xe đi chợ Biên Hòa bán xong rồi về trong ngày. Thỉnh thoảng, má cho anh chị em tôi đứa này, đứa khác đi theo giữ đồ và cho biết chợ tỉnh, được mấy năm sau có Nhật vô, xe đồ chạy thất thường nên ở nhà làm giá bán tại chợ xã, nhà tráng bánh hủ tiếu bán kèm giá.

Gia đình nông dân nhưng ba má có suy nghĩ tiến bộ, con đứa nào cũng được đến trường học, anh Hai Tỉnh còn được học chữ nho, chỉ có chị Ba Giác thiệt thòi hơn vì lúc nhỏ chị thường đau yếu và giữ em nên ít được học. Chị Năm Thế, anh Sáu Khiêm học hết tiểu học, tôi đang học lớp nhì (giữa tiểu học) hai em Lưỡng và Lộc chưa đến tuổi tới trường thì có chiến tranh. Gia đình sống có nề nếp, cha mẹ sống có đạo lý, dạy con tôn ti trật tự, đoàn kết, thương yêu dạy bảo nhau, anh chị nói em nghe lời không bao giờ “mày tao, mi tớ” anh chị em thật thà, siêng năng lao động, kính trên nhường dưới. Cha mẹ dạy con khi cần thiết lắm thì một vài roi “dằn dít” không to tiếng chửi rủa, cha mẹ là tấm gương tôn trọng lẽ phải, đôi khi chưa bằng lòng thì chờ lúc thuận lợi ngồi vào trao đổi, thống nhất nhau, không bao giờ lớn tiếng kể cả đối với con, cháu và xóm làng. Ai cũng khen ngợi là nhà có nề nếp trên thuận dưới hòa thật là hạnh phúc. Khi anh hai cưới vợ nhà thêm người, thêm đông vui. Anh chị em thương yêu và tôn trọng nhau, hiếu thảo với cha mẹ, hòa thuận với xóm làng. Thời kỳ còn làm ruộng, xay lúa, giã gạo, ai cũng lao động suốt ngày, dù cuộc sống không dư dả nhưng anh chị em vui vẻ bên nhau. Tôi còn nhớ hồi đó có người cô bác trong họ thấy anh chị em tôi đông quá muốn xin chúng tôi về làm con nuôi và nuôi phụ mong

làm nhẹ gánh gia đình. Nhưng má tôi cười liền nói: “Con tôi có trai, có gái ai muốn bắt dứa nào, nó chịu đi thì tôi cho luôn”. Vì má tôi biết chúng tôi không ai chịu xa “bầy” nên nói vậy. Mà thật như vậy! Nhà tôi đang êm ấm và hạnh phúc, nếu như không có chiến tranh thì gia đình tôi đâu có tan nhà nát cửa, anh chị em phải phân tán chia lìa, khốn khổ điêu linh, kẻ còn người mất, và chịu cảnh thương tật suốt đời.

Thời chống Pháp

Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, người dân Việt Nam từ Bắc chí Nam, mọi tầng lớp nhân dân đều bị lầm than, tủi nhục, người lao động vất vả quanh năm mà không đủ ăn, đủ mặc, không được học hành đến nơi đến chốn, mất cả quyền làm người phải chịu cảnh sưu cao, thuế nặng, ai chống lại thì bị bắt đánh đập, bỏ tù đóng trấn, phải đi vay nặng lãi để chuộc người thân về, thế là phải trả nợ nặng lãi suốt đời chưa hết nợ, những người cho vay đó thường là kẻ cường hào, ác bá. Một lần, chị Ba tôi kể lại: “Lúc nhà tôi đang ngồi ăn cơm đông vui bỗng nghe tiếng hương quản đi thu thuế, vì nhà không đủ tiền nên đang ăn cơm, ba bỏ chén chạy trốn, các chị em vội dẹp chén đĩa rồi nói ba đi vắng không thì sẽ bị bắt”. Nghe chuyện, chúng tôi thương ba quá, người ta nói: “trời đánh còn tránh bữa ăn”, bọn hương quản còn ác hơn là thiên lôi nữa. Cũng từ đó, chúng tôi dần hiểu được người dân bị nô lệ, làm lụng

quanh năm mà không đủ cơm ăn, áo mặc còn có nhiều kẻ “ngồi mát ăn bát vàng”. Vì vậy, dẫn đến “tức nước thì phải vỡ bờ”. Người dân không còn con đường nào khác hơn là phải đứng lên giành lại chén cơm manh áo cho mình. Đó cũng là theo Đảng thực hiện cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược.

: Năm 1945, có Đảng Cộng sản Việt Nam và Bác Hồ lãnh đạo, phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp lan rộng khắp cả tỉnh, huyện và xã. Mọi người sôi nổi tham gia vào các tổ chức: thanh niên, phụ nữ thiếu nhi cứu quốc. Nhân dân xã Phước Long ban ngày đi làm ăn, tối về tập hợp trên đường 19 từ cầu Lò Rèn đến mả Bà Mười; cô bác và nam nữ thanh niên rất trật tự nghiêm trang ngồi nghe cán bộ Việt Minh nói chuyện, hướng dẫn tập đánh Tây. Mỗi người đều có cây tầm vông vạt nhọn trên đầu cây có cột sợi dây, rồi tập võ, tập bắt sống Tây, người nào cũng có khăn rằn cột ngang lưng, đứng thẳng hàng rồi “một hai, một hai” đều bước, miệng hát vang bài ca “nào anh em ta cùng nhau xông pha lên đàng”. Các em nhỏ bắt chước hát theo làm cho khí thế trở nên sôi nổi mạnh mẽ. Với niềm tin cách mạng thành công, các anh chị em chúng tôi mỗi người một việc ai cũng hoàn thành công việc được giao.

Dưới sự lãnh đạo của Việt Minh hướng dẫn đánh Tây trước tiên là tẩy chay không làm việc cho Tây, không họp chợ buôn bán với Tây. Tây vào làng cướp của, bắt bớ đánh dân thì dân đánh lại, rồi chuyện xô xát hằng ngày cũng bắt đầu xảy ra. Đến lúc Nhật đảo chính Pháp còn tàn ác hơn, bắt thanh niên đi lính. Nhà tôi, khi anh Hai vừa cưới vợ xong chúng gọi đi khám tuyển và bắt đi lính luôn. Ở nhà khi nghe tin anh Hai bị bắt đi lính cho Nhật cả nhà ai cũng khóc, nhất là má ngất xỉu, bỏ ăn, mất ngủ rồi sinh bệnh nặng, cũng là lúc Nhật bắt đầu dùng bom đạn bắn giết dân lành, tôi còn nhỏ. Đầu tháng 2 năm 1946, lúc dân làng đang sinh hoạt bình thường thì khoảng 8 giờ sáng Nhật cho máy bay đến bắn và bỏ bom khu trung tâm xã Phước Long gồm: chợ, nhà hội (nơi hội tề làm việc) và trường học. Chúng bỏ bom làm nhiều người chết và bị thương trong đó có nhà bà Mười Ứng (má thầy giáo Hưng, thầy của tôi) cả nhà chết hết chỉ còn thầy Hưng và một đứa con sống sót. Nhà chị Sáu Lan cũng bị nạn, chị Sáu Lan bị thương người nhà công chạy, tóc tai rũ rượi, quần áo rách rưới, máu me cùng người trông thật kinh khủng. Sau hồi bắn phá, địch nhảy dù xuống bắt thầy giáo, đuổi học trò và chiếm trường học làm nơi đóng quân. Tôi bỏ học từ đó (lúc này tôi đang học lớp nhì trường tiểu học của xã).

Buổi đầu có chiến tranh dân chưa biết tránh bom đạn, khi nghe tiếng súng nổ thì gập đầu chui vào đó, có người chui vào sà n ván, sà n ghế. Tôi còn nhỏ một lần nghe tiếng máy bay bắn, má lôi chị em tôi vào sà n bếp. Sau mới biết chặt cây chuối tẩn làm hầm tránh đạn. Một lần, nghe tiếng súng nổ má lôi chúng tôi vào núp đạn, má đè đầu chúng tôi nằm xuống, má nằm trên còn đưa hai bàn tay che đầu các con như thể sẵn sàng hứng lấy bom đạn. Chúng tôi biết sợ súng đạn nhưng có má bên cạnh chúng tôi ấm lòng và yên tâm hơn. Còn xóm làng thì cứ mỗi lần yên giấc thì chạy đến hỏi thăm nhau xem ai còn, ai mất. Có người kể lại trốn bom đạn mà lấy chiếu hoặc mền trùm cho đỡ sợ, rồi một trận cười ra nước mắt.

Quân Nhật tàn ác dã man: Mỗi lần, chúng đến đâu là bắn giết, bắt người đánh đập, bỏ tù, đốt nhà đến đấy. Lúc này, dân làng ai có lúa gạo thì đem chôn giấu; ba tôi cũng dỡ nhà đem cột kèo ngâm dưới mương, cất trại ở tạm khi giặc tới thì chạy trốn, làm ăn không được, cảnh nhà ngày càng thiếu ăn, thuốc trị bệnh không có nên má tôi chết lúc mới 46 tuổi, em út của tôi (Lộc) chưa đầy 5 tuổi, chị Ba Giác, chị Năm Thế chưa qua tuổi 15. Má tôi chết để lại cho ba sáu đứa con khờ dại nên trước lúc chết má tôi cũng dự đoán được đất nước có chiến tranh là chết chóc, khổ sở và đói khát,

để gánh nặng sẽ đổ dồn lên đôi vai gầy guộc của ba. Trước khi tắt thở má bảo chị Ba đi mời bà Sáu đến gặp má (bà Sáu là bà nội của chị Chín Cầu). Tôi còn nhớ rất rõ hình ảnh của má thật cảm động, không hiểu một sức mạnh thiêng liêng nào mà má đã tắt thở khoảng nửa tiếng rồi sống lại (người ta gọi là hồi dương). Khi mở mắt, thấy bà Sáu ngồi bên cạnh má nắm tay bà Sáu chậm rãi nói: “Sau khi tôi chết rồi tôi nhờ cô dạy dỗ giùm mấy đứa con lớn là Tỉnh, Giác, Thế còn bốn đứa nhỏ là Khiêm, Tiếp, Lương, Lộc khi cô bác để tôi xuống đất rồi bỏ luôn bốn đứa nhỏ xuống giùm cho tôi, để nó theo mẹ nó, nó còn đại sống đời khổ lắm”. Cả nhà òa khóc thì má cũng trút hơi thở cuối cùng đúng trưa mồng 6 tháng 6 năm 1946 âm lịch, cũng là lúc địch ruồng bố ngày đêm. Ba nhờ hàng xóm phụ cưa ván ghép lại làm hòm trong vòng một ngày rồi đem chôn má ở đất nhà. Chị em tôi không một mảnh vải trắng để tang má. Đến ngày khai mộ Ba và cậu Tư Nang chưa kịp đắp mộ thì máy bay đến bắn xối xả. Ba và cậu núp vào bụi tre, nghe ngưng tiếng súng ba chạy về dẫn con chạy giặc, chị Ba, chị Năm gồng gánh ít gạo, chiếu mền. Chúng tôi chạy theo sau, em Lộc còn nhỏ được ba công trên lưng vậy mà cứ ngoái ra sau miệng vừa khóc vừa kêu: “Má ơi! chạy Tây má ơi”. Thương em tôi chưa đầy 5 tuổi biết gì má chết, chị em tôi khóc, ba khóc và

cô bác cùng chạy Tây ai cũng khóc. Từ đây, ba chịu cảnh “gà trống nuôi con”.

Sau khi má mất, Nhật thả anh Hai về đến nhà chỉ thấy bàn thờ đơn sơ của má, anh bị bệnh do lao lực quá sức, thiếu ăn, không có thuốc trị bệnh nên đến ngày 12 tháng 2 năm 1947 anh Hai cũng chết. Chị em tôi còn lại sáu người: Giác, Thế, Khiêm, Tiếp, Lương, Lộc (ba trai, ba gái). Một bầy con còn nhỏ vừa chạy giặc liên miên, lúc im thì ba đi làm ruộng, đi lưới, trủ bắt cá, anh Sáu Khiêm còn nhỏ nhưng ba thường dẫn theo vừa làm phụ việc nhẹ vừa tập làm.

Tình hình ngày càng thiếu thốn, đói rách đến mức cả dân làng không có vải phải mặc quần áo bằng bao bố. Ba tôi cũng mặc quần áo bao bố đi làm ruộng, dân không có chỉ phải cạo bẹ thơm lấy chỉ may quần áo bao bố, nạn rận rệp, ghẻ lở thật khủng khiếp. Rận thì ở quần áo, rệp thì ở ván, giường chiếu. Không có thuốc trị có người phải trải quần áo ra ván lấy chai cà tiếng nổ lụp bụp, có người nấu quần áo và nấu nước sôi đổ vào ván (ngâm) nhưng không khỏi. Trong cảnh khốn đốn chung này ba làm lụng vất vả hơn, vậy mà đâu được yên thân. Một hôm, đầu tháng 6 năm 1947 sau một ngày làm việc vất vả, trời mưa vừa lạnh vừa đói ba mới về đến nhà chưa kịp ăn cơm thì tai nạn khủng

khiếp ập đến với ba và đến mừng 6 tháng 6 âm lịch năm 1947 thì ba đi vĩnh viễn không trở về với các con nữa. Chị em chúng tôi chỉ biết ôm nhau khóc và gào thét “Ba ơi chúng con nhớ ba lắm ba ơi”. Cảnh nhà tôi lúc này như bầy chim non trước cơn giông bão, tưởng chừng như không còn đứa nào sống nổi trước cảnh mồ côi cha mẹ và chiến tranh tàn bạo mới bắt đầu.

Đúng là hệ nhân quả: Nhờ lúc đương thời cha mẹ tôi sống có đạo đức, nuôi dạy con chu đáo dạy nhiều điều cần thiết như phải biết lao động, nhất là má dạy các chị gái tôi về “công, dung, ngôn, hạnh” biết thương yêu bảo vệ nhau, phải khiêm tốn học hỏi, không kiêu căng tự phụ, cũng không quy lụy thấp hèn, phải biết tự bảo vệ lẽ phải, tự bảo vệ mình. Phải có lòng tự trọng, anh chị em yêu thương bảo bọc lẫn nhau. Những quan điểm sống đó được trui rèn từ nhỏ nên khi gặp mất mát lớn lao không bị hụt hẫng trong cuộc sống. Dù có sự dè dặt của cô, dì, chú bác nhưng rồi anh chị em vẫn quây quần bên nhau, bảo vệ để cùng nhau chấp cánh vượt qua phong ba bão tố. Các anh chị của tôi là những tấm gương mẫu mực. Trước hết là chị Ba Giác, chị Năm Thế do từ lúc còn nhỏ đã được cha mẹ dạy bảo nhiều về vai trò người con gái trong nhà phải biết quán xuyến việc nhà, nấu ăn, làm bánh, đi chợ, may áo quần... nên khi vắng bóng cha mẹ, các chị tôi là người lo tất cả, từ

tổ chức cuộc sống trong nhà, nuôi dạy em, đứa lớn, đứa nhỏ và chuyện Ơn nghĩa xóm làng, vừa tham gia hoạt động cách mạng.

Sau khi ba không về nữa, anh Sáu dù còn nhỏ nhưng tiếp tục làm những việc ba còn bỏ lại dở dang như đi làm ruộng, đi trữ bắt tép, cá và lo việc lớn như sửa lại cái bếp, làm lại cái nhà v.v... Một lần, anh cho tôi theo đi trữ, trước khi đi anh lo đủ thứ như người rành nghề thực thụ. Tôi rất tin anh. Chị Ba còn bỏ theo một gói muối và một tán đường để bắt được cá tép thì anh em kho ăn ngay tại chỗ. Anh ra lệnh: “Anh vác chèo, trữ, còn em mang cơm”. Tôi tuân lệnh làm theo. Khi xuống ghe chèo ra sông, anh tay chèo, chân bước nhịp nhàng làm tôi càng tin tưởng, miệng anh còn ca vài câu nghe vui vui. Nhưng đến lúc ghe ra sông cái có sóng lớn tôi sợ quá nhưng không dám nói để anh khỏi lo, đến lúc không còn kiềm chế được nữa tôi nôn mửa, nằm bẹp xuống ghe nhắm mắt lại. Lúc này, tôi mới nói tôi sợ chìm ghe, anh buông chèo và bò vào khoang lấy tán đường bảo tôi ngậm nuốt từ từ chống ỏi, nhưng tôi nuốt hết tán đường mà không xong, đến khi bắt được tép chỉ kho bằng muối. Về sau, anh không cho tôi đi theo nữa nhưng nhờ lần đó tôi biết lao động sông nước là cực nhọc như thế nào. Vậy mà, anh phải đi làm để

phụ cùng lo cho cả nhà, cũng từ đó tôi vừa thương vừa tin tưởng ở anh, xem anh như rường cột trong nhà.

Năm 1947, phong trào cách mạng ở xã lên mạnh, chị Ba Giác, chị Năm Thế tham gia phụ nữ cứu quốc. Chị Ba còn tham gia đoàn phụ nữ của xã ra Phước Thiên (chùa Bà Phủ) học bắn bông dệt vải (vải tám). Hai chị học làm bánh bán tại nhà. Các anh chị đi công tác ghé qua rất đông vui. Xã có tổ chức canh gác, khi có Tây thì đánh mõ tre báo động cho các anh chị nam nữ thanh niên chạy, chỉ còn người già, trẻ con ở lại. Tây rút hết sinh hoạt lại đông vui. Do vậy, mà có sự hiểu lầm, cô tôi tưởng hai chị còn nhỏ mà “cập kê với thanh niên”. Tội nghiệp hai chị bị rầy oan, cô đâu có hiểu chị tôi tảo tần lo cho em mà không đủ ăn nên phải chịu cảnh sáng ăn cơm, chiều ăn cháo vô cùng vất vả.

Sau cái chết của ba má, chị em bữa đói bữa no, tôi thường bị ghẻ lở. Từ một chấm nhỏ loang dần khó trị, chưa đầy một tháng thì không còn đi lại được nữa. Tôi trở thành gánh nặng cho anh chị em tôi. Nhưng cũng may, một hôm người bác dậu (bà nội của Long) đến thăm, thấy vậy bác công tôi về nhà bác ở Phước Lai nuôi giùm. Bác Hai là nông dân rất thương người nên bác chăm sóc tận tình và kỹ lưỡng như một thầy thuốc lành nghề. Dù vậy, cũng gần cả năm những vết ghẻ lở

THƯ VIỆN

000868 TỈNH ĐỒNG NAI 7

2011/ĐC/VV

của tôi mới lành, nhưng vẫn chưa đi được vì bị rút gân. Bác phải tập luyện cho tôi cả tháng nữa tôi mới bắt đầu tập đi từng bước. Mỗi lần đau tôi chảy nước mắt là bác luôn miệng động viên an ủi xong rồi bác cũng khóc. Tôi kính trọng bác vô cùng, xem bác như “Bà tiên cứu mạng”, nếu không cái chết đến với tôi là chắc chắn.

Năm 1947–1948, bộ đội chủ lực thỉnh thoảng về đánh đồn bót. Mỗi lần địch thua chúng trả thù rất dã man, đi đến đâu thì đầu rơi máu chảy, bắn giết cướp phá, đốt nhà, hãm hiếp phụ nữ. Tôi nghe kể lại một lần địch bắt gần chục người dân làng lấy kẽm khâu bàn tay từng người thành một khâu rồi dẫn đến cầu Mít (đường từ chợ Phước Long đi Bà Ký) chúng xô xuống sông chết hết. Tôi nhớ một lần địch đi càn bố, thấy thanh niên chạy chúng bắn theo dữ dội, khi giặc rút về mợ Hai (má Hai Xảo) rủ tôi đến xem thì thấy một người (dân trong làng) bị trúng đạn từ lưng trở ra ngực và chết trước sân nhà cậu Tư Giục. Còn phụ nữ thì chúng bắt hãm hiếp nên dì Năm Phụ, dì Chín Lư (em dì Hai Phòng) đẹp gái nhất làng phải mặc quần áo rách, ăn trầu, lấy lọ nghe bôi vào mặt và mượn trẻ con ẵm để chúng khỏi làm hại. Chị Ba Giác cho tôi và hai em Lưỡng, Lộc theo mợ Hai đi ra Phước Lai, Phước Kiểng (vùng địch chiếm) tản cư. Nhà nhỏ người đông, tối chủ nhà ngủ trên ván, tôi cùng hai em và một số

trẻ nhỏ ngủ dưới sàn ván. Có hôm, sáng ra chúng tôi bị người nằm trên ván dái dầm xuống ướt hết và mùi rất khó chịu.

Thấy ở vùng địch không yên ổn, bất lợi, chị Ba dẫn chúng tôi về bác Bảy (về nội) ở ấp ba mẹ cầu Lò Rèn. Đường đi không đầy một cây số mà vắng tanh. Đến lúc chập tối về gần đến nhà bác, nhà nào cũng bị cháy, heo, gà bị chết nằm rải rác, lúa gạo bị cháy mùi khét lẹt. Thỉnh thoảng, vài đốm lửa nẩy lên từ cột nhà bị cháy, cảnh tượng thật là rùng rợn. Nhà bác cũng cháy rụi, bác và các con của bác chạy giặc ra rừng Sác vừa về. Gặp nhau mừng quá, nhưng nhà không còn, phải ra bụi chuối ở, mà bụi chuối bị cháy cũng không còn lá để che nắng, che mưa, đành phải trải đệm nằm dưới đất cùng với nhà ông Ba Cộ (ba của dì Sáu Diệu). Mọi người đang nói chuyện, con khỉ của nhà ông Ba nuôi lúc Tây bắn nó chạy lạc, khi về nghe tiếng của chủ nó mừng quá nên nhảy một cái vào gối gọn trong lòng ông Ba. Nó ôm chặt ông và miệng lẩm nhẩm, liều liếu ra vẻ mừng rỡ vì được gặp mọi người vừa qua cơn ác mộng trở về. Nhìn con khỉ ai nấy đều thương, có người xúc động nói: “Con thú còn biết thương người còn giặc tàn ác hơn con thú”. Chị em tôi chứng kiến nhiều cảnh giặc Tây tàn sát dân lành, chúng bắn chết bác Mười Cháp (gần nhà bác Bảy) rồi thả trôi sông, đến

bốn ngày sau gia đình mới tìm được xác đã bị thối rữa nên phải lấy văng khiêng về. Đi đến đâu nước hôi thối chảy ròng đến đấy. Mọi người căm thù nguyên rửa giặc Tây là “đồ vô lương tâm”.

Qua những ngày loạn lạc, ác liệt rồi chị em tôi cũng về được với bác Huỳnh Văn Phô, anh ruột kế ba tôi. Khổ nỗi bác tôi cũng đang sống cảnh “gà trống nuôi con”, vợ bác chết để lại cho bác bốn người con: hai trai, hai gái đó là chị Hai Khi, chị Ba Khu, anh Tư Tao, anh Sáu Nào. Thêm chúng tôi nữa là mười người, trong đó phân nửa là “binh nhí”, chỉ có ba chị lớn là: chị Giác, chị Thế, chị Khi (con bác). Ba chị đi mua bán từ Phước Long, Phước Thọ kiếm tiền mua gạo. Bác và chúng tôi ở chiến khu rừng Sác, thuộc xã Phước Long, khi có Tây đi bố thì bác dẫn chạy giặc, lúc êm bác dẫn “binh nhí” đi mò cua, bắt ốc, hái rau rừng. Bác câu cua rất tài, cua nấu canh chua với trái bầu ổi thì ngon hết chê. Khi không có gì để ăn thì hái rau rừng luộc ăn thay cơm. Thiếu cơm nhưng tình thương không thiếu. Bác tôi hiền lành, phúc hậu, ít nói, trầm tĩnh nhưng tình thương đối với chúng tôi thật là sâu lắng, đứa nào cũng được bác yêu thương chăm sóc, dạy dỗ như con ruột của mình. Dù còn thiếu ăn, đói rách nhưng chị em tôi luôn cảm thấy ấm lòng khi có bác bên cạnh.

Địch tiếp tục bắn phá khu rừng Sác, giết dân hàng ngày. Trước tình hình chiến tranh ngày càng ác liệt, nhà đông người, nhiều trẻ em không tiện cho cuộc sống và khổ cho bác. Chị Ba quyết định gửi tôi và hai em Lương, Lộc về vùng địch chiếm nhờ cô, dì nuôi giùm để tránh bom đạn. Chị dẫn ba em xuống xã Phước Thọ gửi theo bạn hàng đi bán từ Phước Lai xuống Phước Thọ đi đường rừng. Khi về xã Phước Lai, ba chị em tôi được ở chung nhà dì – dượng Sáu (má em Tứ) là em ruột của mẹ tôi. Dì – dượng tôi được ba người con hai gái một trai, em Rành là chị, bị bệnh kinh phong thường bị giật té, em Tất (trai kẹ) và em gái Tứ lúc đó còn nằm ngửa. Cả ba chị em đều bị kinh phong nhưng em Rành nặng nhất, còn hai em nhỏ thỉnh thoảng mới bị. Gia đình dì – dượng cũng nghèo, con bị bệnh lại thêm gánh nặng ba chị em tôi nữa nên cuộc sống càng khó khăn hơn. Tôi còn nhỏ, chỉ biết quét nhà, giữ em, nấu cơm, hai em chưa làm gì được. Dượng Sáu rất sợ Tây. Hai em Lương, Lộc thích lượm vỏ đạn và tìm đất sét nặn lựu đạn chơi, dượng bắt gặp thì rầy dạy, có lúc nặng lời khiến ba chị em buồn tủi khóc và dẫn vô cô Chín hoặc đến cô Mười (là em út của ba tôi). Cô – dượng ai cũng tốt, cũng thương cháu nhưng nhà nào cũng đông người, thêm dâu, rể rất đông. Nhà làm ruộng, vườn xay lúa, giã gạo hàng ngày không rảnh tay, trẻ nhỏ đông có lúc

làm phiên người lớn nên bị rầy la. Cô Chín có lúc “quát” lớn làm chị em tôi rất sợ, nhiều khi buồn khóc dẫn đi đến người này, động lòng lại đến người kia. Có khi từ nơi này đến nơi khác lỡ bữa cơm, người nhà hỏi “Ăn cơm chưa?”, tôi phải nói dối ăn cơm rồi vì không dám làm phiên, tối bụng đói ngủ không được, chị em nhìn nhau chảy nước mắt, cố gắng ngủ cho qua đêm.

Sau đó, anh Sáu Khiêm cũng về cô Chín nên hai em Lưỡng, Lộc ở nhà cô với anh Sáu. Dù còn nhỏ, nhưng anh phụ làm ruộng, hai em hàng ngày xuống ruộng nhổ mạ, mò cua, bắt cá. Tôi ở nhà dì Sáu giữ em, phụ bán bì bún buổi sáng, trưa khoảng 11 giờ bắt đầu gánh đi bán theo xóm từ ấp cầu Mạch Bà, Phước Lai đến xóm chợ xã Phước Long. Gần nhà cô Mười có nhà cô Khánh chứa bài tứ sắc nên tôi thường bán ở đó đến 5 giờ chiều mới về. Hôm nào bán ế, bị rầy, buồn, lại khóc. Dì tập cho tôi giã gạo, lúc trời tối tuy có đèn dầu nhưng ánh sáng nhá nhem không thấy đường, làm đổ gạo, cũng bị rầy nặng nhẹ. Dì tập tôi trèo cau lấy trái. Một lần, dì bảo cầm dao siết lấy cả buồng cau, tôi bắt chước như những người rành nghề, giắt dao vào lưng rồi trèo lên, mới được nửa cây, kiến hôi cắn quá, dì bảo “Gần tới rồi ráng lên siết rồi ném dao xuống”. Tôi chưa làm được vì kiến cắn vào mắt không thể thấy gì, đau quá tôi đánh cái “rột” là ngồi ngay dưới đất, tay chân

và bụng rướm máu. Đau quá mà còn bị rầy, tôi buồn nhưng cũng tại mình không làm được việc. Dì bảo xuống ruộng hái rau về ăn, tôi xuống hái chưa được chực cọng thì đĩa đeo đầy chân, tôi chạy về, mặt xanh như tàu lá chuối. Không có rau ăn, bị rầy nên chỉ còn biết khóc. Bác Bảy vẫn còn ở ngoài rừng nghe vậy, bác nhấn về hết ở với bác, không đi đâu nữa. Lưỡng, Lộc cũng đòi về, anh Sáu hỏi về đói lấy gì ăn, em Lưỡng nói ăn bần trừ cơm, Lộc thì nói ăn rau ráng. Thế là lần lượt ba chị em đều về lại nhà bác. Khi gặp bác, mình tôi còn những dấu thẹo trèo cau, bác khóc, tôi cũng khóc. Khi ở bên bác dù đói nhưng chúng tôi luôn cảm thấy thoải mái vì tình thương của bác. Rồi gia đình dì – dượng Năm Nhảm (bà nội Oanh) xin bác cho cưới chị Năm Thế về làm dâu. Bác Bảy đồng ý gả, chị Năm Thế lấy chồng (anh Hai Khá). Ít tháng sau, dịch lại ruồng bố bắn chết nhiều người dân trong làng, trong đó có chị Hai Khi, con gái của bác nên dân không thể ở đây được. Lúc này, chị em tôi lại ly tán.

Sau khi chị Hai Khi bị Tây ruồng bắn chết, nhà bác còn lại chị Khu, anh Tao và anh Sáu Nào. Theo lệnh Việt Minh, chúng tôi cùng dân làng tản cư ra xã Phước Khánh huyện Long Thành, ở đây có nhiều lúa gạo nhưng thiếu nước ngọt. Tập quán người dân ở đây “Thà cho năm lít gạo chứ không cho một lít nước ngọt”.

Chị em chúng tôi nhờ sự giúp đỡ cha mẹ chồng chị Năm Thế (dì Năm Khảm, bà nội cháu Oanh). Dì – dượng Năm tốt bụng cho em Lộc về ở với gia đình chị Thế nuôi giùm. Anh Sáu, tôi và em Lưỡng được chị Ba Giác dẫn xuống chiến khu xã Phước Thọ. Chị Ba buôn bán từ xã Phước Thọ ra xã Phước An, anh Sáu đi lưới mươn, do còn nhỏ làm công phụ cũng không nhiều tiền nên rất vất vả. Được ít tháng, gia đình bác Bảy ra xã Phước Khánh sống nên anh Khá chồng chị Thế (anh là cán bộ xã Phước Thọ) xin cho bác về làm chòi ở Phước Thọ ngoài rừng Sác gần nhà chồng chị Thế; rồi anh Sáu và em Lưỡng trở về với bác. Anh Sáu, anh Tư đi trủ lưới lo bữa ăn, tôi và chị Ba ở Phước Thọ. Tôi chưa làm được gì, chị em ở nhờ nhà anh Là, xóm bên ngọn Nương. Ngày nào địch cần thì theo vợ chồng anh Năm Xướng chạy giặc, êm thì vá quần áo hoặc qua nhà chị Chín Kia (nơi bộ đội đóng quân) để bộ đội dạy ca hát và xem các anh đóng kịch, thích nhất là các vai giả gái cũng mặc áo quần bà ba, đội khăn rằn và trước ngực còn có hai cục “u” lên rất mắc cười. Các anh ca hát và diễn kịch rất hay, khi có lễ lớn là các anh biểu diễn phục vụ cho dân xem. Tôi còn nhớ có lần chị Tám Tích, chị Chín Ngọc (em anh Năm Cư) hóa trang đóng vai Tây trông cũng oai. Phong trào “Bình dân học vụ” động viên toàn dân học văn hóa, bắt buộc học ví như tổ chức

gác đường, phải đọc được chữ thì mới cho vào chợ. Không khí kháng chiến thật sôi nổi, vui vẻ.

Xã Phước Thọ được giải phóng một thời gian ngắn rồi lại bị địch lấn chiếm, dân trong xã đa số chạy ra rừng Sác tiếp tục tham gia cách mạng còn một số thì chạy qua nơi khác. Lúc này, chị Ba đưa chúng tôi về chiến khu xã Phước Hòa ở ấp Tượng Rũ. Chúng tôi được ở chung gồm: chị Ba, anh Sáu, tôi và hai em Lưỡng, Lộc nhà ở gần mộ Tư Đạo (má của Sáu Nhỏ) và vợ chồng anh chị Năm Xướng. Chị Ba vẫn đi buôn bán từ Phước Hòa, Phước Thọ, Phước An (Phước Thọ còn ấp gần Phước An vùng giải phóng). Chị Ba và anh Sáu tham gia hoạt động cách mạng, anh Sáu làm cán bộ thông tin tuyên truyền của xã, chị Ba vào hội phụ nữ. Anh chị thỉnh thoảng tham gia công tác đào đường 15 ngăn chặn Tây vào vùng giải phóng. Chị em tôi được ở chung năm người thật đông vui nhưng cũng cảnh bữa đói, bữa no vì chỉ có chị Ba làm, anh Sáu thì làm thất thường còn lại ba đứa chưa làm gì được nên có lúc phải ăn rau thay cơm. Chị Ba cho hai em Lưỡng, Lộc đi học văn hóa do xã mở. Học được thời gian ngắn rồi do tình hình khó khăn xã không mở lớp dạy học nữa, sợ tập hợp các em lại khi có giặc không bảo vệ được các em nên hai em phải nghỉ học. Một lần, hai em đi hái lá mì về để luộc ăn thay cơm nhưng bị chủ rẫy giữ lại (vì

tưởng kẻ gian nhỏ trộm mì). Trưa anh Sáu về không thấy hai em nên đi tìm, đến gặp chủ rẫy mới “hóa ra em mây”, chủ nhà không bắt mà còn cho gạo đem về nấu cơm ăn.

Tệ hại nhất là tôi bị dịch sâu ghẻ hành hạ, chỉ có trong lòng hai bàn tay mà đau nhức không làm gì được. Ở đây, giếng đào phải gần 20 thước mới có nước, tôi không kéo được nước để xài, kể cả tắm giặt phải nhờ anh chị. Chị Ba đi buôn bán đường xa cực nhọc còn phải giặt quần áo cho tôi thật tội, thương chị vô cùng. Anh chị em chúng tôi chỉ có chị Ba là trên hết. Những ngày đi buôn bán đường xa, cứ mỗi chiều, tôi và hai em lại ngóng trông chị. Lưỡng, Lộc còn trèo lên cây sao trên gò mồi thật cao để theo dõi, khi thấy bóng dáng chị từ xa là chúng tôi reo lên “chị Ba về”. Chúng tôi vui mừng vì thêm một ngày chị được an toàn và có ít tiền mua gạo. Hôm nào có việc chị ở lại Phước An, thì tối lại ba chị em phải chui vào chiếc nóp (để tránh cọp ăn thịt), chờ khi nghe tiếng anh Sáu đi làm về chị em mới dám bò ra, người đứa nào cũng ướt đầm mồ hôi. Đến bây giờ nhớ lại cảnh truân chuyên, chúng tôi càng thương càng quý mến nhau vô cùng. Mặc dù có sự che chở dùm bọc của cô, dì, chú, bác nhưng chị em tôi vẫn ý thức và có trách nhiệm tự mình vươn lên. Trước hết là chị Ba Giác, người đã hy sinh đời mình, giang rộng

cánh tay lo cho đàn em đến lúc trưởng thành. Các em đều ngoan hiền biết vươn lên trong cảnh đói nghèo, vượt lên số phận không quy lụy van xin, giữ tư cách làm người theo gương của cha mẹ.

Năm 1949, chị Chín Cầu (con dì Hai Kiểng) bàn với chị Ba cho tôi đi theo chị Chín (chị là cán bộ phụ nữ huyện Long Thành đóng tại chiến khu Phước An) về cơ quan phụ nữ huyện, chị Ba đồng ý. Trước khi đi do không có quần áo lành nên chị chấp nhiều mảnh nhỏ để may cho tôi bộ quần áo. Vào cơ quan lúc này chị Mười Luận là hội trưởng, sau đó chị Bạch thay chị Luận về tỉnh. Ở chiến khu Bàu Bông phong trào cách mạng mạnh mẽ, người ta còn gọi “Long Thành quốc”, các cơ quan đoàn thể, mặt trận Việt Minh đóng gần nhau. Cơ quan phân công tôi làm giao liên đem thư đến các cơ quan và ngược lại. Sau việc giao liên thêm việc cắt dán bao thư, in ấn loát, vào sổ thư đi, thư đến. Chị Trai viết chữ bằng mực poli copy và chị viết chữ in rất đẹp. Do tính thật thà, hiền lành nên các chị rất thương, được gần các chị cũng thấy ấm lòng. Mỗi khi tôi đi chung với các chị Bạch, chị Tuyết, các má hỏi “Con của con đó hả?” vì tưởng tôi là con của các chị. Trong cơ quan có nhiều bạn nhỏ như tôi nhưng các bạn ở đây đều đi học còn tôi thì đi làm dù là việc nhỏ bởi vì các bạn là con em của cán bộ, còn tôi chủ yếu là nhờ cơ

quan nuôi cơm nhưng dù sao cũng được sự dạy bảo tận tình của cơ quan nên tôi cũng đỡ khổ và khôn lên.

Lúc này chị Ba, anh Sáu và hai em Lưỡng, Lộc ở Phước Hòa. Anh Ba Nổi là du kích xã Phước Hòa thường đến nhà anh Tư Khê (con mợ Tư Đạo gần nhà) chơi, thấy cảnh chị em như vậy anh thương. Tìm hiểu chị Ba rồi gia đình anh nhờ người đến xin bác Bảy cho cưới chị Ba làm vợ anh Nổi. Bác Bảy đồng ý vì thấy gia đình anh Nổi hiền lành. Chị Ba đồng ý nhưng với điều kiện là không về ở nhà chồng vì chị còn phải lo cho các em. Dù nói vậy nhưng từ đây chị phải chịu thêm trách nhiệm làm dâu, làm vợ (anh Ba cũng là người anh trai lớn trong nhà có đông anh em) nên chị phải chạy đi chạy về giữa hai gia đình thật vất vả. Được ít lâu, em Lưỡng đi theo bộ đội Hồ Văn Long. “Đi bộ đội” nói cho oai chứ sự thật các anh thương cho đi theo để nuôi cơm. Khi hành quân có lúc các anh thay nhau công vì còn nhỏ theo không kịp bộ đội. Còn lại chị Ba, anh Sáu và em Lộc (anh Ba Nổi ở chung với du kích thỉnh thoảng chạy về cũng vất vả không kém chị tôi).

Thời cuộc thay đổi: Tôi ở cơ quan phụ nữ đến năm 1950. Tình hình địch tập trung đánh phá ác liệt các vùng chiến khu của ta như Phước Hòa, Phước Thọ, Phước An nhất là Bàu Bông, Vũng Gấm. Dân đi lại làm

ăn khó khăn, cách mạng đưa đi tản cư nơi khác. Các cơ quan phải gọn nhẹ, một số đi sơ tán, số còn lại sẵn sàng chiến đấu. Trong một trận càn địch bắn một số cán bộ huyện hy sinh trong đó có chị Tuyết, cán bộ phụ nữ và một chị bị bắt sống. Lúc này, cũng là lúc lực lượng chủ lực chuẩn bị rút đi. Địch tập trung đánh chiếm vùng giải phóng, riêng cơ quan phụ nữ tổ chức phân tán. Các em nhỏ trước ở đây đi học nay cho về nhà trong đó có tôi. Khi tôi về nhà vùng giải phóng Phước Hòa đã bị địch chiếm lại, dân về vùng tự trị (vùng địch chiếm đóng) nên anh Sáu, tôi và hai em Lưỡng, Lộc trở về Phước Lai. Anh Sáu và hai em ở nhà cô Chín, tôi ở với dì Sáu.

Năm 1951, chủ trương của cách mạng cho dân về làng xã cũ làm ăn. Chị em tôi cũng về lại quê hương xã Phước Long, bấy giờ có cả chị Thế vì anh Khá đã hy sinh trên đường đi công tác. Chị Năm Thế đang mang thai đứa thứ hai (cháu Oanh). Sau khi ở nhà chồng sinh con xong, cha mẹ chồng còn ở ngoài rừng thì chị về sum họp với chị em cho vui. Chúng tôi đủ sáu người, thêm một anh rể (chồng chị Ba Giác), có cả gia đình bác tôi nữa nhưng giờ đây con của bác từ bốn người nay còn lại chỉ có người con út là anh Sáu Nào (chị Ba Khu và anh Tư Tao bị bệnh chết từ lúc còn ở rừng).

Năm 1954, hòa bình lập lại, qua chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp. Anh chị em tôi tuổi còn thơ ấu, mồ côi cha mẹ và trải qua bao năm ác liệt dưới bom đạn, khổ sở vì bệnh tật, đói khát nay được trở lại nơi chôn nhau cắt rốn, không khỏi ngậm ngùi, nhớ thương cha mẹ và anh Hai. Những kỷ niệm về gia đình ấm êm, hạnh phúc ngày xưa chúng tôi không bao giờ quên. Điều mừng nhất là sáu chị em chúng tôi đều còn sống đủ mặt, lại có thêm hai anh rể (nhưng chồng chị Năm đã hy sinh) và được ở chung với bác Bảy. Cả nhà thật đông vui, thanh bình trở lại chỉ còn nghèo đói, bệnh tật. Những năm đi vào chiến khu bỏ ruộng, vườn đất trở nên hoang tàn, cỏ cây thành rừng, cây ăn trái chết hết chỉ còn lại vài cây sầu riêng. Nhà ở không có, các loại thú rừng như chồn, trăn, thỏ, nhím... rất nhiều. Có lần trước nhà tôi có con trăn thật lớn khoảng chục ký phải nhờ các anh phụ mới bắt được.

Cuộc sống còn nhiều vất vả nhưng anh chị em tôi cũng dần lớn khôn, ai cũng siêng năng lao động, chung lo cho cuộc sống. Chị Ba vẫn ở vai trò “chỉ huy”, ngày càng có kinh nghiệm dày dặn. Anh rể tình nguyện làm “chỉ huy phó”, các “lính nhí” rất nghiêm chỉnh nghe lệnh và thực hiện. Chị Ba tiếp tục buôn bán, lúc đầu làm giá bán chợ rồi vào xóm mua muối về bán lại. Anh Ba, anh Sáu phát vườn trồng cây, làm nhà để ở. Tôi và

hai em trai mò cua, bắt cá, hái rau vừa để ăn vừa bán để phụ tiền mua gạo. Có lúc tôi và anh Ba đi làm cỏ mướn, đến mùa lúa chín anh Ba qua Bung Lớn (xã Long An, huyện Long Thành) gặt lúa mướn. Anh gặt rất giỏi, đến ngày đem lúa về giao cho chủ ruộng. Tôi và em Lưỡng theo phụ, anh Ba bó lúa rồi ghim vào cây đòn xóc mỗi bên hai bó, tôi và em Lưỡng đứng sẵn trên bờ (vì gánh lên bờ không nổi) chờ anh Ba đem lúa để lên vai gánh chạy vào sân. Vì còn nhỏ, sức yếu mỗi gánh có 4 bó lúa mà đến trưa mệt té tới, té lui. Chủ ruộng không thương lao động trẻ em mà trọng lúa của họ hơn nên có khi chủ ruộng chửi bới om sòm đuổi không cho làm khiến anh Ba phải năn nỉ mãi họ mới thôi.

Lớn lên một chút tôi và em Lưỡng hằng ngày xuống ruộng hái rau chạy, rau đắng chiều về bó lại, 4 giờ khuya tôi gánh đi theo bạn hàng trong xóm lên chợ Long Thành bán. Từ nhà đến Long Thành khoảng 18 cây số lướt đi và về vậy mà bán rau chỉ mua được vài lít gạo tằm. Do không đủ gạo nấu cơm nhiều lúc phải nấu cháo với cây môn ngựa để ăn. Thương anh Ba chịu đựng đói rách không một tiếng than mà anh còn vui vẻ động viên các em, anh chị em tôi rất kính trọng anh. Nhà anh cũng nghèo, em đông nên lúc có tiền, chị Ba thường chia ra gửi về để phụ nhà anh.

Năm 1952, chị Ba sinh em bé (cháu Hai Lân là con trai đầu lòng của chị Ba). Cả nhà tôi ai cũng mừng và thương yêu cháu. Chị Ba sinh cháu vào tháng bão lụt (năm Thìn) nước ngập đường sá trôi nhà cửa, chợ Biên Hòa ngập nước, đồ đạc trôi ra sông Đồng Nai. Sau này nghe nói số cán bộ và bộ đội không đi tập kết ở lại cũng bị đói, phải bơi ra sông vớt những bao cám trôi sông vào nấu ăn chống đói, thật là khổ sở. Lúc chị Ba sinh, tôi theo dì Sáu Diệu và chị Sáu Thôi vào sở Bình Sơn làm công nhật chặt củi cao su. Khi ba chị em về đến cầu Suối Lợi, cầu bị sập, ba người bị nước cuốn trôi đi gần vài chục mét. May nhờ có ông người Hoa chặn lại và lôi lên giùm. Vì bị ướt nước nên khi lên bờ người nào cũng nôn mửa. Về đến Long Thành bị bệnh luôn cả tuần mới hết.

Lúc chị Ba sinh, bận lo cho em bé nên anh chị em chúng tôi làm việc nhiều hơn trước. Tôi và em Lương lên Long Thành ở nhờ nhà người quen đi quét lá cao su (quét lá trách). Chị Ba làm muối sả cho chị em đem theo ăn rồi dặn dò đủ thứ vì chúng tôi chưa từng tự lập, đi xa nên chị lo lắng. Một hôm, chị em tôi đi làm như thường lệ, không ngờ chị mang bầu đi bộ 18 km núp trong nhà người quen theo dõi tôi và Lương lên xuống xe ra sao. Chị thấy chị em tôi nhỏ xíu không bằng ai rồi chị khóc, còn tôi và em Lương cứ bình thường với

suy nghĩ những người lớn lên phải đi làm. Em chị rất tự tin, còn chị vẫn coi em chị còn khờ dại, sợ người ta ăn hiếp. Vì tình thương em, chị đã không kể thân mình mà tôi và em Lưỡng không hay biết. Sau này chị mới nói lại, chúng tôi thương chị vô cùng.

Tôi theo người lớn làm nhiều nghề mà việc gì cũng tẻ, chị làm bánh cho tôi đi bán, (bánh ít bột khoai mì, bánh con tằm, trôi nước). Khi đi bán ở Phước Thọ gặp người quen (trước cũng ở chiến khu) hỏi thăm chị em. Sau đó, cây mai đến hỏi xin cưới về làm dâu, chị Ba thấy gia đình cũng nghèo và hiền lành định gả. Tôi không chịu và mắc cỡ nên không thèm đi bán nữa mà đi làm mướn nhiều nghề. Theo dì Sáu Diệu đi làm trùng tiền (làm đường nhựa) nắng quá được mấy hôm tôi bị xỉu, chị Ba không cho làm nữa. Rồi tôi và dì Sáu Diệu qua bót mới (Bà Ký xã Long An) đi cấy, đi giặm lúa mướn. Hôm nào gặp ruộng không có đĩa thì có tiền, đĩa nhiều chạy lên bờ bị đuổi việc, đi cấy công chê nhỏ chủ ruộng không nhận thì về. Sau đi cạo mủ cao su ở Bàu Năng ngoài sát lộ 15, lúc sau chủ đưa vào sở Bàu Năng trong, do “chối nước” bị bệnh. Chị Ba sợ “cha về bắt con” nên không cho tôi đi làm ở đây nữa.

Sau lành bệnh, tôi vào sở Bình Sơn và sở Siph làm công nhật phạt chổi, quét lá, làm cỏ, đào mương...

rồi xin đi cạo mủ ở Bình Sơn. Trước khi ra lô cạo mủ, sáng nào cai, đội cũng bắt điểm danh tại sân Diêm. Họ bắt đứng thẳng hàng, lúc đầu tôi và chị Ba Sen (bạn học) không biết khi cai đến thấy tôi và chị Ba Sen nhỏ quá, cai đội nói “con nít” bị đuổi về. Lúc sau, tôi và chị Ba Sen đứng trên gốc cây trong hàng giữa để thấy cao bằng mọi người mới không bị đuổi. Họ cho cạo cây già ở các lô gần Miếu Bà, cây lâu năm đường kính lớn nên phải bắc thùng đứng lên cạo và dời 3-4 lần mới xong một cây. Chưa kể có lúc rất nguy hiểm nạn xách mủ bị té. Một lần, chị Sen bị té mủ nước văng lên đầu, mặt, mũi không thấy đường đi, tôi phải dẫn ra chỗ có nước để xả mủ nhưng mủ vào tóc thì phải rửa bằng dầu hôi hoặc xăng, loại này vào đầu cũng nóng bức nên bị rụng tóc, sới đầu mấy tháng thật tội nghiệp. Từ đây, tôi và chị Sen trở thành thợ cạo mủ.

Đầu năm 1952, anh Ba và anh Sáu bị địch bắt đi làm xâu ở Phước Thái. Vì đi làm cực khổ ở lán trại, không có nước uống anh bị cảm thương hàn rồi địch cho về. Hai bác (ba má của anh Ba) không biết bệnh thương hàn mà nhờ “lên đồng” ông cốt lên “ạ ọe” rồi nói bị “Ông Trương Nhất Túc bắt” nên không chạy thuốc chữa trị mà lập nhiều bàn thờ cúng bái lạy lục van xin “bề trên”. Bệnh ngày càng nặng, anh Ba chết vào ngày 25 tháng 2 năm 1953 âm lịch (sau năm ngày

phát bệnh) khi anh chưa đầy 30 tuổi. Hai bác và cả nhà òa lên khóc, bác trai tức giận đập đổ hết bàn thờ rồi chửi rủa “Ông Trương Nhất Túc”. Chị Ba tôi tay ôm con nhỏ chưa đầy 5 tháng tuổi, đầu bịt khăn tang chồng. Anh chị em tôi vô cùng thương tiếc đứng lặng người, thương anh chưa hết mừng vì mới có đứa con đầu lòng, chưa một ngày được thành thoi. Chị tôi thì sóng gió dồn dập lên cuộc đời của chị, giờ đây vừa có con nhỏ lại góa chồng lúc còn trẻ tuổi. Các em chị xác định trách nhiệm giúp đỡ chị vượt qua nỗi tang thương mất mát này. Rồi chị cũng nén buồn tủi cùng các em tiếp tục chung lo cuộc sống và nuôi con. Cháu lớn lên chị để ở nhà cho cậu Lộc giữ, chị cùng vào đồn điền Bình Sơn làm công nhân cạo mủ, sẵn có xe đón từ Phước Long lên Bình Sơn, chiều đưa về. Rồi lần lượt em Lương, chị Năm, anh Sáu trở thành công nhân Bình Sơn, lớn lên em Lộc cũng là công nhân cạo mủ.

Năm 1953, cả nhà trở thành công nhân. Mỗi tháng, anh chị em lãnh lương, có gạo, tiền nên cuộc sống khấm khá hơn. Từ đó, mua chút đỉnh tài sản trong nhà, quần áo ai cũng lành lặn hơn. Một điều đặc biệt tiền làm được ai cũng đưa cho chị Ba quản lý. Tổ chức cuộc sống có nề nếp hơn, không đua đòi ăn xài. Vì vậy, chẳng những lo cho bữa ăn hằng ngày, lo ơn nghĩa, làm lại nhà cửa mà chị Ba còn dành dụm sắm

được một ít nữ trang, quần áo dài, dép sandal và mua được chiếc máy may nữa, phòng khi có tiệc tùng, đám cưới khỏi phải đi mượn. Cô bác ai cũng mừng và khen ngợi, có người bảo con họ: “Đến mà coi học hỏi tụi chị em con Giác, không có cha mẹ, mà chị em yêu thương nhau, lao động giỏi giang nên có cuộc sống tốt như vậy đó”.

Thời chống Mỹ

Năm 1954, sau những ngày đình chiến, dân làng trở về làng xóm cũ làm ăn. Cán bộ Việt Minh không đi tập kết cũng về bám lại để tiếp tục lãnh đạo nhân dân như: chú Bảy Thường, anh Nhiệm, anh Trị, chị Chín Cầu. Bước vào thời kỳ lãnh đạo nhân dân đấu tranh chính trị (đơn thuần), đòi chính quyền Mỹ – Diệm thực hiện hiệp định Genève: tổng tuyển cử, chống bắt xâu, bắt lính, chống bắt người kháng chiến cũ, chống bắt thanh niên, phụ nữ vào tổ chức cộng hòa, chống tư bản đánh đập, cúp phạt, sa thải công nhân... Anh chị em chúng tôi lần lượt tham gia hoạt động cách mạng. Chị Chín Cầu đi làm sở, cùng chị Hai Túc, chị Nhị, Sen, chị Năm Chốt và một số các anh chị em trong xã vào sở Bình Sơn cạo mủ. Sợ người ta bắt nạt nên các chị vận động anh Nguyễn Văn Bính làm cai ê kíp dân Phước Long. Anh Bính là bộ đội Đô Lương kháng chiến chống Pháp anh bị thương không đi tập kết mà về Bình Sơn

làm công nhân cạo mủ. Ban đầu, anh không chịu, sau các chị giải thích mãi anh mới nhận làm cai kíp dân cạo mủ chúng tôi. Anh ở Bình Sơn khi có xe rước công nhân từ Phước Long – Bình Sơn nên anh về Phước Long ở nhờ nhà dì Sáu Điều. Hàng ngày, cùng đi làm với chúng tôi, sáng đi chiều về.

Chị Chín Cầu cũng đi làm ở sở nhưng tôi biết được chị bí mật đi học nghị quyết cách mạng ở miền Tây. Sau về chị tổ chức chúng tôi lại và giao tôi làm tổ trưởng của chị Hai Nghị, chị Ba Sen, chị Năm Chót, và một số chị nữa cũng trong dân cạo mủ. Sau đó phân công thêm nhiệm vụ giao liên, đưa thư và cán bộ đi lại hoạt động hợp Pháp. Nhà chị còn làm trạm để các anh Tám Thạch, anh Tư A (Ba Tấn), anh Nhẫn... từ Bình Sơn về. Tối các anh ngủ ở nhà tôi, sáng lại chị Năm Thế đưa các anh lên khu căn cứ lòng chảo huyện Long Thành và ngược lại từ Phước Long về Bình Sơn. Lúc này, anh chị em tôi đều tiếp tục tham gia hoạt động cách mạng. Trong quá trình đó, chị Ba và anh Bính có tình cảm muốn xây dựng gia đình. Được cô bác và các em đồng ý chị tái giá, gia đình tổ chức đơn sơ bằng bữa cơm thân mật để trình báo với cô bác, xóm làng. Anh Bính thành rể về ở nhà tôi. Cả nhà đều được cách mạng giao nhiệm vụ, mỗi người mỗi việc hoạt động từ

xã Phước Long đến đồn điền cao su Bình Sơn, thuộc huyện Long Thành.

Giặc Mỹ gây tang thương

Tháng 7 năm 1956 bọn Mỹ – Diệm tổ chức chiến dịch Trương Tấn Bửu, nhằm đánh phá phong trào cách mạng của công nhân. Nhất là trong các đồn điền cao su, các hăng xưởng. Điển hình, bắt bớ tù đầy công nhân ở các đồn điền: Bình Sơn, Siph, An Viễn; dịch truy lùng bắt gần hết số cán bộ đảng viên và cơ sở ở Bình Sơn như ông cai Hoàng, cai Ruệ, ông Thi, anh Dương, chị Khanh, ông Tiền, còn số khác chạy tản cư lánh nạn tạo thành vùng trắng. Chúng ra “luật 10/59” tiếp tục bắt bớ giam cầm cán bộ. Tên Hà Tư, Bí thư Huyện ủy Long Thành chịu không nổi gian khổ đã đầu hàng địch chỉ điểm bắt nhiều cơ sở ở các xã. Ngày 4 tháng 5 năm 1959, anh Sáu Khiêm, anh Bính và anh Cấn trên đường đi làm như thường lệ khi đến cầu Xéo Long Thành địch chặn bắt đánh đập và bỏ tù. Chúng khảo tra và đưa qua các nhà tù khám đường Biên Hòa, Chí Hòa, Phú Lợi. Cuối năm 1960, địch mới thả. Mỗi lần, nghe tiếng xe Jeep chạy tới đâu là náo động đến đó. Sau khi địch bắt số cán bộ của ta trong đó có anh Nhẫn, anh Sáu B (anh Cầu), tên Hà Tư cho lính và y đích thân xuống nhà tìm chị Chín Cầu để bắt. Chị Chín

chạy xuống rừng Sác tránh kịp, chị Năm Thế cũng né về nhà chồng, còn tôi đi làm ở luôn trong sở; hai em Lưỡng, Lộc cũng lánh mặt mỗi lần địch xuống nhà, kết hợp bọn tại xã cũng gây khó dễ nên chị Ba tôi ở lại Bình Sơn học may. Đầu năm 1961, bọn tề xã buộc tôi phải về xã để đi học phụ nữ cộng hòa. Chị em tôi biết đó chỉ là cái cớ, nếu cãi lại nhất định nó sẽ bắt. Tôi tìm về và xin ý kiến chị Chín. Từ Bình Sơn về nhà thấy cảnh chị Ba buồn, hai em cũng lặng thinh, một không khí thương tâm. Tôi nói với chị Ba là phải tìm gặp chị Chín. Đến nơi, thấy chị ở trong rừng một mình, tôi ôm chầm lấy chị và khóc vì thương chị quá. Sau đó, tôi báo cáo tình hình với chị và xin ý kiến chị xem đối phó thế nào. Trao đổi một hồi chị quyết định cho tôi thoát ly “không đi học gì hết”, chị định ngày về đón. Tôi biết chị Ba cũng sợ địch bắt tôi nhưng vì thương chưa muốn cho em thoát ly nên tôi chuẩn bị đồ đạc, tôi vẫn giấu chị. Đến lúc, chị thấy đôi dép râu, chị òa lên khóc, chị hỏi “Em đi thiệt hả?”. Tôi gượng “Chị đừng buồn vì ở nhà nó cũng bắt”. Hai em Lưỡng, Lộc biết tôi chuẩn bị đi hai em buồn thấy tội nghiệp và hai đứa lại gần nói: “Chị để chúng em đi, chị là con gái mà đi chi”. Tôi vỗ về “Hai em còn nhỏ, lớn chút nữa sẽ đi”, ba chị em buồn muốn khóc rồi phải dứt khoát thôi.

Tổn thất

Đúng hẹn, ngày 1 tháng 5 năm 1961, chị Chín và các anh về đón tôi. Lúc chạng vạng, tôi vừa đi vài chục thước thì cháu Lân (con chị Ba) và Tiến (con anh Sáu) gọi và khóc: “Cô Bảy ơi, cô ở đâu về quạt cho con ngủ”. Lòng tôi nặng trĩu nhưng làm sao trở lại được, cố làm vui khi gặp các anh chị, cùng lên căn cứ khu lòng chảo. Đến nơi trời vừa tối, mới sáng ra có anh đến bắt tay tôi rồi hỏi: “Cô Tiếp bán vàng mua võng, đi làm cách mạng đây hả?”. Tôi “dạ”, nhưng thắc mắc người này mình chưa quen sao biết kỹ vậy? Ngày 2 tháng 5 năm 1961, bộ đội cũng ở căn cứ, tôi nghe các anh nói là đơn vị đánh địch ở xã Long Tân mới về. Ở căn cứ này đến 5 giờ chiều, tôi theo đoàn giao liên qua đông lộ 15 rồi đi luôn đến vùng căn cứ tỉnh Bà Rịa. Vào học trường đào tạo cán bộ phụ nữ cấp huyện, lớp học gần 60 người, ở Long Thành có chị Sáu Hồng, chị Hai Nữ, chị Xuân Mai, chị Hai Liễu (vợ anh Hai Thông). Lớp học một tháng do cô Mười Ấn phụ trách (cô Mười ở Tây Ninh). Mãn lớp học, tôi tham gia trận đánh địch ở sở Bình Sơn. Đêm ngày 8 rạng ngày 9 tháng 6 năm 1961, do lực lượng đại đội 400 của R, chỉ huy trưởng là anh Lê Minh Thịnh đại đội trưởng, anh Võ Văn Đại (Mười Đại), anh Nguyễn Quốc Thanh là chỉ huy phó. Đánh

trận này với mục đích lấy Bình Sơn làm trọng điểm, thị trấn Long Thành, Lộc An, Sở Siph là diện “công đồn dã viện”. Đánh vào sở Bình Sơn cướp được súng của địch, lấy máy tiện về cho quân giới làm vũ khí, lấy lương thực, thực phẩm của đồn điền Pháp về cung cấp cho bộ đội. Bắt chủ sở Pháp vào căn cứ để giải thích về chính sách của cách mạng, bắt chúng đóng thuế cho cách mạng. Kết quả quân ta bắt sống tên Pháp kiều Monnerctdumane (giám đốc sở), đưa vào căn cứ làm việc sau đó thả về. Sau này, họ chấp hành đóng thuế cho cách mạng.

Trong trận đánh này, lần đầu tiên tôi được phân công là “chỉ huy”, dẫn đường cho lực lượng dân công gần cả trăm người có cả cán bộ chiến sĩ và dân ở vùng chiến khu, một số là dân tộc Châu Ro. Vì đoàn đông người nên tôi phải sinh hoạt trước, hướng dẫn cách đi trong lô cao su vào ban đêm khỏi bị đụng vào cây hoặc té xuống giếng sâu như: Mọi người phải bám vào nhau, người sau tìm cây mục (có ánh sáng nhẹ) gắn lên ba lô người đi trước, hoặc nhìn lên ngọn cây và đi theo khoảng trống có ánh sáng. Có người còn hỏi vài thứ cần thiết tôi giải thích rõ ràng. Đến khi ta chiến thắng và chiếm lĩnh toàn bộ sở, tôi dẫn một số dân công vào kho lấy đồ gồm: gạo, mắm, muối, vải, đường, sữa... có cả bia nữa. Kiểm tra, lấy đồ xong tôi dẫn đoàn đi qua

các lô cao su về căn cứ Miếu Bà (xã Thoàng). Đi được nửa đường thấy tình hình an toàn, tôi cho đoàn nghỉ sức. Lúc này, ai cũng thấm mệt và đói. Có người xem trong ba lô có gì ăn được thì ăn cho đỡ đói; có người uống sữa hộp sống không quen nên bị đau bụng; số người dân tộc Châu Ro uống nhiều bia nên bị say. Chúng tôi phải thay nhau tải đồ và công họ về. Đến nơi điểm lại đoàn có đủ người không thiếu một ai, lấy được nhiều đồ ai nấy kể chuyện, có người còn nói: “Cô dẫn đường đi giỏi quá, lô mênh mông như vậy mà không lạc thật tài”. Tôi vừa mừng vừa ngại, chỉ nói “Tại vì tôi là công nhân cao su”. Sau trận đánh ở Bình Sơn, tổ chức đưa tôi về đội công tác đồn điền cao su Bình Sơn. Tôi là một trong sáu người được Đảng tổ chức đội công tác đầu tiên của thời kỳ sau chiến dịch Trưng Tấn Bửu.

Tôi tham gia hoạt động cách mạng thoát ly gia đình. Vừa xuất quân giành thắng lợi thì cũng vừa biết tin nhà tôi trong cảnh tang thương. Ngày 2 tháng 5 năm 1961, địch đến nhà bắt anh Sáu tôi lần thứ hai, lần này chúng bắt vì tội “cho em mảy theo Việt cộng”. Chúng đánh anh dã man. Về các nhà lao chúng tiếp tục khảo tra nhưng anh cũng không một lời khai báo (đến ngày 2 tháng 6 năm 1963 địch mới thả). Anh Bính (anh rể) là bộ đội chống Pháp thương binh nên là đối

tượng địch theo dõi; em Lương chạy lên cậu Tư Nang ở Biên Hòa tránh nạn; em Lộc và anh Sáu Nào (con của Bác Bảy) thoát ly. Được một thời gian ngắn không thể tránh né được nữa em Lương cùng em Tất (con dì Sáu) cũng thoát ly. Chị Năm Thế lánh về nhà chồng nhưng địch không để yên, chị cũng thoát ly. Lúc này, ở nhà còn lại anh chị Ba, chị Sáu, làm lụng vất vả lại phải đi thăm nuôi tù, nuôi các cháu nhỏ. Chị Ba bán hết số nữ trang và một ít đồ dùng trong nhà để lo cuộc sống. Vậy mà, chị vẫn tiếp tục hoạt động cách mạng rồi chị được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam, con chị là cháu Nguyễn Văn Lên được kết nạp vào Đoàn Thanh niên Cộng sản. Chị Năm Thế thoát ly làm công tác phụ nữ ở xã, gửi hai con gái lại nhờ ông bà nội nuôi giùm (cháu Hoàng, Oanh). Trong một lần đi công tác, chị Năm Thế bị địch phục kích, bị bắn, hy sinh ngày 5 tháng 10 năm 1962 âm lịch. Chị để lại hai con nhỏ dại, bơ vơ. Ai cũng động lòng thương vì trên đầu mỗi đứa con bịt hai mảnh khăn tang của cha mẹ chúng.

Sau khi chị Năm hy sinh, tờ báo *Tin tức* của tỉnh Biên Hòa có đăng bài thơ tặng chị vào tháng 11 năm 1962 như sau :

Má ơi! Má đâu rồi

Tiếng kêu thảm thiết từng hồi đêm khuya

Ngủ đi con, sáng sớm mẹ về
Con đừng khóc nữa vỗ về bà ru
Đêm nay không ánh trăng lu
Nhìn hai cháu đại hận thù trào sôi
Chim non trong cảnh cút côi
Xót thương hai trẻ lệ rơi tuôn dầm
Chia lìa cốt nhục tình thâm
Hồn oan như thể thì thâm đâu đây
Năm xưa cũng một ngày này
Quân thù đã giết cha bấy trẻ thơ
Đau thương uất hận chưa mờ
Hầm hiu bên mẹ con thơ ấm lòng
Ngày đêm nợ nước thù chồng
Hai vai gánh nặng dứt lòng ra đi
Nắng mưa gian khổ ngại gì
Tình thương con đại gác đi bên lòng
Quyết đem xương trắng máu hồng
Bảo vệ Tổ quốc ruộng đồng quê hương
Thế rồi chị ngã bên đường
Quân thù đã cướp tình thương cuối cùng

*Chị chết trọn nghĩa vẹn trung
Như gương liệt nữ Triệu Trưng thuở nào
Muôn tim rạn nứt thương đau
Khi nhìn hai trẻ lao nhao bên bà
Gương chị là bản hùng ca
Như đang thúc giục trẻ già đứng lên
Đấu tranh cương quyết vững bền
Diệt tan Mỹ – Diệt xây nên tự do.*

Anh Sáu bị địch bắt lần thứ hai mới vừa được thả về gặp cảnh chị Năm và ba đứa em thoát ly hết, cảnh nhà vắng vẻ điêu tàn. Nghe tin chị Năm hy sinh, chị Ba trên đường đi làm về thì té xỉu. Tàn ác hơn địch còn hành xác chị Năm và mắng chửi cách mạng, gây khó dễ cho gia đình. Dù căm thù tột độ nhưng anh chị nuốt hận vào lòng, lo chôn cất chị Năm. Anh Sáu cũng thoát ly vào đơn vị cao su Bình Sơn tham gia đánh Mỹ.

Khi thoát ly làm cách mạng dù không nói ra nhưng tôi đã thề với lòng mình “đánh hết giặc thì ta mới về”. Không ngờ có sự trùng hợp đúng như vậy. Tôi thoát ly ngày 1 tháng 5 năm 1961 thì đúng ngày 1 tháng 5 năm 1975 - sau ngày giải phóng miền Nam tôi mới có dịp về thăm nhà. Những kỷ niệm ngày xưa còn

in rõ trong tôi, dù mọi việc tôi không nhớ rõ theo thời gian nhưng những sự kiện đau thương của gia đình, anh chị em là máu thịt chung nhau làm sau quên được. Ngày tôi ra đi anh Sáu bị địch bắt tra tấn tù đầy, chị Ba là đối tượng địch khủng bố, hai em Lưỡng, Lộc và chị Năm thoát ly hết. Chưa đầy một năm, có dịp đi công tác về Chiến khu Đ, chị Năm ghé đơn vị thăm tôi nhưng tôi đi công tác xa, chị em không gặp nhau. Ít tháng sau, thì có tin báo chị đã hy sinh, thế là tôi vĩnh viễn mất chị. Cách ít tháng nghe tin em Lộc mới tòng quân vào tham gia trận đánh bót xã Phước Thọ bị thương ra máu miệng nhưng dũng cảm không rời vũ khí, dù chỉ có cái rựa. Về đơn vị em được biểu dương, làm tôi thấy thương em, tự hào và tin tưởng ở em mình hơn. Vài năm sau, nghe tin em Lưỡng bị thương mất một chân (1963). Vết thương lành thì tổ chức cho em Lưỡng đi an dưỡng ở Miền Bắc. Vợ Lưỡng là cô Hoa có thai con đầu lòng (cháu Toàn), ở lại sanh 18 ngày không thể nuôi con được nên phải gửi về nhờ bà Sáu (má Tứ) nuôi giùm. Sau khi trao con cho bà Sáu, đoàn vôi vàng trở về căn cứ. Trên đường đi địch bắn hy sinh một anh cán bộ trung đội, anh Phước (anh Phước tự là Bảnh, người ấp Bà Ký, Long Thành).

Quá trình kháng chiến trải qua tình hình ác liệt hơn. Em Lộc làm bí thư chi bộ xã cùng du kích đánh

giặc trên năm lần bị thương, chị Ba bị chúng khủng bố bắt đánh đập học máu tại nhà nhưng không bỏ nhiệm vụ, bởi vì chị là chi ủy viên được quần chúng thương mến và tín nhiệm. Em Tất (con dì Sáu), anh Sáu Nào (con Bác Bảy) hy sinh. Khi lớn lên cháu Hoàng, con chị Năm thoát ly chiến đấu, hy sinh. Dù Đảng và Nhà nước tuyên dương chị Năm Thế và vợ bác Bảy là “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” nhưng đau thương tang tóc đã cướp đi tình yêu thương của anh chị em chúng tôi không có gì bù đắp nổi sự mất mát lớn lao của tình thâm cốt nhục. Mỗi người còn sống anh chị em chúng tôi không làm sao quên được mối căm thù uất hận, đã hành động trả nợ nước, báo thù nhà bằng việc hoàn thành nhiệm vụ kháng chiến. Từ năm 1954 đến 1965, các anh chị em chúng tôi tham gia chiến đấu kiên cường, tất cả đều trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Năm 1975, chấm dứt chiến tranh, mỗi người dù lớn hay nhỏ cũng có vị trí danh dự trong xã hội, không phụ công ơn sinh thành của cha mẹ, của anh chị, của Đảng và xã hội (chị Ba tham gia Xã ủy, chị Năm – mẹ Việt Nam anh hùng, anh Sáu Khiêm, hai em Lưỡng, Lộc cấp Huyện ủy, tôi tham gia cấp Tỉnh ủy). Nếu không có “trục trặc” tôi tin rằng anh chị em tôi còn có thể đóng góp cho cách mạng nhiều hơn.



Trước lúc thoát ly, năm 1960



Chị Năm Thế
(hy sinh năm 1962)



Bí thư Ban cán sự Cao su, năm 1968-1969



Cùng nữ du kích Hoàng
năm 1970



Duyên lành, chiến khu Rừng Lát, năm 1972



Dự kỳ họp BCH Liên hiệp
phụ nữ miền Đông



Học Nghị quyết ở Trung ương Cục



Hạnh phúc làm mẹ



**Huỳnh Anh lúc 2 tháng,
tại Chiến khu Đ**



Tại Căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa, ngày 06/08/1973



Nỗi niềm xa vắng con



**Chị Ba Giác người cứu mang
hai con Nam và Huỳnh Anh**



Kỷ niệm lần họp Tỉnh ủy đầu
ngày 03/01/1974



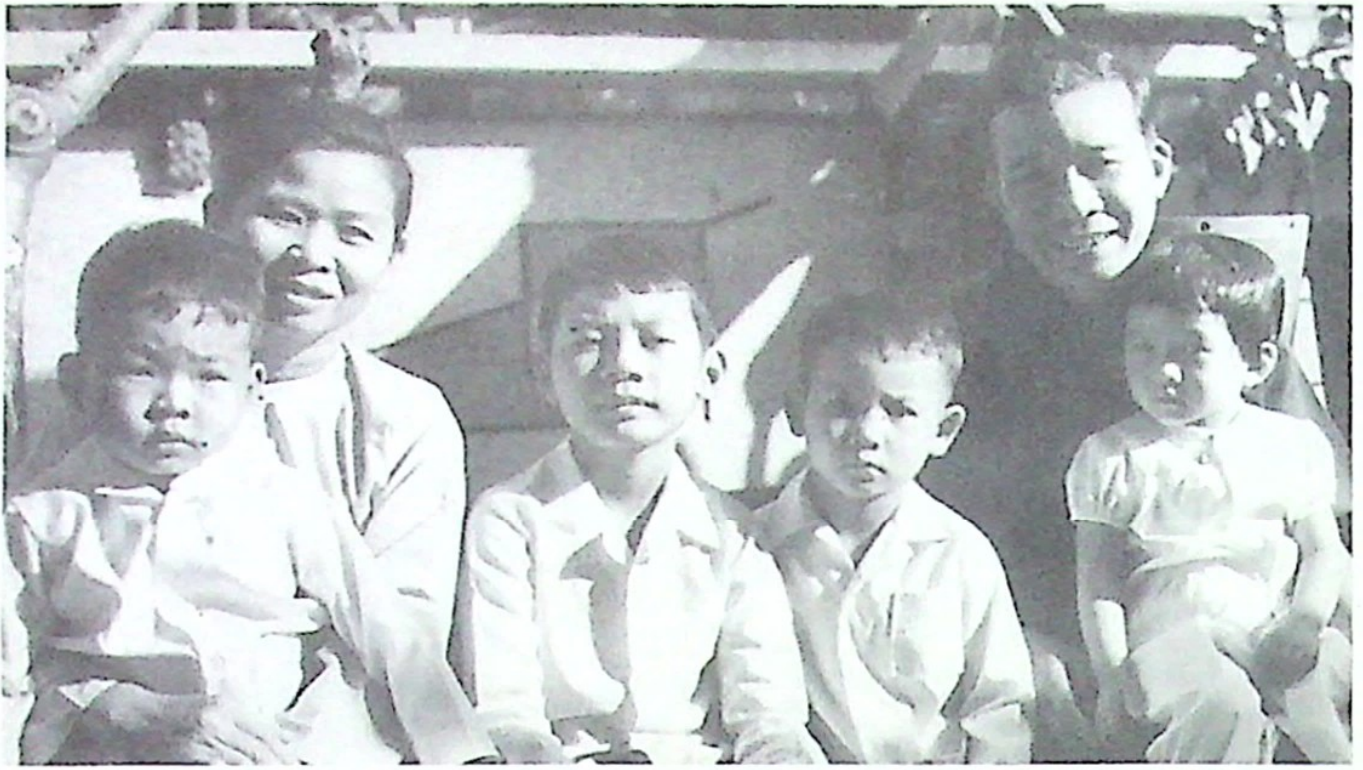
Chị Sáu Cường, đưa các cháu vào Chiến khu thăm cô, mẹ,
năm 1974



Bí thư Huyện ủy Cao su



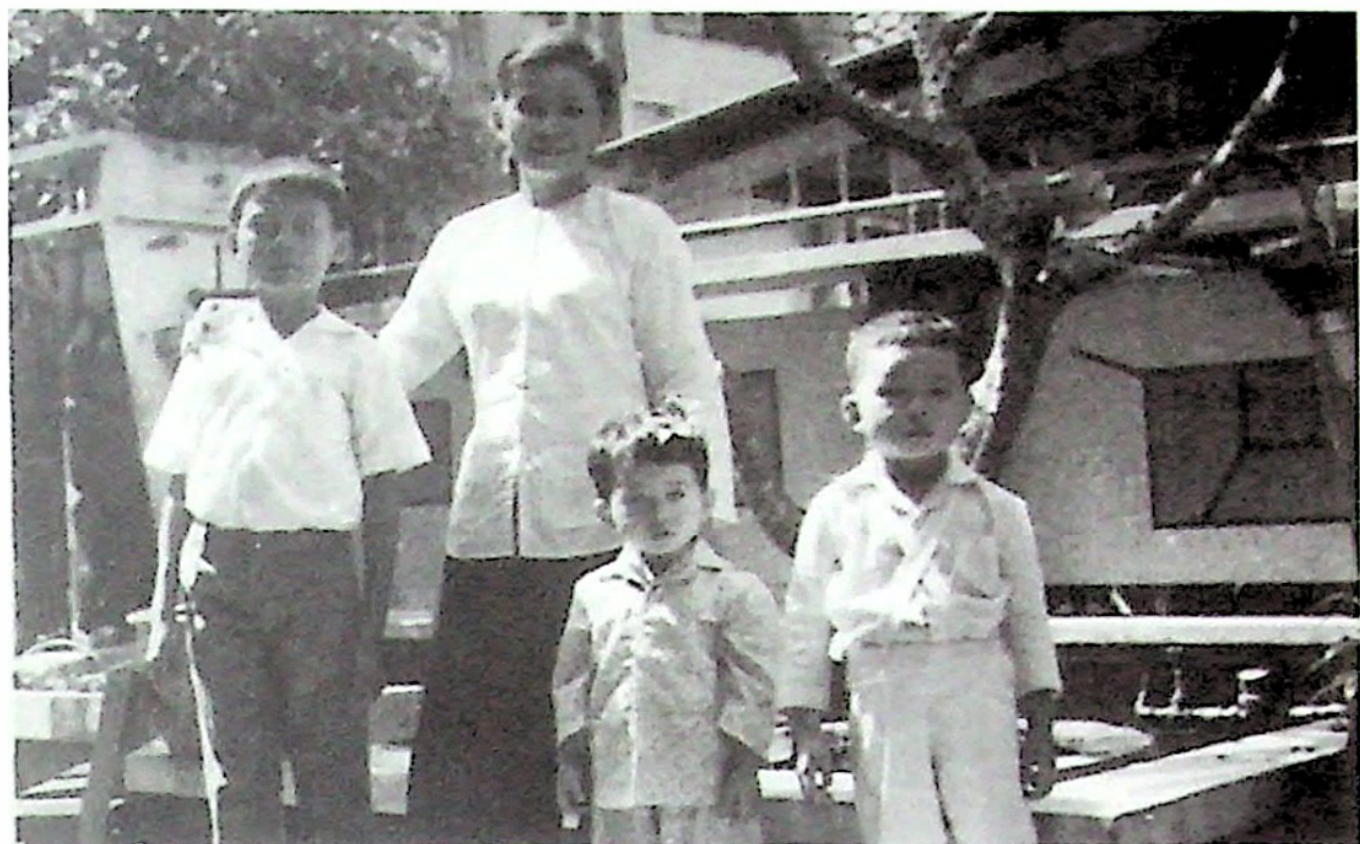
Đồng chí - đồng đội - đồng tâm



Gặp lại con sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, 1975



Thăm đồng, năm 1975



Vừa lo việc nhà, vừa lo học trường Nguyễn Ái Quốc,
năm 1978.



Hà Đông, năm 1978



Học viên trường Trung cao cấp Nguyễn Ái Quốc, năm 1976 – 1978



Đoàn đại biểu tỉnh Đồng Nai,
dự Đại hội Công đoàn Việt Nam khóa IV, ngày 08/05/1978.



Tiếp đồng chí Trường Chinh thăm Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo,
năm 1978



Tham quan Bungary, ngày 01/05/1979



**Dự Đại hội Đảng bộ Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo lần thứ I.
ngày 01/02/1983.**



**Dự Đại hội Tổng công đoàn Việt Nam
lần thứ 5, ngày 16/11/1983**



Thư ký Công đoàn tỉnh,
năm 1983



Đồng chí Lê Văn Chiêu (Năm Chiêu) –
đảng viên, cơ sở mật



Gia đình cơ sở cách mạng Lê Văn Chiêu
xã Bình Sơn, Long Thành



Cùng chị Ba Bình, cơ sở cách mạng Bình Sơn, Long Thành.



Các con trưởng thành



Cùng các anh em ruột
(Sáu Cường, Bảy Phương,
Tám Hùng, Chín Tấn, 2005)



Vui cùng đội ngũ trẻ



Dự lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang
tỉnh Đồng Nai (29/4/2004)



Như thuở ban đầu

Thử thách và trưởng thành

Tình hình cách mạng ở đồn điền cao su Bình Sơn

Năm 1956, Mỹ – Diệm mở chiến dịch Trương Tấn Bửu bắt đầu đánh phá phong trào cách mạng, cộng với tên Hà Tư (Bí thư Huyện ủy Long Thành) đầu hàng giặc, chỉ điểm bắt cán bộ đảng viên, không còn chi bộ, cơ sở một số ít còn lại nằm im, một số chuyển đi nơi khác trong đó có anh Vơ chạy về Vũng Tàu. Năm 1961, sau trận đánh địch ở Bình Sơn thắng lợi, địch co cụm lại, tỉnh tổ chức đội về đây công tác gồm có sáu người: anh Tư Thế Nhân, anh Tư Ẩn từ 240 đưa về với một cây súng mi-tuyn, chị Hai Khanh, tôi là Bảy Phượng, cậu Sáu Lực. Trong này, anh Tư Thế Nhân, chị Khanh, anh Tư Ẩn là đảng viên, tôi, Sơn, Lực là đoàn viên Thanh Lao. Đơn vị có một cây súng của anh Tư Ẩn còn

lại là dao găm, mã tấu. Chị Khanh lớn hơn tôi vài tuổi, chị tháo vát lanh lợi, là người tại sở nên được nhiều người tín nhiệm. Chiến dịch Trương Tấn Bửu bắt chị bỏ tù, mới thả về nên chị rất căm thù địch. Chị thường hay bị bệnh, đi công tác có tôi và chị là nữ. Chúng tôi mặc đồ của phụ nữ cộng hòa trông gọn gàng, dây thắt lưng, đội nón nỉ xem cũng oai vệ. Một lần, đội vào ấp giải tán sông bạc, bàn bì da, chị tịch thu 2 cây cơ, đưa tôi một cây, hai chị em cầm tư thế như cầm súng ngụy trang với địch. Thế mà, có người đồn đãi với địch là Việt cộng đông lắm, phụ nữ cũng mang súng. Nhân cơ hội đó, cơ sở ta hù dọa tác động tinh thần bọn lính ngụy, tề bớt hung hăng gây khó dễ cho dân. Về sau, tôi được phân công bám vào dân ở lại xây dựng cơ sở, ít theo đội hoạt động bên ngoài lô.

Vào ở trong dân, lúc đầu chị Khanh đưa tôi ở nhà chị Hồ, vợ tên Trung (Cao Văn Sâm) làm lính tình báo cho địch bị cách mạng diệt ngày 12 tháng 9 năm 1960. Lúc đó, chị Hồ và con cũng bị thương. Một lần, tên lính ngụy thấy chị góa chồng thường đến chọc ghẹo. Bỗng nhiên, sáng sớm, tôi nghe có tiếng huýt sáo ngheêu ngao ngoài đường, chị liền bảo tôi vào buồng nằm đắp mền lại, tôi không rõ chuyện gì nhưng làm theo. Tôi vừa đắp mền xoay mặt vào vách thì tên lính đi thẳng vào nhà, giở mền thấy tôi nằm, nó hất mặt hỏi chị Hồ

“Ai vậy?”. Chị nói: “Em tôi ở nhà hư quá không biết quét cái nhà, má chửi nó buồn mới đến chơi khóc một lúc rồi đau bụng mới vào nằm đó, im để cho nó ngủ”. Tên lính bỏ ra ngoài, ngồi nói chuyện một lúc rồi về. Thật hú vía, chị không tốt tôi bị bắt bỏ tù như chơi, vì tôi chẳng có một giấy tờ nào cả làm sao chứng minh được là dân làm ăn.

Sau đó tôi liên tục đổi chỗ ở, lúc thì ở nhà ông bà Đông, ông cai Chấn, nhà chị Khanh, nhà ông Thi (trong lúc ông Thi và con là anh Hai Dương bị địch bắt chưa thả về). Ở nhà còn bà Thi và các em Mị, Mọ, Châu là con gái, em Thu (Mọ) là đoàn viên Thanh Lao giúp tôi trong công tác, đi lại rất tốt. Một lần, tôi và chị Hai Khanh ở nhà bác Ngôn (ba chị Quý) cần đi công tác. Chúng tôi tổ chức hóa trang đi ban ngày. Chị Khanh có bộ lông mày rậm đẹp nên chị giả trai mặc veston, mang giày đội nón nỉ, đeo mắt kính đen, tay xách vali. Tôi mặc quần vải Mỹ A, áo cổ bà lai. Chị đi trước tôi theo sau nhìn giống vợ chồng ông “thầy bói”, chị em nhìn nhau cười và đi thật nhanh. Lúc đi qua đám trẻ đang ngồi chơi, hai đứa vụt đứng dậy chạy theo, miệng còn nói “Ai giống má tao”. Nghe thương quá, vì tình mẫu tử làm sao chị qua mắt được con. Dù thương, tôi và chị đi nhanh hơn. Đến nhà má Chín Thu, chúng theo kịp, má Chín vội đóng cửa, nói “Má tía

gì, đi chơi chỗ khác". Tôi và chị nhìn qua khe cửa thấy hai đứa con chị (Ty và Được) chậm rãi quay ra, mặt buồn hiu. Chúng tôi chảy nước mắt, trẻ con vô tội nhưng vì nước chị phải xa lìa con. (Sau lớn lên cháu Ty thoát ly chiến đấu và hy sinh, chị Khanh cũng hy sinh chỉ còn lại cháu Được).

Có lúc tôi không ở xóm Đình mà lên xóm gần chợ, đi về ở lại nhà chị Ba Dẹp và nhà con của chị là vợ chồng Bảy Lung. Nhà vợ chồng Bảy Lung là cơ sở, lúc ở đây tôi hướng dẫn em Bảy kết nạp cô Thành (Ba Thành) vào tổ chức công đoàn và dạy phát triển cơ sở. Rồi ở xóm chợ gần sân Diêm ở nhà chị Tư Hoa (người ở xã Phước Long lên làm sở) có chị Hai Nhị, chị Sen ở đây đi làm. Tôi giới thiệu các chị vào làm cơ sở để thuận tiện gặp công nhân tuyên truyền và lãnh đạo đấu tranh đòi quyền lợi cho công nhân.

Đội công tác do anh Tư Thể Nhân phụ trách được mấy tháng thì tỉnh rút anh Thể Nhân, đưa anh Tư Liêm về thay. Lúc này, đội vẫn chia nhau bám hoạt động lúc bên trong, lúc về lộ diệt ác phá kìm. Địch co lại công nhân phấn khởi, ta củng cố số cơ sở cũ và phát triển thêm số mới. Từ những tháng cuối năm 1961 đầu năm 1962, thanh niên tòng quân đông, cơ sở đấu tranh chống bắt lính, làm áp chiến lược lên mạnh. Do hoạt

động bí mật có sơ hở, địch lợi dụng đưa bọn tay sai theo đường tòng quân vào nội bộ ta. Địch tiếp tục đánh phá phong trào, bắt gần hết cơ sở bên trong, khủng bố bên ngoài. Lúc này, đơn vị cao su Bình Sơn trực thuộc Huyện ủy Long Thành nên huyện cử anh Tư A (Ba Tấn) là thường vụ Huyện ủy xuống kiểm điểm chỉ bộ đưa ba người đảng viên (anh Tư Liêm, chị Khanh và anh Tư Ẩn) đi về tỉnh hết, còn lại gần 20 người với một chi đoàn Thanh Lao. Đặt tên là đội Vũ trang tuyên truyền của đơn vị đồn điền Bình Sơn, đồng chí Minh (con ông cai Hoàng) làm đội trưởng, đồng chí Bình (con má Ba ở Sở Kho bạc) làm đội phó, còn tôi (Bảy Phụng) làm chính trị viên.

Đơn vị chia thành hai mũi công tác, một mũi hoạt động vũ trang tuyên truyền và bắt, giáo dục trấn áp số địch tay sai chỉ điểm. Đội không có súng, chỉ bằng dao găm, mã tấu, đa số tay không nên ở xa xa nguy trang như là có bộ đội chủ lực bảo vệ, nhưng thực chất là dựa vào cơ sở bảo vệ cán bộ chiến sĩ khi ra lô công tác. Tôi và đồng chí Minh bám trụ lại trong ấp để tiếp tục củng cố và xây dựng phát triển cơ sở. Lúc này, địch hoạt động ráo riết để bảo vệ làm ấp chiến lược, chúng thường càn ra lô, phục kích theo bìa rừng, bìa rẫy xung quanh ấp. Tôi và đồng chí Minh không có vũ khí. Mỗi lần, bám vô ấp thì tôi và Minh đi cách nhau vài chục

mét. Minh đi trước đến chỗ địch thường phục kích thì Minh phát tay, tôi núp vào cây cao su Minh lấy chén mủ hoặc đất chọi. Khi thấy êm, Minh phát tay đi tiếp, vào đến rẫy Ông Huấn (anh Ba Hòa) tôi và Minh vào đám mía. Minh né trong ấp, tôi né trong lô cảnh giác chờ trời tối khuất hai chị em mới vào cơ sở. Minh vào nhà cha mẹ là ông Cai Hoàng, tôi ở nhà ông Sinh (cha vợ của Minh). Cậu Bình, em vợ Minh là đoàn viên Thanh Lao. Về sau, tôi ở nhà ông bà cai Trường con là Chương, đoàn viên Thanh Lao và còn có cô Yến cũng trong chi đoàn. Chủ yếu là nhờ gia đình canh gác bảo vệ không có hầm bí mật, địch xét bắt bớ căng thẳng. Lúc sau, tôi ở nhà bác Ngôn (ba chị Quý). Đội công tác đang hoạt động tốt thì đầu năm 1962, lãnh đạo huyện xuống gọi tôi và đồng chí Minh về căn cứ để học nghị quyết chống phá ấp chiến lược. Đồng chí Bình (đội phó) đem thơ vô ấp và đón tôi với Minh về, nhưng bữa nọ tôi hẹn làm việc với cơ sở không về được. Hai đồng chí Bình và Minh về trước, vừa qua khỏi suối Bình Sơn, đầu lô sở Kho Bạc thì bị địch phục kích bắn, Bình chạy thoát, Minh bị gãy chân. Địch định băng bó đem về tra khảo, nhưng Minh tay xé băng, miệng chửi, chân còn lại đạp vào mặt tên thiếu úy và thét lên: "Tao không cần băng bó, đây là đồ bán nước". Tên sĩ quan địch bị Minh đạp sưng mặt bắn Minh chết tại chỗ. Gương hy

sinh anh dũng của Minh được đưa ra đơn vị biểu dương và học tập. Vài tháng sau, đồng chí Bình về công tác ở Sở Kho bạc. Đụng địch, đồng chí bắn hết đạn, bị thương, nhưng Bình đập súng vào cao su cho gãy rồi hy sinh. Gương hy sinh dũng cảm của Bình cũng được học tập, biểu dương ở đơn vị.

Đơn vị lúc này chỉ còn lại tôi và đồng chí Lực, đồng chí Sơn và một số tân binh mới được kết nạp vào Đoàn, không có đảng viên. Ngày 22 tháng 2 năm 1962, tôi về huyện Long Thành dự hội nghị được các anh Ba Đông và anh Vũ Khánh (Sáu Khánh) kết nạp tôi vào Đảng Cộng sản Việt Nam vào (thời gian này còn gọi là “Đảng Nhân dân Cách mạng” cho phù hợp với tình hình chính trị ở miền Nam lúc bấy giờ), do tôi thuộc thành phần công nhân nên thời gian đảng viên dự bị có ba tháng. Tháng 3 năm 1962, huyện cử tôi đi học lớp chỉ huy viên, do chú Năm Dân phụ trách. Anh Tư Hồng Kỳ phụ trách về mảng học tập. Thời gian này tỉnh đưa anh Hai A (Nguyễn Thành A) về phụ trách cao su Biên Hòa, lúc này, thanh niên nam nữ tòng quân vào cứ rất đông. Đầu năm 1961, đã có đội công tác ở Siph. Năm 1962, phát triển thêm đội sở An Viễn, Kho Bạc, Cây Khế... Tháng 5 năm 1962, đơn vị lại cử tôi đi học lớp đào tạo cán bộ công đoàn cấp huyện, do anh Bảy Nghi công đoàn khu Đông Nam bộ về mở lớp học

cho các tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa. Thời gian học một tháng tại căn cứ tỉnh Bà Rịa.

Tháng 7 năm 1962, Tỉnh ủy Biên Hòa mở hội nghị thành lập ban cán sự Đảng bộ cao su thuộc lần thứ nhất. Có ba đồng chí: anh Hai A là bí thư ban cán sự, tôi và đồng chí Sơn là ủy viên ban cán sự. Vùng cao su Biên Hòa không còn trực thuộc Huyện ủy Long Thành. Khi có Đảng lãnh đạo thì địch cũng khùng bố ráo riết để lập lại ấp chiến lược, ta và địch giằng co quyết liệt. Năm 1962 đến 1963, Ban cán sự cao su lãnh đạo, mở thêm một số đồn điền khác: sở Helena, Đờ La, sở Ông Cồ (Nhơn Trạch) Trảng Bom. Mỗi sở có đội công tác từ 3-7 người. Nhiều nơi như Bình Sơn, Siph, An Viêng, Trảng Bom ngoài chi bộ trực thuộc ban cán sự còn có các ban ngành chuyên môn: tuyên giáo, tài chính, binh vận, hậu cần, đoàn thanh niên, công đoàn có cả đoàn văn công và lực lượng vũ trang tập trung C207. Khí thế cách mạng thật sôi nổi, dù địch đánh ta rất ác liệt nhưng phong trào quần chúng tấn công địch, ba mũi giáp công có nhiều thành tích. Năm 1963, tôi được Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam trao tặng Huân chương giải phóng hạng II. Cùng năm đó, tôi được bầu vào Ban chấp hành Hội Phụ nữ Biên Hòa, phụ trách đồn điền cao su và công nhân lao động trong

tỉnh. Ban chấp hành có cô Tám Tỷ, chị Sáu Hồng, chị Chín Cầm.

Địa bàn hoạt động của Ban cán sự Cao su được mở rộng. Một lần, tôi cùng đoàn đi về sở Siph công tác, khi đoàn đi đường rừng từ sở Kho Bạc qua gần đến sở Cây Khế thấy con đười ươi vừa khuất, dấu chân nó bước qua nước mưa còn đang chảy vào tôi hơi sợ. Nhớ lại lúc còn làm công nhân thì có một lần lính bảo vệ đồn điền bắn chết một con đười ươi ở rừng An Viễn, họ lôi về sân điểm Bình Sơn cho công nhân xem, tôi thấy hình thù nó giống như người chỉ có khác là lông lá dài lù xù sợ quá, tôi chỉ nhớ thoáng qua rồi cùng đi về đến đơn vị Siph. Các anh ở đây vội vàng đi công tác về bám dân, tôi đòi đi theo, các anh giải thích: “Hôm nay vô chỉ làm việc với vài cơ sở rải truyền đơn rồi về liền” nên không cho tôi theo. Ở căn cứ còn lại một mình tôi, nhớ lại con đười ươi tôi thấy sợ, chỉ còn cách treo võng trên cao và để cái rựa trên người nếu có dịp là sẽ “chiến đấu”. Đi đường xa mệt nhưng tôi không dám ngủ mà vẫn đợi các anh. Khi nghe tiếng các anh về gần đến, tôi nhanh chóng mở võng “phi tang” nhưng vì cao quá tôi dẹp chưa kịp thì các anh vào gặp, nhìn tôi sửng sốt và hỏi tôi “làm gì lạ”. Tôi kể chuyện, các anh nghe thông cảm và cười cho một trận.

Năm 1962, địch tăng cường hoạt động mọi mặt để tập trung làm áp chiến lược. Dù gian khổ nhưng lúc về căn cứ chúng tôi vẫn vui chơi ca hát, nhảy sạp, tôi là nòng cốt lái con thuyền trong văn nghệ. Một lần, đang ngồi hội nghị nghe anh chị em nhảy sạp bị kẹp chân cười rộ lên. Tôi cười các đồng chí cùng cười. Anh Hai A (thủ trưởng) ngượng ngùng “Cô này còn ham chơi thì ra chơi đi chứ, hội nghị mà không tập trung tư tưởng”. Anh thông cảm cho giải lao văn nghệ 10 phút rồi trở vào hội nghị tiếp.

Lúc địch ra sức đánh phá ác liệt, cán bộ, chiến sĩ hăng say chiến đấu. Tôi cũng được phân công làm nhiều việc như dẫn đường cho anh em trinh sát đặc công vào áp chiến lược Bình Sơn, điều nghiên để đánh đồn. Vào khoảng 8 giờ tối, chúng tôi đến lô cao su 5 Zêrô, đi gần hết lô anh em bảo: “Chị ôm quần áo cho tụi em bò vào áp chiến lược”. Lần này, có Nam và Hùng và một cậu nữa, anh em còn dặn tôi: “Chị ngồi đây tụi em vô nếu địch phát hiện chúng bắn ra thì chị núp vào cây cao su rồi chờ tụi em ra”. Mỗi cậu vào chỉ còn mỗi cái quần xà lỏn và cái mũ trùm đầu được may bằng vải dù tiếp màu cỏ. Anh em vào khoảng 20 phút thì dụng trái sáng ở hàng rào áp chiến lược nổ. Địch bắn đạn nhọn, pháo sáng, pháo miểng nổ vang một góc trời. Pháo sáng nổ rớt xuống lá cao su mùa khô, bắt

cháy rồi lính gác đánh keng gọi công nhân ra lô chữa cháy, tôi phải lùi ra một lô ngồi chờ. Khoảng 30 phút sau, lửa tắt công nhân về, anh em cũng làm xong nhiệm vụ trở ra đủ mặt. Tôi mừng không gì bằng và rất thông cảm nhiệm vụ của binh chủng này.

Về tự vệ bằng mã tấu

Một lần, tôi hẹn làm việc với cơ sở ở lô An Viễn, lần này tôi dẫn cô Hoàng (người Rạch Giá, Hoàng làm chị nuôi) Hoàng lúc này 18 tuổi, hai chị em với cái mã tấu khi đi đường gần đến lô cao su sở An Viễn, đang đi bỗng nghe cái “xạc”. Tôi và cô Hoàng vừa lách mình vào rừng thì im, hóa ra là tổ trinh sát của tiểu đoàn 4 đi từ ngoài lô về. Hỏi tình hình, các anh nói im, các anh hỏi: “Hai chị đi công tác hả?”. Tôi “dạ” và chào các anh. Khi tôi và Hoàng vừa đi qua mặt thì ba người bộ đội cười, tôi đứng lại và hỏi: “Các anh cười gì?”. Một anh nói: “Hai chị là phụ nữ mà vũ khí bằng mã tấu khi gặp địch chị làm sao?”. Tôi nói “Thì chiến đấu, nếu nó ở gần thì chém, ở xa thì chạy, còn lỡ bị bắt sống thì phun nước miếng vào mặt nó”. Nói xong tất cả cùng cười. Nhưng về đơn vị các anh kể lại rất thông cảm và khen phụ nữ, bộ đội là thanh niên đi có tập thể và còn có súng, còn các chị với lòng dũng cảm và lòng tự tin thôi “thật gan dạ”.

Chiến đấu với giặc không có súng mà bị thua

Đó là lần đi công tác ở An Viễn. Năm 1963, tôi và cô Thu (vợ Sáu Lực) làm việc với công nhân ngoài lô đến 5 giờ chiều, tôi đi một lô, cô Thu đi lô khác, khi tôi đi còn cách nơi công nhân ngồi chừng 100 m thì xe trong sở ra chở dân về. Khi xe chạy, tôi vừa đi tới thì tổ ong mật bị đám trẻ chờ xe chạy chọi khiến ong bay ra, bao vây chích tôi túi bụi, cả đầu mặt, tôi lấy khăn trùm mặt chạy ra lô cây non. Thấy có chú công nhân đang làm cỏ tôi mừng, miệng kêu “Chú ơi, ong chích quá làm sao chú ơi?”. Tôi kêu cứu nhưng ông này thấy đàn ong bao quanh đông quá, vì sợ bị nạn lây nên ông bỏ chạy luôn. Mùa khô khát nước tôi bị té xỉu mặc cho ong chích tới bời. Một lúc, đỡ mệt tôi dậy tiếp tục chạy thì cô Thu tới. Thu còn bình tĩnh hơn tôi: “Chị cho em đốt ít tờ truyền đơn un đông lửa chị ngồi vào cho nó không chích”, cô Thu nhỏ hơn mà khôn. Tôi và Thu ngồi gần đông un có khói, ong không chích nữa, chỉ bay xung quanh. Trời gần tối, tôi nói với Thu “Địch bắn mình thì mình còn biết dự đoán nó chừng nào rút lui, còn mấy con ong này biết làm sao”.

Về lòng tốt của công nhân

Chú công nhân xách xách lại bỏ chạy khi nãy, dù không cứu tôi lúc đó nhưng chú đã chạy đến lô khác tổ chức cứu tôi. Trong lúc, tôi và Thu chưa có cách gì ra khỏi đồng un thì có hai cậu con trai đi hai xe đạp tới. Hai em thấy ra hai tấm nylon che mưa vào bảo: “ Hai chị trùm vào, chạy ra ngồi lên xe đạp”. Nhờ vậy mà ông bỏ không theo tôi nữa. Hai cậu chở tôi và Thu đến lô khác, có cô bác và chị em đã đâm sẵn lá cây rừng xanh lét thoa đầy mình mẩy, mặt, đầu tôi. Trời cũng vừa tối công nhân về Bình Sơn, tôi đi hết nổi, Thu chạy kêu xe lôi trong An Viễn ra chở chị em về, qua khỏi cầu Giây rồi Thu dìu tôi về căn cứ. Đến nơi ai cũng sửng sốt tưởng tôi bị thương. Thu kể chuyện, rồi anh chị em xúm lại lo cho tôi thì cũng là lúc mặt, đầu và mắt tôi sưng lên không thấy đường đi. Hôm sau, chị em xúm lại lễ lấy kim của con ong chích còn để lại, có người còn trêu: “Khi nào gặp ông chị cho nó chích về tụi em gỡ kim thấy mà ham”. Sau trận này tôi bị bệnh cả tuần không đi công tác được, “quân này” cũng làm bực mình. Tôi bị bệnh nằm ở nhà hình dung “mặt trận con ong” nên tôi nhớ lại phong trào nuôi ong vò vẽ đánh giặc của ta “độc chiêu” thật.

Có những việc không thể lường trước được. Năm 1963, một lần, tôi hẹn với cơ sở (anh Bá và anh Lung) là ngày mai tôi gặp hai anh tại lô “nhà lều Tây”. Đây là địa danh chứ nhà Tây bỏ thành rừng chồi, nhiều người đồn thổi là nơi có “ma” nổi tiếng nên dân ít ai dám đến. Anh Hai A (thủ trưởng) phân công cậu Tâm (con ông Đỉnh, chồng cô Mùi) đi cùng để bảo vệ tôi làm việc. Hôm sau, đi đến lô có công nhân cạo, Tâm mang cơm, nước còn tôi thì mang vớng và nylon. Tâm bảo: “Chị đi đường lửa, em đi đường thùng (nơi công nhân tập trung) để nắm tình hình xem có địch không rồi đi”. Tâm gặp công nhân nói có địch cần ra lô, Tâm tự bỏ về căn cứ, anh Hai A hỏi, Tâm nói “Nghe có địch chắc chị Bảy về sau”. Tôi không nắm tình hình mà cũng không dụng địch nên cứ theo kế hoạch. Khi công nhân về hết, đến chiều không thấy cậu Tâm đâu. Trở lại căn cứ vừa xa vừa tối, không thể đi trong rừng mà không có đèn. Chỉ còn cách bám vào nơi đã hẹn, tới nơi vừa đói vừa khát. Tôi vào rừng chồi lá nơi đồn có “ma” vừa cột vớng giăng nylon xong thì trời mưa nên lấy tay hứng nước mưa uống cho đỡ khát. Hôm sau đúng hẹn, anh Bá và anh Lung ra làm việc. Xế chiều, tôi trở về căn cứ thì cũng là lúc anh Hai A cho một tổ đi tìm tôi, thấy tôi về đến ai cũng mừng. Tôi báo cáo tình hình lại cho anh Hai A và đơn vị nghe. Anh Hai phê bình, phân tích lợi

hại việc làm của Tâm và biểu dương thành tích của tôi trước tập thể.

Đánh giặc không phải lúc nào cũng có vũ khí hoặc dùng sức mạnh mà có lúc phải bình tĩnh và linh động thì mới thắng. Một lần, tổ tôi đi công tác có ba người gồm: Tôi, anh Mười Đức và cậu Đấu (con ông Cai Rèn). Ấp chiến lược làm xong, địch tràn ra lô rình rập công nhân và bắn cán bộ cách mạng. Gần 11 giờ trưa, tổ tôi ra công tác tại lô 9/10. Công nhân cạo xong có người mới ra, có người đang ngồi ăn cơm. Tôi và anh Mười Đức đang nói chuyện với công nhân, cậu Đấu cầm trái lựu đạn đứng gác. Vừa nhìn lô bên kia cách chưa đầy 100 m thì thấy địch đi tới, tôi kêu lên vừa chỉ tay: “Ai kìa anh Mười?”. Muốn làm im để rút lui nhưng anh Đức và cậu Đấu la “lính” rồi vụt chạy. Địch đang đi hàng một chúng dàn hàng ngang, vừa chạy vừa bắn theo hai người. Trong lúc này, công nhân sợ ai cũng muốn tránh địch nên xách thùng đi trút mủ, tôi cũng xách thùng đi trút. Anh Đức và Đấu chạy vào rừng, địch không bám theo mà bắn đạn nhọn, M79 rồi kêu pháo bắn vào rừng. Địch quay lại kêu công nhân tập trung để xét. “Tôi không dám đi nữa mà núp theo hàng cây cao su rồi chui vào gò mối, có bụi tre phủ xuống. Tôi nằm cách 70 m nghe rất rõ tiếng địch đánh ông Cai Rèn (ba của Đấu) vì ông đem quần áo và thuốc trị bệnh cho con.

Chúng dọa đánh đập công nhân nhưng ông Cai Rèn nhận là đồ của ông đem ra cho con nên chúng đánh dữ dội một hồi rồi trối dẫn ông về bót (về làng). Tôi nằm nghe và thấy rõ địch rút về. Tôi bám theo thăm hỏi, động viên công nhân và hướng dẫn đấu tranh chống khủng bố. Khi trở lại thấy ai cũng buồn và lo khi trở về làng địch còn gây khó dễ gì. Trong lúc đó, anh Đức và Đấu chạy về đến căn cứ vừa mệt quần áo gai cào rách tả tơi, báo lại với anh Hai A là: “Tôi và Đấu chạy trước, thấy cô Bảy (là tôi) chạy sau rồi té không biết địch bắn chết hay bị bắt sống”. Đúng nếu chạy theo thì có thể là như vậy, đằng này tôi bình yên trở về. Buổi chiều, tôi thấy cái nón của cậu Đấu chạy rớt lại, tôi lượm đem về. Khi đến nhà thì một cánh được phân công đi tìm tôi không gặp. Vào rừng, tôi gặp bảy khỉ hơn chục con, vài con khỉ lớn “khè” nhe răng nhát. Người tôi nổi gai ốc nhưng trấn tĩnh tôi bẻ hai nhánh cây tay cầm đưa ra trước tay đưa về sau, miệng “hù”, thấy sợ, bảy khỉ bỏ chạy. Tôi về đến căn cứ lúc trời gần tối, tỉnh bơ đầu đội cái nón của cậu Đấu. Vào cơ quan, tôi báo lại tình hình rõ ràng cho mọi người nghe, thấy đều “hú vía” và đến lần này tôi được thủ trưởng biểu dương và học tập kinh nghiệm.

Năm 1964, Ban cán sự cử tôi đi học trung, sơ cấp chính trị 6 tháng. Tổ chức của khu Đông Nam bộ mở

lớp tại Chiến khu Đ do anh Năm Hòa phụ trách (giám hiệu). Tỉnh còn có anh Hai Thông, chị Út Thu ở Biên Hòa, chị Năm Thường (Năm Hoa), anh Năm Trắng, Bà Rịa có chị Sáu Hữu, có chị Tám Liên ở Sông Bé, chị Giũ ở Tây Ninh và nhiều anh chị ở các tỉnh khác. Lớp học này có hơn 100 người. Lần đầu tiên tôi được học triết học về chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa duy vật biện chứng, rồi bao nhiêu cặp phạm trù... Tôi nghe sao mà choáng váng, nhiều người mệt quá ngủ gật, Út Thu ngồi dựa bên tôi ngủ còn “ngáy khò khò”. Mãn khóa, mỗi người phải làm bản thu hoạch. Trời đất, trình độ chưa đầy “lá mít” mà viết bản thu hoạch. Các anh chị khác nhiều người cũng vò đầu, nhìn bài của mình lem nhem tức quá xé rột rột rồi khóc. Tôi cứ “vật chất, ý thức” rồi xé viết lại. Sau giải phóng hơn 10 năm, gặp lại chị Sáu Hữu còn nhắc “Con Phượng cứ vật chất, ý thức, ý thức, vật chất rồi xé”, chị cười và ôm tôi thông cảm. Học tập dù tiếp thu hạn chế như vậy, nhưng nó thấm dần về sau. Khi va chạm với thực tế nó giúp ích trong công tác và cuộc sống. Bây giờ tôi thấy ý nghĩa của học tập là rất cần thiết cho đời sống xã hội và cho bản thân mình.

Nghĩa Đảng, tình dân

Cuối năm 1964, địch đưa dân An Viễn về Bình Sơn, ở đây địch tăng cường hoạt động trong ấp chiến lược và ngoài lô. Lực lượng của ta bên ngoài bị tổn thất, cơ sở bên trong cần cán bộ lãnh đạo phong trào. Lúc này, tôi ở nhà bác Ngôn (ba chị Quý), bác rất nghèo. Hằng ngày, bác đi lượm mủ đất theo kiểu làm công nhật, bác ăn uống cực khổ nhưng bảo vệ cán bộ Đảng rất chu đáo. Ban ngày đi làm, tối bác thăm dò tình hình cho tôi ra ngoài hoạt động. Nhờ có sự giúp đỡ của bác mà tôi công tác đạt kết quả tốt và an toàn. Ít tháng sau, tôi có việc về căn cứ thì cũng là lúc địch đi càn, đồng chí Võ và một cán bộ nữ ở đơn vị Lộc An đã hy sinh. Địch đem về Bình Sơn hành xác để đe dọa phong trào cách mạng, địch nói “Sẽ lần lượt bắn chết hết Việt Cộng ở đây”. Công nhân thấy xác một phụ nữ bị địch giữ không cho cô bác xem hoặc theo dõi xem có ai dính líu thì làm khó dễ nên cô bác nhìn không kỹ, về nhà khóc nói “Địch bắn con Bảy Phượng chết rồi”. Nghe vậy, bác Ngôn đến xem thấy không phải tôi rồi bỏ về. Lại có người quả quyết là “con Bảy” nên bác đến xem lại lần nữa “cũng không phải nó”. Sáu tháng sau, tôi nhờ người đưa bác lên lô cao su An Viễn để tôi gặp và nhờ bác ít việc. Bác đến gặp tôi và kể lại tình hình hôm trước rồi bác hỏi “Địch nó nói, nó bắn mày chết

rồi có phải không?”. Tôi lao tới ôm bác và nói “Cháu thật đây mà”, tôi cảm động và rất kính trọng bác.

Năm 1965, tôi được Hội Phụ nữ tỉnh Biên Hòa cử đi dự Đại hội Phụ nữ miền Đông lần thứ nhất. Rồi phụ nữ khu bầu đại biểu về dự Đại hội Phụ nữ Trung ương, có hơn 20 người, thành phần là “liên hiệp các tầng lớp phụ nữ”. Chị Sáu Tuyết, Hội trưởng Phụ nữ khu làm trưởng đoàn, cô Mười Diệu đại diện Phật giáo, cô Mười Ân đại diện đạo Cao Đài, cô Tám Thanh đại diện nông thôn tỉnh Bình Dương, cô Tám Tỷ đại diện nông thôn tỉnh Biên Hòa, tôi và chị Út Oanh, Bình Dương đại diện cao su miền Đông Nam bộ; còn các đại diện người Hoa Nùng có chị Tư Mùi và chị Sáu Mỹ; các chiến sĩ đấu tranh vũ trang có chị Ngọc Liên và chị Nga Bà Rịa và nhiều đại diện chiến sĩ đấu tranh chính trị và tư sản. Đại hội phụ nữ khu chủ yếu tập trung nội dung đánh Mỹ – Ngụy bằng hai chân (chính trị, quân sự) ba mũi giáp công (chính trị, binh vận, vũ trang) vô cùng phong phú. Giới phụ nữ càng tự hào về thành tích của mình xứng đáng được khen ngợi và đề cao, ai cũng vui mừng, phấn khởi. Sau Đại hội Phụ nữ khu, đoàn đi dự Đại hội Phụ nữ R (Trung ương miền Nam). Trước lúc lên đường thì Chiến khu Đ bị một trận B52 bỏ bom nổ dữ dội, nhờ có hầm kiên cố nên không ai bị thương. Hôm sau, lên đường ra khỏi vùng căn cứ thì đụng địch

bắn, đoàn lùi lại nhưng có chị Tư Mùi người Hoa Nùng vì bị bong gân chân chạy không kịp nên chị bỏ bông, chạy không. Đến lúc gần chiều tổ chức bảo vệ nắm tình hình thấy địch rút hết nhưng địch lấy đồ của chị Mùi còn quần áo (xăm) nó xé rải cùng đường, đoàn tiếp tục đi đến xã An Nhơn Tây thì đúng vào ngày 30 Tết. Đoàn nghỉ tại đây đến ngày mùng 2 Tết chưa kịp lên đường thì địch phản lại lệnh ngừng bắn 3 ngày tết của ta mà 8 giờ sáng ngày mùng 2 Tết địch cho máy bay ném bom tại xã An Điền (chỗ đóng quân của bộ đội). Một bà mẹ vào đơn vị thăm con chưa đầy một giờ thì bom nổ mẹ bị đứt thành 3 khúc và chết luôn tại chỗ. Địch sang bắn và bỏ bom xã An Nhơn Tây xóm đoàn đang ở, bom nổ, đạn bay tứ tung, đoàn núp dưới hầm nhưng nhà bị cháy, phải cùng dập lửa cứu nhà dân rồi đoàn tiếp tục lên đường. Trên đường đi đoàn còn gặp nhiều trận phục kích và máy bay, pháo bắn, ngày đêm theo đường và trạm giao liên của ta nên cả tuần sau đoàn mới về đến nơi đại hội.

Trong Đại hội Phụ nữ Trung ương Cục Miền Nam lần thứ nhất, không khí tung bừng phấn khởi có múa lân (chị Đoan Phượng ở Củ Chi làm ông địa) có đoàn văn công phục vụ và chiếu phim, trong số đại biểu có chị Châu (sinh viên bị tù địch mới thả về), chị Quyên vợ anh Trỗi, chị Hai Riêng và các chị là nữ anh hùng ở

miền Nam như chị Lý, chị Tô Thị Huỳnh, chị Út Tịch. Sau Đại hội có một số chị đã hy sinh. Đại hội có một chị (không nhớ tên) người ở miền Tây, chị cần hai cây kiếm lên sân khấu múa võ hay quá, phụ nữ chúng tôi thích “mê hồn” và thật tự hào vì người tài đó là phụ nữ.

Lần đầu tiên tôi là đại biểu của phụ nữ công nhân cao su đại diện cho giai cấp công nhân ở miền Đông Nam bộ. Tôi thấy sao mà nó lớn lao quá so với thành tích và trình độ của mình. Tôi thấy lo và cũng xác định trách nhiệm “làm gì, biết gì nói nấy” nhưng thực tế dù nói không hết thành tích của chị em nhưng dù sao cũng có việc làm và tiếng nói của công nhân cao su làm cho nội dung thành tích của Mặt trận liên hiệp Phụ nữ càng trở nên phong phú. Qua nội dung đại hội giúp tôi thêm những kiến thức mới, tự hào và tự tin hơn về giới của mình và thấy Đảng và nhà nước khen tặng thành tích của phong trào phụ nữ bằng tám chữ vàng “anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang” là xứng đáng.

Đại hội về cơ quan, vài tháng sau tôi được phân công vào ấp chiến lược lãnh đạo phong trào. Lần này tôi vào ở nhà cô Thu (em anh Hai Dương) trong lúc ông Thi và anh Dương (hai cha con) bị địch bắt còn đang ở tù (cô Thu là đoàn viên Thanh Lao) nhà không có hầm bí mật, chỉ dựa vào dân (lõm chính trị). Ở ngoài này, cô

Thu cũng làm được nhiều việc. Một hôm, mẹ (má cô Thu) đi chợ về hồi hả bảo “Con ơi, địch nó đi xịt thuốc nhà dân nó nói diệt trừ sốt rét nhưng nó lụi nhà không sốt chỗ nào, con mau tạm lánh, không nó gặp là chết hết”. Nói xong, mẹ đưa cho tôi một cái giỏ đi chợ vừa về và có bó rau muống để ngụy trang. Tôi thấy không ổn nên phải đi ngay, tôi lấy truyền đơn và trái lựu đạn bỏ vào giỏ, trên là bó rau muống. Tôi mặc bên trong chiếc áo đen, ngoài áo trắng rồi chào cả nhà xách giỏ đi lội qua suối (xóm Đình) băng qua sở Kho Bạc giữa rồi vào trại trong. Trong khi tôi đi vòng thì địch đi tắt từ xóm Bàu Ngồn băng qua Kho Bạc trước tôi, áp này thế ta mạnh nên đến nhà dân địch vẫn lăm lăm tay súng, sẵn sàng chiến đấu với “Việt cộng”. Khi tôi vừa đi qua khúc quanh thì thấy địch cách tôi chừng 70 mét. Một tên lính đã thấy tôi. Tôi cũng vừa thấy dạng một thanh niên công nhân cạo mũ, liền gọi thật lớn: “Anh Ba ơi, ăn bánh không?”. Anh thanh niên đáp nhanh “Ơi, đem đây”. Tôi mừng quá, vì đã tạo được thế hợp pháp. Nhờ lô có cây chổi che khuất nên tôi “ào” một cái là đến anh công nhân, vừa cởi áo trắng ra, miệng vừa hỏi “Ở bìa rừng có lính không?”. Anh nói “Không, chị đi nhanh đi!”. Tôi vừa vào rừng thì tên lính cũng vừa đến hỏi đến anh công nhân: “Ai vậy, đâu rồi?”. Anh công nhân bình tĩnh trả lời: “Vợ tôi đi chợ về, đưa bánh cho

tôi và nó đi đường này về nhà rồi”. Anh đã chỉ sai hướng đi của tôi. Vào rừng tôi ngồi nghỉ mệt và chờ đến trưa, tôi kiếm cây cao su có chén mủ còn đầy, biết thế nào anh công nhân cũng vào trút mủ nên tôi ngồi chờ. Anh đến trút mủ, tôi hỏi: “Có phải anh tên Đơ vừa trốn quân dịch về không?”. Anh nói “Phải. Còn chị, có phải chị Bảy Phượng không?”. Tôi nói: “Phải, tôi cảm ơn anh”. Rồi hỏi thăm tình hình và hẹn gặp lại anh sau. Khi dịch rút về Bình Sơn, anh kể lại cho vài người nghe, trong đó có má Mười, tôi thường ghé nhà ăn cơm và ngủ với má (nhà có một mình, má không có chồng con). Khi nghe chuyện, má nín thinh nhưng chiều nấu cơm đem ra rừng cho tôi mà tôi không biết. Nên khi tôi mò vào gặp, má nói: “Dịch nó còn đâu đó, con ra ngay đi, má đem cơm nước để ngoài bụi tre, con ra lấy ăn, đừng ở đây”. Tôi nói: “Trời đất! Cả rừng tre, ban đêm không có đèn, làm sao biết chỗ để lấy cơm ăn?”. Đã đói khát cả ngày, thôi đành chịu sáng mai đi tìm cơm nước ăn uống rồi đi về căn cứ. Từ rừng sở Kho Bạc, qua đường đi An Viễn về căn cứ suối Trầu, tôi đi một mình với cái giỏ và trái lựu đạn, vào mùa khô tiếng lá khua “sạt” một cái. Con mễn đang ăn cỏ bỗng đứng nhìn tôi, cả hai đều nhìn nhau ngơ ngác, tôi dậm chân “hù” một tiếng, nó búng hai chân sau vừa chạy, vừa “tác, tác”. Tôi rớn óc với con mễn, vừa sợ nghe tiếng động, dịch

bắn pháo theo. May quá, bữa ấy, địch không bắn pháo. Tôi về đến cơ quan, kể lại mọi người cười ra nước mắt, có người còn nói “Ấy, chớ có dại ăn quen hù có con dữ nó cùm chị chết”. Đó cũng là bài học kinh nghiệm quý của tôi trong chuyến công tác này.

Sau lần bám trụ phiêu lưu ấy, tôi về làm với chị Năm Bạc đảng viên mật, làm hầm bí mật ở nhà chị. Hai chị em vừa chuẩn bị các thứ xong thì tên Mẫn (chồng cô Định, anh rể của Bảy Lệ) một chi ủy viên mật bị địch bắt, đầu hàng, xuất hiện. Đề phòng tên này chỉ điểm nên tôi bỏ cuộc, không định đào hầm bí mật ở nhà chị Năm Bạc nữa. Sau đó, tôi đến ở nhà má Chín Thu, một đảng viên cơ sở mật. Má ở nhà có một mình (vì ba người con của má là anh Chín, cô Liên và cậu Thìn đã thoát ly). Có tôi trong nhà, má đỡ buồn, nhưng rất cực. Má vừa canh gác, vừa lo cơm nước, vừa làm hầm bí mật. Hai má con đào đến hai ngày một đêm, gặp trời mưa, nước tràn vào hầm, làm sụp đổ, không ở được vì nơi đất cát không chịu được độ sâu. Hầm đào sắp xong, chưa kịp mừng thì đã hư, hai má con ngồi nhìn nhau tiếc nuối. Má cười và nói: “Má con mình không thua thằng địch mà thua ông trời, thôi con đừng buồn để má tìm chỗ khác lo cho con”. Thật là khó, muốn trụ lại trong dân không dễ chút nào.

Cuối năm 1965, tôi về căn cứ học nghị quyết và sau đó tham gia đánh trận diệt tên thương sĩ Giai ác ôn khét tiếng làm đồn trưởng Bình Sơn. Trưa ngày 25 tháng 12 năm 1965, ta dùng xe đưa rước công nhân của sở, kết hợp giữa lực lượng của cao su và C240, đánh “hóa trang kỳ tập”. Lực lượng ta chia làm bốn mũi: Nhà máy, xóm đình, Bàu Ngỗng và cửa chính (từ lô cây 3 phần vào). Trưa đó, ta chặn mượn xe chở công nhân, anh em để tài xế lại lô, ta tự lái xe, tài xế còn yêu cầu “Các anh trời giùm chúng tôi để có lý đấu tranh với địch”. Ta giải thích, đề nghị tự các anh trời với nhau. Vì sợ không quen tác chiến trên xe, không chính xác, nên anh em vừa chạy vừa tập lên xuống xe cho quen. Ra trận lần này, chỉ có tôi là nữ nên tôi được ưu tiên đi với xe chỉ huy. Tôi là người địa phương, cần cho việc dẫn đường và làm công tác chính trị, chính sách khi cần. Lúc còn ở ngoài lô, công nhân thấy có tôi đi theo, nhiều người la “Người ta đi đánh giặc, phụ nữ đi theo chi vậy?”. Tôi cười nói “Tôi đi đánh giặc thiệt, không giỡn đâu. Cô bác nghe nổ súng mà địch bắn ra lô thì tìm chỗ tránh đạn ghen”. Chị em công nhân cười, có người động viên: “Đánh cho giỏi ghen!” .

Xe chỉ huy vừa tới trận địa thì súng nổ. Xe chúng tôi ngừng lại, bộ đội ào xuống, xung phong. Trong lúc đạn hai bên đan chéo nhau, số công nhân la hét vì sợ.

Tôi chạy gần đến ống cống, chỉ tay kêu cô bác vào đây tránh đạn, họ còn bảo tôi cùng nằm, tôi nói: “Lát nữa tôi nằm”. Vừa nói vừa chạy, khi tôi đến sân điểm thì mũi chính đã bắt sống được 13 tên địch dẫn ra. Đồng chí Tuấn, con bà má Sáu Bân cũng hy sinh trong trận này, được chở ra cùng với số địch bị bắt sống. Thắng trận này, ta diệt được 19 tên, trong đó tên thượng sĩ Giai ác ôn đã phải đền tội. Công nhân vô cùng phấn khởi, dân tranh thủ phá từng mảng ấp chiến lược còn lại, cửa khẩu mở ra, hậu cần 814 lúc này có thể tải gạo bằng xe bốn bánh (mượn của sở cao su).

Địch tiếp tục đánh phá phong trào, lập lại ấp chiến lược, công nhân ra lô bị xét gắt gạo, bọn Thái Lan trực tiếp lên xe công nhân để tra xét và ngăn chặn công nhân tiếp tế cho cách mạng. Chúng bắt đổi giấy hằng ngày. Trước khi ra lô, địch thu thẻ căn cước rồi đưa cho một giấy khác, chiều về đổi lại. Công nhân đấu tranh, xé bỏ giấy giặc đưa, chiều về nói do Việt cộng xé hết, yêu cầu lính Thái Lan trả lại căn cước. Việc đổi giấy bị thất bại, lính Thái trà trộn lên xe theo công nhân ra lô. Mỗi khi lên xe đi chung với công nhân, lính Thái thường bị ta bắn dọa, công nhân lấy cớ đó không chịu để lính Thái đi chung xe. Địch đi riêng, mấy lần bị phục kích, nhiều thương vong nên dần dần địch bỏ hẳn

âm mưu theo công nhân ra lô. Công nhân thắng lợi, đi lại dễ dàng.

Địch thực hiện chiến tranh cục bộ, lực lượng Mỹ ở Cầu Nước Trong – Long Thành trực tiếp càn quét nhiều hơn, ác liệt hơn. Lúc 8 giờ tối ngày 24 tháng 2 năm 1966 chúng phục kích tại Cầu Ông Trữ, bắn chết anh Hai A – Bí thư Ban cán sự cao su tỉnh Biên Hòa, đồng chí Lâm là Bí thư Chi bộ sở An Viễn, đồng chí Dẫn là Bí thư Chi đoàn của văn phòng ban cán sự; đồng chí Xướng (em ruột đồng chí Lâm) bị thương và bị chúng bắt sống, mất tích. Lần đầu tiên ta bị tổn thất nặng. Anh Hai A là hạt nhân lãnh đạo của phong trào, người được nhân dân, cán bộ, chiến sĩ tin nhiệm và thương mến, đột ngột bị hy sinh, công nhân thương tiếc không nguôi, anh chị em cơ quan khóc suốt đêm.

Địch tập trung pháo bắn vào rừng như mưa. Tôi và anh Hai Dân phân công nhau đối phó. Anh Dân lo chỗ (căn cứ) cho anh chị em, tôi trở về tổ chức anh em đưa thi thể các anh hy sinh về, tổ chức đưa dân đấu tranh với địch (vì anh Hai A mượn xe của sở chở cơ quan dời căn cứ bị địch bắn hư xe), lo củng cố tinh thần cán bộ, chiến sĩ. Đi đến đâu cũng nghe thấy tiếng khóc thương tiếc. Lúc này, Ban cán sự còn 3 đồng chí: Tôi, đồng chí Sơn và đồng chí Sáu Quân. Chúng tôi bàn thống nhất kế hoạch là tổ chức truy điệu ngoài lô cao su có cán bộ,

chiến sĩ, công nhân, tổ chức gia đình để tang, mỗi người đeo băng tang đề chữ “tuân lễ trả thù” cho những đồng chí đã hy sinh. Lễ truy điệu vô cùng xúc động.

Sau đó là kế hoạch đánh Mỹ trực tiếp càn ra lô. Lực lượng của đội Bình Sơn và lực lượng tập trung C207 của Ban cán sự cao su phối hợp nhau lập kế hoạch. Đây là lần đầu tiên trực tiếp đánh Mỹ, đã rượt Mỹ chạy trước mặt công nhân. Ngày hôm sau, địch tăng cường thêm quân càn vào khu căn cứ, ta chiến đấu đến chiều thì ta bắn một chiếc trực thăng Mỹ bốc cháy bay về cầu Nước Trong. Cán bộ, chiến sĩ và công nhân thấy Mỹ bị thua chạy, máy bay Mỹ bị ta bắn cháy đều hả dạ và tin tưởng.

Sau khi anh Hai A hy sinh, tỉnh Biên Hòa cử chú Năm Dân, anh Chín Nam tỉnh ủy viên thường xuống trực tiếp chỉ đạo, tôi được giao nhiệm vụ (quyền Bí thư Ban cán sự), anh Quân, anh Sơn làm ủy viên. Anh Quân phụ trách lực lượng vũ trang. Tỉnh còn đưa anh Tư Thương, anh Ba Tam từ lực lượng C240 của tỉnh về tăng cường cho cao su. Phụ nữ làm lãnh đạo thật khó. Tôi nhận trách nhiệm lớn trong lúc còn trẻ nên rất lo lắng. Vì trách nhiệm, tôi cùng các đồng chí vừa được tăng cường, vừa lo củng cố bên ngoài vừa lo cho lực lượng mật, rất vất vả. Tôi là “nữ” nên cũng có vài đồng chí bên quân sự tỏ vẻ không phục, hay nói bóng gió

“Em Bà Định đấy!”. Biết vậy, dù hơi buồn, nhưng tôi không thêm để ý. Có điều đáng mừng là kết quả “tuần lễ trả thù” đạt thắng lợi lớn, trên các mặt chính trị, quân sự, công vận. Cán bộ chiến sĩ càng tin tưởng, có công nhân (cơ sở) nói vui “Địch nói nó bắn rần mất cái đầu chỉ còn có cái mình và khúc đuôi không mà nó đánh như vậy đó”. Họ vừa nói vừa cười thỏa chí.

Khi đế quốc Mỹ thực hiện chiến tranh cục bộ, các chiến trường trong tỉnh Biên Hòa nói chung và Long Thành, vùng cao su nói riêng chiến đấu vô cùng ác liệt. Không ngày nào ta và địch không đổ máu. Địch dùng xe tăng GMC thường xuyên càn ruộng ngoài lô. Cán bộ ta bám dân rất khó khăn. Trung ương chỉ đạo: “Nắm thắt lưng địch mà đánh” Nghị quyết Tỉnh ủy chỉ đạo “Cán bộ đảng viên phải bám trụ lại trong dân, nắm chắc tình hình lãnh đạo quần chúng”. Khẩu hiệu hành động là “Bám vô, trụ lại, bung ra hoạt động”. Phát động phong trào “thà quyết tử cho tổ quốc quyết sinh”. Lúc này, nhiều nơi địch đánh rát, đẩy ta ra khỏi dân. Bên trong ấp, địch tàn ác khủng bố, cơ sở ta lúng túng vì thiếu sự chỉ đạo của Đảng. Bên ngoài ấp, địch càn sâu vào vùng căn cứ khiến ta đối phó vất vả vì bom đạn ác liệt, thiếu thuốc men trị bệnh, thương vong, thiếu lương thực.

Trước tình hình như vậy, anh Ba Bình là đảng viên mật, anh cố tìm tôi và nói rất cảm động “Cô ơi, cô cố gắng vào ấp chiến lược lãnh đạo chúng tôi. Địch nó đàn áp dân dữ quá, chúng tôi tức tối mà không biết phải làm sao”. Anh còn nói: “Chúng tôi lúng túng như gà mắc tóc”. Sau khi gặp đồng chí đảng viên mật, nắm bắt tình hình địch và cơ sở ta, cần có cán bộ Đảng trụ trong dân để lãnh đạo đấu tranh, tôi báo cáo với Tỉnh ủy. Các anh quyết định giao tôi vào trụ lại trong dân với yêu cầu là chỉ đạo các chi bộ mật Bình Sơn, An Viễn, Kho Bạc và Siph kết hợp lực lượng vũ trang và cơ sở mật hợp đồng chiến đấu. Tôi chấp hành vào ấp chiến lược theo chỉ đạo của tỉnh. Ngày tôi vô ấp, tổ trình sát và du kích đi trước rà gỡ trái, bắc cây qua hào ấp chiến lược. Đưa tôi vô tới dân thì anh em trở về. Tôi được cơ sở dò đường trong ấp đưa tôi về nhà anh Ba Bình. Anh đã chuẩn bị sẵn một chỗ cho tôi ở tạm. Anh chị Ba Bình là công nhân làm ở nhà máy cán mủ, anh chị có đến tám đứa con, lớn nhất là cháu Cúc 18 tuổi, nhỏ nhất là Tý 2 tuổi.

Đêm, khi tôi vào nhà, anh chị không cho các cháu biết. Sáng ra, anh chị cho tôi ăn cơm trước, xong rồi chị canh chừng đường, anh đưa tôi ra chuồng gà, anh ngồi xuống gọt phân gà ra một bên rồi dỡ miếng ván đây, anh bảo tôi chui vào. Đó là cái lỗ vừa để một miếng

ván (con ngựa để ván) bề dài chừng 1,2 mét, ngang khoảng 0,4 mét. Tôi chui vào, chỉ có nằm ngửa hoặc nghiêng một chút chứ không ngồi hoặc quay ra được; nếu muốn ra thì hai chân từ từ ra trước. Vừa chui vào tôi đã thấy mệt, rồi khi dậy nấp lại, gạt phân ra thật là khó thở. Sáng ra, anh chị đi làm, chừng khoảng 8 giờ, tôi nghe tiếng cháu gái Mận hơn 10 tuổi hát ru em ngủ, rồi ra rửa chuồng, cho heo ăn (chuồng gà sát cạnh chuồng heo giữa có khe hở). Tôi đang nghe tiếng cháu hát nghêu ngao, bỗng nhiên, nghe một cái “ào”. Mặt mày, đầu, mình mẩy tôi liền ướt sũng, gồm cả phân heo, phân gà, mùi hôi thối không chịu nổi. Tôi gớm vô cùng, nhưng phải chịu trận. Phần bị ướt lạnh từ sáng đến trưa, khi anh chị về lôi tôi lên thì tôi bị ngạt thở và nôn mửa, rồi bị bệnh cảm mấy ngày liền. Vì vậy, anh chị không cho tôi ở đó nữa, mà đưa tôi vào một chỗ để đồ linh tinh và một tấm lá buong. Anh bảo tôi vào ở trong đó. Đám trẻ nhỏ thấy lạ, tò mò theo dõi. Chỉ một lát sau, có đứa vạch vạch nhìn vào. Anh chị giấu không cho các cháu biết. Tôi không biết mặt hết các cháu, nên cứ mỗi lần hỏi thì anh chị cứ nói, “các cháu trong nhà” rồi rầy không cho biết. Tôi thấy không ổn, bèn lần lượt gặp hết các cháu Cúc, Ngũ, Ngọ, Mận, Xuân, Tý... Tôi làm quen, tôi nói thật với các cháu lớn, xưng là cô Tư ngoài rừng vào làm việc và dạy ý thức thông báo tin

bảo vệ cô, giáo dục cả khí tiết bằng cách kể những mẩu chuyện các cháu khôn ngoan bảo vệ cách mạng, các cháu rất thích nghe. Khi rảnh, tôi cắt may quần áo cho các cháu, tôi may tay. Một bé 2 tuổi mặc áo tay phồng có vẻ là thợ nhưng sao lại may tay, cô bác dụ hỏi, nó chỉ “Cô Tư ngồi trong buồng may đó”. Nhờ trong xóm có nhiều người tốt do kết quả xây lăm chính trị nên cuối cùng họ cũng nhận ra tôi, tìm cách liên lạc và bảo vệ. Tôi theo dõi trẻ con ngoài xóm cứ mỗi lần thấy Mỹ là nó chào “hélô” nên nói với anh chị Ba Bình dạy mấy đứa nhỏ: Thấy lính Mỹ – Ngụy đi vào làng thì đừng có chạy mà cứ “hélô” là tôi biết có địch, lo lấy tấm lá buong quần người lại.

Công giáo dục các cháu thật không thừa. Một buổi sáng, cháu gái tên Cúc lớn 18 tuổi vừa đi chợ về, bọn Mỹ thấy con gái liền đi theo. Bọn địch đi đến sân thì Cúc vô nhà, thấy Mận đang bế em chạy ra mừng chị, Cúc tát Mận một bạt tai nẩy lửa. Mận không hiểu ý chị nên liệng em vào ván, em bé thét lên. Hai chị em vừa khóc vừa la toáng lên. Bọn Mỹ thấy vậy bỏ đi ra. Thế là “mặt trận giả” đã cứu tôi thoát nguy hiểm. Một lần khác, trưa, cháu Ngự đi học ở Long Thành về nhà, vừa bung tô cơm ăn thì nghe tiếng hai tên Mỹ từ mé suối sau nhà đi tới. Cháu lanh trí, cầm tô cơm vừa đi vừa ăn (cháu đang mặc đồ học sinh nên mấy tên Mỹ cũng

không nghi ngờ gì). Ngũ biết là bọn Mỹ theo bắt mấy đứa nhỏ lấy cấp đồ và tiền của Mỹ nên Ngũ chỉ tay hướng khác. Hai tên Mỹ đi theo hướng chỉ tay của Ngũ, trong lúc đó tôi ở trong nhà cách chưa đầy 20 mét, súng đã lên đạn. Nếu không có các cháu bảo vệ thì tôi đã không còn đến bây giờ.

Qua mấy lần thoát nạn, tôi giải thích, cảm ơn và khen các cháu ngoan: “Bảo vệ cô là làm cách mạng rồi đó”. Mặc dù tôi rất kỹ, không để việc gì sơ hở, ngay cả việc mặc cũng mặc quần áo của chị Ba để không có gì khác lạ trong nhà; nhưng việc ăn thì chưa kỹ. Mỗi bữa ăn, chị Ba tay bung cơm, nước đưa qua vách lửng, miệng gọi “Ăn cơm cô”. Tôi đứng lên lấy ăn. Có một lần, nhà bên thấy lạ, theo dõi, treo cái màn để nhìn sang. Chị Ba biết đã bị lộ, định giấu luôn. Tôi biết được, nói với anh chị: “Dì Mười (má cô Nhật) là người tốt, anh chị lựa lúc thuận lợi cho tôi gặp dì Mười”. Rồi dì đến gặp tôi. Dì cười nói: “Tao biết có ai trong nhà, hóa ra là mày. Vậy thì, từ nay tao có trách nhiệm bảo vệ cho mày làm việc”. Tôi cảm ơn dì. Từ đó, không phải dì chỉ có việc bảo vệ tôi mà còn làm được một số việc khác theo khả năng của dì Mười.

Dù là có sự bảo vệ như vậy nhưng địch ruồng bố, xét nhà bất kể ngày, đêm kể cả bằng chó Becgiê và rada rà từ trong nhà đến ngoài vườn, bất cứ chỗ nào

chúng nghi. Thấy tình hình ngày càng khó khăn, tôi bàn với anh chị Ba đào hầm bí mật. Tranh thủ lúc vắng người qua lại, tôi và anh Ba ra sức đào. Các cháu lớn gác đường, có gì thì báo động bằng cách “Hélô”. Chị Ba và cháu Cúc bung đất, đổ làm nền nhà. Một bữa nọ, đào gần xong thì trời hừng sáng, tôi phải tắm vội cho nên bị bệnh cảm, bỏ ăn mấy hôm, gia đình phải chạy thuốc. Khi tôi hết bệnh, anh chị Ba nói: “Tôi nói cô đừng buồn. Cô bệnh tôi lo quá, cô mà chết tôi không biết làm sao!”. Cả nhà cùng cười thông cảm.

Từ khi có hầm bí mật, cả nhà đỡ vất vả hơn. Hằng ngày khi êm tôi ở ngoài, lúc có địch tôi mới vào hầm tránh. Tôi và anh Ba Bình làm việc (như việc truyền đạt nghị quyết) thì tôi ngồi trong giường có tấm rido che, anh Ba ngồi ngoài ghế, bàn có ống thuốc Lào, khi tôi đang nói mà có người thì anh gõ gõ ống thuốc Lào, tôi im, anh tiếp khách. Khi tôi đi lại công tác, các cháu lớn dò đường cho tôi đi. Đây là một gia đình thật là tốt vì từ người lớn đến các cháu nhỏ đều cùng làm việc và bảo vệ tôi. Sau Mậu Thân các cháu Cúc, Ngũ, Ngọ đều thoát ly chiến đấu. Năm 1969, cháu Cúc hy sinh cùng trận với chị Mười Nghĩa là Tỉnh ủy viên Tỉnh ủy Biên Hòa, Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh.

Trước tình hình ác liệt như vậy, tôi không ngờ chị Ba Giác (chị ruột của tôi) không rõ làm sao biết tôi ở đây mà dẫn con là cháu Lên tìm đến thăm tôi. Tôi mừng rỡ, xúc động nghe chị kể chuyện nhà và tâm tư của chị. Chị nói “Lúc này, chỗ nào cũng đánh nhau dữ quá! Mỗi ngày, hàng trăm nỗi lo. Có khi thằng Tấn (Lộc) dẫn du kích về đánh giặc, vừa lắng nghe tiếng súng vừa phải lừa mấy đứa nhỏ (con anh Sáu) xuống hầm. Khi nghe tiếng súng ở khu lòng chảo thì lo sợ cho thằng Tất (con dì Sáu); nghe súng nổ ngoài rừng Sác, Nhơn Trạch thì lo cho thằng Tám Hùng (Lưỡng) và chị Năm mây (chị Thế); nghe súng nổ ở xã tao lo cho anh Sáu Tiến (Nào); còn đánh nhau ở Bình Sơn, An Viễn thì tao lo cho mây và thằng Khiêm (Sáu Cường)”. Tôi ôm chị vì thương cho chị không ngày nào được thanh thoi. Vì nơi nào cũng ác liệt, mặt trận nào cũng có em của chị. Riêng tôi, từ lúc thoát ly ra khỏi nhà, tôi biết chị thương và lo cho các em nên dù lúc nào, ở đâu tôi cố nén, không nhản gập để chị đỡ vất vả trong việc thăm nom. Lần gặp này, bất ngờ, tôi rất mừng, nhưng không thể kéo dài. Chị em tôi với cháu gặp nhau chưa đầy 20 phút, phải chia tay vì nhiệm vụ không cho phép, cũng vì tình cảm gia đình không nên mềm yếu. Chị gặp được tôi chị an tâm nhưng tôi ray rứt vì thương chị quá mà phải hy sinh tình cảm.

Tình hình nơi nào cũng ác liệt. Lúc tôi trụ hoạt động trong ấp chiến lược ở sở Bình Sơn thì anh Mười Đức, Bí thư chi bộ bám vào hoạt động trong ấp chiến lược sở Siph, gian nan cũng không kém. Anh ở nhà chị Năm Út (Năm thuốc rê). Chồng chị Năm Út là anh Võ thoát ly, chiến đấu, bị hy sinh. Chị là công nhân cạo mũ cao su, nuôi hai đứa con. Anh Mười Đức chọn nhà chị làm cơ sở hoạt động, ở hầm bí mật trong nhà chị. Không ai hốt tóc nên anh phải cạo trọc đầu, mặc quần áo của chị Năm Út. Anh trắng trẻo và nhỏ con nên anh hóa trang thành phụ nữ khi ra hoạt động. Anh rất kỹ nhưng sơ hở trong việc hút thuốc, anh chỉ thích thuốc thơm (thuốc Rubi). Một hôm tên gián điệp theo dõi, phát hiện: “Chị Út đi làm, con đi chơi sao có mùi thuốc?”. Tên này theo dõi chính xác, chỉ điểm dịch đến bao vây gọi đầu hàng. Thấy bị lộ, biết không còn cách nào khác, anh đốt hết tài liệu, tiền bán công phiếu (lúc này ta đang vận động dân mua công phiếu kháng chiến), quần áo. Anh chỉ mặc quần đùi. Dịch hí hửng mời chủ sở đến chứng kiến xem chúng bắt “Việt cộng” trong nhà dân của chủ sở. Dịch chủ quan, bị anh Đức bắn chết hai tên lính ngự. Lính Mỹ nóng ruột nhào vô, một tên Mỹ bị thương. Chúng tưởng “Việt cộng” đông lắm, nên lùi ra. Bên ngoài, đã có ba vòng bao vây, nhưng cuối cùng dịch phải dùng mìn định hướng đánh

sập nhà. Anh Mười Đức hy sinh thật anh dũng. Lúc này hai đứa con của chị Năm Út đang chơi nhà bên không ai để ý. Khi chuyện xảy ra, cơ sở ta hóa trang cho hai đứa nhỏ và đem đi giấu đi. Chị Năm đang làm ngoài lô, cơ sở ta ra báo tình hình cho chị biết rồi hóa trang đưa chị qua mất địch, chở chị qua xã Tam An gửi đơn vị cao su Biên Hòa. Con chị được cơ sở nuôi giùm, đến ngày giải phóng mẹ con đoàn tụ.

Tình hình ở vùng cao su Long Thành, ta và địch đánh nhau quyết liệt. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ban cán sự biết kết hợp giữa lực lượng vũ trang bên ngoài và quần chúng bên trong nổi dậy phá thế kìm kẹp giải phóng Bình Sơn lần thứ tư. Khi Bình Sơn được giải phóng, bớt căng thẳng về bom đạn, đời sống vật chất cũng đỡ vất vả thì có một số cán bộ, chiến sĩ biểu hiện mất cảnh giác, lơ lỏng nhiệm vụ. Đồng chí Sáu Quân uốn nắn tinh thần, tư tưởng cán bộ, chiến sĩ, nói thế nào chạm tự ái một số người, nên giữa năm 1967 nhân khi địch tập trung đánh phá quyết liệt để làm lại áp chiến lược, những kẻ bị chạm tự ái có tư tưởng dao động. Đến khi gặp tình hình ác liệt quá, tên H, Bí thư Chi bộ dẫn hai đứa em ruột và rủ tên Ký cán bộ trong đội cùng vợ ra đầu hàng địch, năm đứa một lúc. Đây là lần đầu tiên trong đơn vị có người đầu hàng địch, rất nguy hiểm, đặc biệt là tên H biết rất nhiều cơ sở mật

của ta. Trước khi địch có biểu hiện quyết lập lại ấp chiến lược thì tôi đã vào trụ lại bên trong ấp, ở nhà anh Năm Chiêu. Cùng vào ấp công tác còn có đồng chí Hồng là cán bộ an ninh của Ban cán sự; đồng chí Thành là cán bộ của an ninh Bình Sơn. Hai người vào công tác như thường lệ thì gặp lúc địch đổ quân, đóng chốt luôn nên Thành và Hồng kẹt lại, tạm trụ trong nhà một cơ sở gần khu nhà chủ. Không ngờ, địch cũng vào nhà này đóng quân. Hai anh bị kẹt hai ngày, nằm trên gác không ăn uống, tắm giặt, chịu đựng nóng bức. Đến ngày thứ ba, nhân bọn lính đi hành quân hai anh chạy vào nhà anh Năm Chiêu, gặp tôi ở đây. Trong lúc Mỹ đào công sự đóng quân xung quanh hàng rào ấp chiến lược cách nhà chừng chục mét sát đường dân thường đi lại, cũng là lúc tên H men đến để làm tiền. Gia đình anh Năm Chiêu gồm có mẹ già, vợ, và năm đứa con, lại thêm ba người chúng tôi. Thật là bất lợi. Ai cũng thấy vậy nhưng chưa có cách ứng xử. Anh Năm và tôi đánh giá tên H rất nguy hiểm, thoát đầu nó làm tiền rồi đến lúc nó đánh phá chứ không để yên. Tôi chưa nghĩ đến việc khử nó thì anh Năm đề nghị diệt nó. Tôi bất ngờ nên hỏi anh: “Bằng cách nào?”. Anh Năm đưa ra kế hoạch, tôi thấy được, bổ sung vài chi tiết rồi thống nhất với nhau. Anh Năm thu xếp việc gia đình, tôi bàn và phân công hai anh Hồng và Thành

thực hiện kế hoạch, rồi anh Năm chủ động mời tên H đến nhà.

Đúng 8 giờ sáng ngày mừng 2 Tết năm 1967, khi tên H đến gần nhà thì cháu Ta nói lớn “Ba ơi có chú H đến chơi!”. Anh Năm đang ngồi trên ghế bố nghe radio, anh để radio hát nhỏ lại, bước ra cười nói: “Chào chú đến chơi”, rồi mời hấn ngồi xuống một cái ghế độc nhất quay mặt vào nhà. Lúc này, hai cháu Khải và Hoàng đang chơi đánh bầu cua dưới đất, cũng lễ phép “Chào chú đến chơi”. Trong lúc anh Năm đang lập thế thì anh Ba Huynh đến (anh Ba Huynh cũng là đảng viên mật). Vừa vào nhà, anh Ba Huynh thấy tên H ngồi đấy thì sửng sốt, vừa ngạc nhiên vừa sợ. Anh trấn tĩnh, để hai cái bánh chưng xuống bàn và nói: “Tết, mấy đứa nhỏ nhà tôi đi hết, tôi đem bánh đến cho mấy đứa nhỏ nhà anh ăn”. Anh Năm lấy ghế cho anh Huynh ngồi mé trong buồng đối diện với tên H, rồi anh bước vào gần cửa buồng nhìn tôi. Gặp bất ngờ, anh lúng túng, rót rượu mà run. Tôi đưa tay ra hiệu bảo anh bình tĩnh, anh gật đầu. (Anh Ba Huynh không hề biết kế hoạch chúng tôi đã bàn, mà chủ yếu là đến thăm tôi, anh cũng không biết có hai cán bộ nữa). Anh Năm lấy lại bình tĩnh, cầm cái dao yếm và chai rượu trở ra, nói to: “Anh Ba đem cho bánh, nhân có chú H ở nay, để tôi cắt bánh ra anh em mình ăn tết cho vui”. Anh Năm vừa

nói vừa cắt bánh chưng ra làm tư, rồi cầm miếng lá lau dao, vừa bỏ miếng rơi xuống đất, anh quay lại, vung dao chém sau ót tên H. Hấn vừa la “á” một tiếng, anh Năm đã buông dao, ấn cổ lòi vào trong bụng. Tôi và anh Hồng, anh Thành tiếp tục siết cổ tên này cho đến chết. Mọi việc phối hợp nhịp nhàng và nhanh gọn. Khi tiếng “á” của tên H vang lên, hai đứa nhỏ ngồi chơi liền đóng sập hai cánh cửa lại. Anh Năm giao tên H cho chúng tôi, liền trở ra mở radio lớn hơn. Một lát sau, hai cánh cửa lại mở ra bình thường. Tôi nghiệp cho anh Ba Huynh, anh có bệnh tim, dù việc xảy ra trong chớp mắt nhưng anh cũng bị ngộp thở trong vài phút. Chị Năm và hai cháu gái nhỏ Bạch, Thi đang ở nhà bếp, khi nghe tiếng la của tên H, có đứa nhỏ hỏi “Ai la gì đó?”. Cháu Ta giải thích: “Con rết, ba đập chết rồi, không có gì, mình đi chơi!”. Rồi Ta dẫn hai em đi chơi. Thế là yên. Khi tỉnh lại anh Ba Huynh vừa mừng vừa khen và cảm ơn: “Nếu nó sống, nó cũng không tha cho tôi và tất cả các cơ sở ở đây”.

Chúng tôi tiếp tục đối phó với tình hình sau khi địch mất tên H. Mặc dù đã nguy trang rất kỹ, nhưng cũng phải sẵn sàng với tình huống xấu nhất. Đúng như dự đoán. Sáng sớm, địch chia nhiều cánh lùng sục, khám xét, không từ chỗ nào. Chúng tra xét kỹ ở xóm Đình, Bàu Ngỗng vì nghi có nhiều Việt cộng; đến hơn 5

giờ chiều mới mò đến xóm Sân Diễm. Riêng khu vực nhà anh Năm Chiêu, vì gần đồn địch, chúng ít nghi nên chỉ khám xét qua loa. Tra xét hoài không ra dấu vết, chúng thấm mệt, bỏ cuộc. Chúng tôi được gia đình bảo vệ an toàn, thật là một thắng lợi lớn. Sau đó hai đồng chí Hồng và Thành trở về căn cứ an toàn, tôi cũng đổi chỗ ở.

Một bất ngờ nữa, chị Ba Giác ẵm cháu Dân (con anh Sáu) lên thăm tôi. Đang lúc việc hệ trọng mới vừa xong, xác tên H còn nằm đó, chị đột ngột đến thăm, tôi lúng túng, không tập trung nói chuyện với chị, qua vài chuyện hỏi thăm sức khỏe, rồi cho chị về. Từ đó, đến ngày giải phóng tôi mới về nhà, gặp lại chị, tôi khen chị “Em ở đâu chị cũng biết”.

Sau đợt diệt ác phá kềm trong ấp chiến lược thắng lợi, tỉnh biểu dương khen ngợi và gọi tôi về dự hội nghị cao su liên tỉnh A – B – C (tức tỉnh Bà Rịa, Long Khánh, Biên Hòa). Tôi được báo cáo điển hình và rút kinh nghiệm học tập cho vùng cao su bám trụ hoạt động trong ấp chiến lược. Sau hội nghị tôi trở vào ấp chiến lược giữa năm 1967, lúc tôi vào ấp chiến lược thì tỉnh điều anh Bảy Sang, Ủy viên Thường vụ huyện ủy Long Thành về làm Bí thư Ban cán sự, rút đồng chí Sáu Quân về Bà Rịa. Ít tháng sau, tỉnh đưa đồng chí Hai Bình từ cao su A (Bà Rịa) về, rút anh Bảy Sang đi.

Tôi vẫn là Ủy viên Ban cán sự, bám trụ lãnh đạo lực lượng mật kết hợp với lực lượng bên ngoài đánh địch bằng *hai chân* (chính trị, quân sự) *ba mũi* (chính trị, quân sự, và binh vận).

Ở bên trong ấp chiến lược, lúc địch gây khó khăn ruộng bố nhiều, tôi đi lại công tác rất khó khăn, nhờ cơ sở dò đường, đưa đón, khi bằng xe đạp, lúc bằng xe hơi; nhất là khi ra khỏi ấp chiến lược bằng xe hơi, còn có cơ sở nội tuyến trong hàng ngũ địch gác đường, bảo vệ khiến xe tôi đường hoàng ra vào cửa chính ấp chiến lược, giữa ban ngày, trước mắt địch. Một lần tôi di chuyển từ nhà anh Năm Chiều xuống xóm đình, anh Năm lấy xe của chủ Tây chở tôi đi, khi xe chạy vừa qua khỏi trường học lúc 4 giờ 30 (lúc dân đi làm) vừa lúc bọn Mỹ từ cầu nhà máy đi xuống làng. Khi thấy đèn xe, chúng đang đi hàng một vội tản ra thành đội hình chiến đấu, súng lăm lăm trong tư thế “nổ”. Anh Năm thấy vậy, cho xe chạy chậm lại. Do xe chạy ra hướng Long Thành nên địch ít nghi. Tôi ngồi trong xe, mặc áo trắng, giấu súng ngắn trong người, trùm khăn, nghèo đầu giả bộ đau đớn. Bọn Mỹ rà hai bên xe nhìn vào dò xét. Anh Năm nói tiếng Pháp, chỉ tay vào tôi bảo là đưa bệnh nhân đi Long Thành cấp cứu. Một tên Mỹ mở cửa xe, nhìn chăm chăm, thấy tôi đang nhăn nhó, lộ vẻ đau đớn, nó đóng cửa và phát tay cho xe chạy. Hú

vía, nếu hôm đó mà nổ súng thì giỏi lắm tôi nổ được vài viên, kết quả tôi và anh Năm Chiêu tiêu tòng. Một lần khác, có thư gọi về căn cứ học nghị quyết. Sáng ra, anh Năm chạy xe một vòng quan sát, thấy tình hình không có địch, chạy về nhà, hối tôi nhanh lên xe. Chị Năm còn bỏ theo hai con gà để về căn cứ anh em bồi dưỡng. Xe chạy qua cửa ấp chiến lược, cơ sở nội tuyến đưa tay chào. Không ngờ, có cuộc hành quân lớn của địch từ hai mũi Long Thành và Cầu Nước Trong vào mà không ai biết. Khi xe qua khỏi ấp chiến lược, đến cây lô 3 phần thì gặp đoàn xe GMC của địch chạy trên đường 10. Anh Năm liền cho xe chạy tạt vào lô cây non, vòng qua đường lô 6/10, 8/10. Khắp các ngã đường này đều có địch. Tôi và anh Năm cũng không biết, vừa rồi, anh Sáu Cường từ căn cứ của Ban cán sự ra lô đón tôi đã bị địch bắn chạy vòng vòng từ lô này qua lô khác, may mắn thoát chết. Thấy anh Năm mồ hôi ướt mặt, ướt áo, biết anh đã mệt vì lo lắng, tôi động viên anh bình tĩnh, chạy xe bình thường như đang đi xem xét việc ngoài lô cao su. Anh Năm nghe lời, vừa lái xe vừa quan sát, không lộ vẻ gì khả nghi. Khi đến gần lô 8/2, thấy địch cách chúng tôi một lô cao su, anh liền lái xe chạy vào mé bìa rừng, tôi bước xuống nhanh, thoát vào rừng, liền gặp em Nghĩa (con cô Chủ, bảo vệ thuộc văn phòng Ban cán sự) đón tôi. Nghĩa nói “Em vận cổ

hai con gà để nó kêu nguy hiểm”. Tôi đồng ý. Hai chị em về đến căn cứ an toàn. Anh Năm Chiêu cũng lái xe về đến nhà an toàn. Hôm sau, toàn khu căn cứ nổ súng chống càn, thắng lợi, ta không thiệt hại gì.

Đầu năm 1968 tỉnh điều động anh Hai Bình về làm Bí thư Ban cán sự. Ban cán sự tổ chức hội nghị bàn việc chống đánh phá ấp chiến lược. Xong hội nghị, tôi trở vào hoạt động trong ấp chiến lược cho đến tết Mậu Thân. Vì ở trong ấp chiến lược, tôi không nhận được lệnh tổng tấn công tết Mậu Thân. Đêm 30 tết, tôi bất ngờ được cơ sở đưa đến gặp đồng chí Hai Bình và vài chục anh chị em ở căn cứ vào để thực hiện mệnh lệnh tổng tấn công. Anh Hai Bình truyền đạt tinh thần cơ bản, còn nội dung kế hoạch gần như bị động vì chưa kịp chuẩn bị. Tôi làm nhiệm vụ theo lệnh của đồng chí Bí thư Ban cán sự. Đồng chí Bình nói “Đêm nay toàn miền Nam nổi dậy khởi nghĩa “tổng tấn công” với khẩu hiệu “Đảng viên, đoàn viên: đứng thẳng người lãnh đạo quần chúng”. Từ trước đến nay, do nguyên tắc bí mật nên đảng viên, đoàn viên phân tán, ít biết nhau; nay có lệnh tập hợp, được sinh hoạt chung theo kế hoạch cùng tấn công địch nên ai cũng mừng vui, ai cũng tin rằng kỳ này giải phóng miền Nam, không còn sợ địch, khí thế cách mạng sôi nổi. Lúc mũi tấn công địch ở Long Thành nổ súng, tại Bình Sơn, hơn 15 cây súng

được phát cho số cán bộ, chiến sĩ ở ngoài vào và một số đảng viên, đoàn viên, du kích mật trong ấp. Lực lượng vũ trang bám sát đồn bót (nhà chủ Tây), vận động dân công cưa cây lấp đường làm chướng ngại vật ngăn chặn quân tiếp viện. Hầu hết công nhân trong ấp đều tham gia đấu tranh chính trị, binh vận; cầm cờ, biểu ngữ và truyền đơn vận động binh lính địch bỏ ngũ trở về nhà làm ăn. Sáng mừng một Tết, đoàn người kéo vào sát đồn bót. Địch sợ, đóng cửa. Ta cho người đưa bánh, mứt, nước ngọt đến, yêu cầu cho đồng bào vào đồn ăn tết với anh em binh lính. Địch sợ, không cho vào. Cơ sở ta chuyển truyền đơn vào trong, địch lấy đọc, lên tiếng cảm ơn: “Cám ơn đồng bào! Chúng tôi thấy vui quá, muốn ra chơi nhưng có lệnh giới nghiêm, không dám ra!”. Các lực lượng ta bao bố địch trong đồn bót, làm chủ tình hình suốt 3 ngày đêm, không khí ăn tết đón xuân của Bình Sơn hồ hởi, phấn khởi. Đến đêm mừng 3 Tết, tiếng súng ở các mặt trận im lắng, lực lượng vũ trang rút về căn cứ thì địch ở trong đồn Bình Sơn bùng ra phản kích. Chi khu Long Thành chi viện cho ngụy binh ở Bình Sơn vào bao vây, truy lùng, tìm diệt cán bộ, đảng viên, đoàn viên, du kích đã tham gia vây đồn. Đại bộ phận cán bộ chiến sĩ của ta đã rút về căn cứ. Số đoàn viên, thanh niên và du kích mật lộ diện vây đồn xin thoát ly, tòng quân, khoảng trên bốn mươi người.

Số chưa bị lộ rút vào bí mật, tiếp tục hoạt động. Đồng chí Hai Bình rút về căn cứ, tôi ở lại trong ấp nắm bắt và đối phó với tình hình mới. Có anh Sáu Thống và chị Bảy Lệ do rút ra cứ không kịp, cũng trụ lại trong ấp.

Sáng sớm mùng 4 tết, địch bao vây Bình Sơn, lừa dân trong làng ra tập trung ở hai nơi, một tại sân diêm, một tại sân banh xóm đình; chỉ diêm dẫn lính đi nhìn mặt từng người, chửi mắng, tra xét, làm khó dễ, bắt ngồi phơi nắng, đến 12 giờ trưa lại cho tốp lính khác vào trong làng, lấy cớ “tìm Việt cộng” lục soát từng nhà, cướp bóc tài sản của dân. Lúc này tôi và anh Sáu Thống, chị Bảy Lệ ở hầm bí mật nhà anh Ba Bình cách sân banh hơn 50 mét, cách suối 20 mét, nghe rõ tiếng bọn địch và bọn tề chỉ diêm la hét, chửi bới, nghe cả tiếng chân đi xục xạo, hốt ổ trứng gà trong nhà anh Ba Bình. Một tốp khác đi dọc bờ suối, cách khoảng vài chục mét thì liệng một trái lựu đạn hoặc bắn vào các lùm cỏ rậm để tiêu diệt “Việt cộng”. Tôi, anh Sáu Thống, anh Ba Bình và chị Bảy Lệ muốn vỡ lồng ngực vì sức ép của lựu đạn. Đến trưa, tốp vào làng không tìm được “Việt cộng”, chỉ cướp phá nhà dân, chán chê rồi rút. Số địch cùng dân phơi nắng không khai thác được gì cũng mỗi một nên cho dân về. Trận phản kích của địch tuy ác liệt nhưng kết quả chỉ là việc cướp phá, hại dân. Lực lượng cách mạng vẫn an toàn, số đảng viên,

đoàn viên, du kích mật không ai bị lộ, nhiệm vụ của các đơn vị tiếp tục được thực hiện. Sự kiện tết Mậu Thân được đánh giá thắng lợi nhiều mặt, là “cuộc biểu dương lực lượng quần chúng nổi dậy tấn công địch, và là trận tập dượt cho các đợt “tổng tấn công” sau này góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam”. Sau những ngày địch phản kích, tình hình trở lại bình thường, anh Thống và chị Lệ về căn cứ, tôi tiếp tục ở lại củng cố cơ sở, chi bộ, chi đoàn.

Đầu tháng 3 năm 1969, Tỉnh ủy (anh Năm Chữ Bí thư) rút tôi và anh Bảy Sang (anh Nguyễn Văn Sang) về tỉnh. Anh Bảy Sang trước là Bí thư Chi bộ (lộ) của Bình Sơn nay về làm cán bộ mặt trận của tỉnh. Tôi đang là ủy viên Ban Chấp hành Phụ nữ tỉnh, nay về làm chuyên trách Phó Hội trưởng Hội Phụ nữ, giúp việc cho chị Mười Nghĩa – Tỉnh ủy viên, Hội trưởng Phụ nữ tỉnh Biên Hòa. Cùng đi với tôi còn có cô Lệ (con ông Liên) là cận vệ tôi từ khi tôi ở Ban cán sự. Tháng 6 năm 1969, chị Mười Nghĩa phân công tôi đi dự Hội nghị Phụ nữ miền Nam ở Trung ương Cục. Thoạt đầu, tôi không dám nhận vì lý do mới về chưa biết nhiều về tình hình phụ nữ cả tỉnh. Chị Mười giải thích, chị cũng từ tỉnh Bà Rịa mới về, phần chị đang bị băng huyết, bác sĩ bắt nằm, hạn chế nói chuyện, chị không thể đi được, mình cần dự họp nghe sự chỉ đạo của

Trung ương để biết mà làm, mình tiếp thu nghị quyết là chính. Sau khi nghe giải thích, tôi chấp hành đi hội nghị, cùng đi với tôi là chị Bảy Tốt (vợ anh Ba Bảo). Chị Tốt bị bệnh gan, chị rất tích cực công tác nhưng ở chiến trường khó khăn không có thuốc trị bệnh, phần thì chị Mười Nghĩa muốn chuyển chị Tốt về công tác ở cơ quan phụ nữ Trung ương để có điều kiện trị bệnh và gần chồng đang công tác ở cơ quan cơ yếu Trung ương Cục miền Nam. Chị Mười Nghĩa biết ý chị Tốt không muốn bỏ chiến trường, không chịu về Trung ương Cục để hợp lý gia đình nên chị Mười Nghĩa sinh hoạt riêng, bí mật giao tôi giấy chuyển sinh hoạt Đảng, tiền công tác phí của chị Tốt. Chị Mười Nghĩa dặn “Đến nơi em đưa các thứ và thư của chị cho chị Sáu Tuyết giải quyết, em lộ bí mật thì Bảy Tốt sẽ không đi chuyến này”. Tôi làm theo lời dặn của chị Mười cố giữ kín kế hoạch. Chị Tốt phấn khởi, còn tôi thì thương chị nhưng không dám chia sẻ.

Đêm tôi và chị Tốt chuẩn bị lên đường là cái đêm nhớ đời. Pháo địch bắn dữ dội vào khu căn cứ Tỉnh ủy ở Suối Cả để dọn đường cho một cuộc càn lớn. Suốt đêm, trong tiếng pháo gầm, trong khi chúng tôi chuẩn bị hành lý thì chị Mười Nghĩa tranh thủ viết thư cho chồng. Chồng chị là anh Hai Sĩ (Hai Phong) chỉ huy của trung đoàn 4 (Q4). Sau này thư của chị Mười bị trả

lại, tôi nhận được, đọc mà ràn rụa nước mắt, đoạn kết rất cảm động: “Anh ơi! Đêm nay, em ngồi dưới hầm viết thư cho anh mà pháo địch bắn liên hồi, tắt đèn mãi, làm đứt đoạn ý thư...”. Thương chị nhất vì đây là lần cuối cùng chị viết cho chồng trước lúc hy sinh, thư cũng chẳng đến tay anh. Thư này, tôi mang đi từ tỉnh đến phụ nữ Trung ương trao cho chị Sáu Tuyết nhờ gửi đến anh Sĩ, nhưng không biết thế nào mà khi tôi dự hội nghị về, chưa đến nơi nhận được tin chị Mười Nghĩa đã hy sinh. Khoảng một năm sau, thư này được trả lại, ngoài bao có ghi là “gửi trả lại cơ quan phụ nữ tỉnh Biên Hòa”, bao thư sồn cũ, chưa mở, còn nguyên bao dán như lúc ban đầu. Cầm thư, tôi rất xúc động, vì chính tôi mang nó đi, cũng là tôi nhận lại, còn người viết thì đã hy sinh. Tôi cảm thương những người giao liên kháng chiến dù qua bao tay, bao trạm và thời gian dài như vậy, dù thư có bị lấm, bị sồn nhưng vẫn đảm bảo được thư tín, thật đáng khen và đáng trân trọng. Tôi đọc thư, dán lại và tiếp tục gửi cho anh Hai Sĩ theo địa chỉ. Sau ngày giải phóng cả chục năm, tôi gặp lại anh Sĩ, kể lại chuyện cái thư, không cầm được nước mắt. Anh Hai Sĩ nói: “Tôi đã nhận được thư, gìn giữ nó suốt đời”. Tình đồng chí, nghĩa vợ chồng trong kháng chiến là như vậy đó!

Chuyến đi về Phụ nữ R (mật danh Trung ương Cục miền Nam) lần ấy, gồm có tôi, chị Bảy Tốt và anh Năm Biên (anh Năm Biên về R họp Nông hội). Giữa khuya, chúng tôi lên đường từ căn cứ Suối Cả, tờ mờ sáng ra đến đường 10, bị địch phục kích, đoàn chạy tán loạn, địch kêu pháo bầy ở căn cứ Nước Trong bắn theo, miểng pháo và đất cát như mưa rào, nhưng may mà đoàn không ai bị việc gì. Rồi đoàn tiếp tục lách ngả khác, tìm đường an toàn mà đi. Hai ngày sau, đoàn đến Trảng Bom thuộc vùng cao su Biên Hòa, chiều tối, đoàn chuẩn bị qua lộ 1 thì giao liên trình sát phát hiện gần 20 chiếc xe tăng địch đã án ngữ khúc đường giao liên thường đi qua để về Chiến khu Đ. Đoàn phải ém lại, ba ngày sau địch rút, đoàn mới qua được Bắc lộ 1. Đến vùng Chiến khu Đ, trong một tuần bị hai đợt B52 cày xới, may mắn không ai bị thương vong. Rồi đoàn hành quân vượt lộ 13, qua suối Ông Hùng – Tây Ninh, đoạn nào cũng đầy vết tích bom đạn và xương máu, gần như mỗi lần vượt lộ là mỗi lần có đổ máu. Chị Bảy Tốt tính, trên đường đi từ tỉnh đến phụ nữ Trung ương bị B52 đánh chín lần, nhiều lần bị phi pháo, mỗi lần qua các quốc lộ hoặc các đoạn đường quan trọng đều bị địch phục kích, có khi phải qua lại vài ba lần mới được. Đi ròng rã hơn cả tháng mà vẫn chưa tới nơi, nhiều ngày bị hết gạo, có lúc chúng tôi phải ăn lá rừng thay cơm,

mưa thì có măng rừng, rau tàu bay nhưng hai thứ này ăn khi bụng đói thì sanh ra đau dạ dày, còn môn rừng thì bị ngứa, quá đói cũng phải “nuốt”. Khi đoàn qua khỏi lộ 13, Sông Bé thì gặp một đoàn bộ đội chủ lực từ trên R xuống. Đơn vị bộ đội ấy cũng bị hết gạo, mấy ngày liền ăn lá tàu bay, lấy lá luộc còn cọng thì để ngay ngắn như người ta chắt củi khô. Có nhiều người còn trẻ từ Bắc mới vào, chưa quen khí hậu, nhiều anh bị bệnh sốt rét. Các anh trong Ban Chỉ huy thấy đoàn chúng tôi dưới này lên, hỏi thăm tình hình đường đi của đoàn. Chúng tôi kể lại là địch đánh ác liệt, tối lại thấy đơn vị họp, chắc là lãnh đạo làm công tác tư tưởng, động viên bộ đội, khoảng nửa giờ sau chúng tôi nghe đồng thanh hô to “quyết tâm, quyết tâm”, rồi những cánh tay đưa lên cao rất mạnh mẽ, kể cả số anh em bị bệnh. Chúng tôi thật xúc động. Đến khuya, đơn vị bộ đội lên đường về hướng Chiến khu D. Một số chiến sĩ bệnh sốt rét đã hy sinh, phải nằm lại.

Đoàn chúng tôi cũng tiếp tục đi lên trong tình cảnh hết lương thực, bệnh tật bắt đầu hành hạ. Còn may, thỉnh thoảng chúng tôi bắt gặp một vài chum gạo ở bên đường, trong hốc cây, có lẽ do các đoàn tải nặng, bỏ bớt cho nhẹ. Chúng tôi mừng rỡ vừa tăng tốc cho kịp giao liên, vừa nhanh tay hốt gạo vào khăn, chiều đến trạm lấy đĩa dĩa sạch cát sạn, nấu ăn, đỡ đói được

vài bữa. Dù vậy, do đói và thiếu chất, hai chân tôi cũng bắt đầu tê nhức, bước đi rất khó khăn. Khi đến khu vực tỉnh Tây Ninh, phải băng qua một cánh đồng trống, bị máy bay trực thăng quần bắn, rừng chồi bốc cháy dữ dội, tôi không chạy được nữa, phải bò. May là địch chỉ bắn, nếu có nhảy dù ắt là tôi đã bị bắt. Nạn giặc vừa qua, nạn sốt rét liền đến. Tôi và chị Tốt bị sốt rét hành hạ hơn một chục ngày, không được nằm, phải liên tục bám theo giao liên, khi đến được cơ quan Phụ nữ R (phụ nữ Trung ương) thì đã kiệt sức.

Đến nơi, gặp các chị, biết tin, hội nghị vừa bế mạc chiều hôm qua, đại biểu các tỉnh miền Nam đã về hết. Chị Ba Định và các chị lãnh đạo Hội Phụ nữ Trung ương gặp tôi và chị Bảy Tốt hỏi thăm tình hình, thấy mặt đứa nào cũng xanh xao, hốc hác. Chị Ba Định xót ruột, nói: “Tội nghiệp dân miền Đông, khổ quá!”. Rồi chị gọi tổ chức lo ăn, nghỉ cho tôi và chị Tốt. Tôi và chị Tốt còn được chụp hình, quay phim chung với chị Ba Định, chị Năm Liễu và nhiều chị nữa. Vài ngày sau, chị Sáu Tuyết đọc và giải quyết thư của chị Mười Nghĩa, đưa chị Tốt sang Trung ương Cục thăm chồng là anh Ba Bảo cán bộ cơ yếu của Trung ương Cục miền Nam. Chị Tốt nhận nhiệm vụ ở cơ quan phụ nữ và ở lại đây công tác. Còn tôi, làm việc với các chị, báo cáo tình hình của tỉnh. Chị Ba Định rất chăm chú nghe, hỏi

nhiều về tình hình phụ nữ tham gia nổi dậy Mậu Thân. Tôi say sưa nói, chị Ba quan tâm hỏi: “Trời ơi! Súng ở đâu mà không diệt ác phá kiêu?”. Tôi nói: “Báo cáo với chị Ba là địch cầm súng ở trong đồn không dám ra, còn ta có vài cây súng, chỉ dùng lực lượng quần chúng nổi dậy, số tề điệp đã chạy hết trước đó, ta chỉ bắt giáo dục số tên tình nghi thôi”. Chị cười và nói: “Ít ra phải như vậy chứ”. Chị cười thoải mái.

Qua hai ngày sau, Công đoàn giải phóng miền Nam (anh Bảy Nghi) cho người đến cơ quan phụ nữ đón tôi về công đoàn làm việc. Chủ yếu các anh muốn nghe tình hình ở chiến trường nhất là tình hình trong vùng cao su Biên Hòa và tết Mậu Thân. Tôi báo cáo xong, các anh đề nghị tôi chuẩn bị làm việc với anh Trần Nam Trung, Thường vụ Trung ương Cục phụ trách dân vận. Tôi lo lắng vì lần đầu làm việc với các anh lãnh đạo cấp trên, tôi không biết phải chuẩn bị gì, trình bày như thế nào. Sáng ra, đồng chí Trần Nam Trung đến cơ quan công đoàn gặp tôi, cơ quan chuẩn bị chỗ để tôi làm việc. Đầu tiên tôi lúng túng nói: “Thưa anh, các anh công đoàn bảo tôi chuẩn bị làm việc với anh, nhưng tôi không biết nói gì, xin anh cho biết ý kiến”. Đồng chí Trung nói: “Tôi không biết gì về cao su, đồng chí nói gì tôi nghe hết”. Do tôi không được chuẩn bị nên tôi nói rất dài, không mạch lạc, nhưng nhờ thực tế

sinh động, nên đồng chí Trần Nam Trung chịu khó ngồi nghe, gần nửa ngày, rồi đồng chí Trung bảo các anh lãnh đạo cơ quan công đoàn hôm sau cho người đưa tôi sang dự hội nghị của tổ chức Trung ương về “xây dựng chi bộ vùng ven, vùng yếu”. Tôi thấy thêm lo lắng, nhưng trong lúc chuẩn bị nội dung để báo cáo, “trong đầu” tôi chợt nhớ lời chú Hai Lực – Bí thư Khu ủy miền Đông đồng viên khi nghe tôi báo cáo: “Tao thích nghe mày báo cáo, việc thật, người thật nên dễ nghe, dễ hiểu và rất logic”. Vậy là tôi tự tin, chuẩn bị báo cáo bằng người thật, việc thật mà mình biết. Sau ngày giải phóng, gặp lại chú Hai Lực, kể lại bài học này, chú rất vui và tôi cũng vui.

Đúng giờ hẹn, tôi được đưa đến dự hội nghị. Một đồng chí trong ban tổ chức hội nghị gặp riêng, yêu cầu tôi báo cáo tình hình bám trụ diệt ác phá kiềm trong ấp chiến lược ở đồn điền cao su Bình Sơn. Tôi nhờ một người phác thảo sơ đồ ấp chiến lược Bình Sơn, chỉ cách định hướng Đông Tây Nam Bắc. Đến lượt tôi báo cáo, chỉ vào sơ đồ minh họa, nói rất tự nhiên như mình đang triển khai kế hoạch. Tôi không biết hội nghị có thu băng, thỉnh thoảng có người hỏi thêm, tôi giải thích, thời gian kéo dài, tôi được ưu tiên báo cáo đến nửa ngày, trong đó hội nghị rất quan tâm về phương châm hoạt động vùng yếu, trong ấp chiến lược, sử dụng

ba mũi giáp công của quần chúng công nhân, diệt ác trong ấp chiến lược. Tôi dự hội nghị được hai ngày, được nghe nhiều báo cáo khác, mới hiểu rõ hơn ý nghĩa việc đã làm, hiểu thêm nhiều mặt công tác khác. Đến ngày thứ ba, trước khi bế mạc hội nghị, anh Văn (anh Hai Đáng, Thường vụ Trung ương Cục phụ trách tổ chức) đến bắt tay tôi và hỏi: “Phải đồng chí Bảy Phượng đây không?”. Tôi “dạ” chưa biết anh là ai, thì anh nói tiếp: “Đồng chí báo cáo giỏi lắm, Trung ương Cục nghe đầy đủ rồi!”. Anh Văn đề nghị tổ chức khen gia đình và tổ diệt ác phá kiềm ở cao su Bình Sơn – Biên Hòa một huy hiệu Bác Hồ. Và anh nói với cán bộ dự hội nghị: “Trước nay, các đồng chí nói do ác liệt không nắm được tình hình, nay hội nghị đã nghe rõ tình hình rồi, như đã có bột, có đường rồi, thì các đồng chí làm bánh đi”. Ý anh muốn nói là đã đến lúc Trung ương Cục ra nghị quyết chỉ đạo phong trào diệt ác, phá kiềm, xây dựng chi bộ ở vùng ven.

Sau hội nghị tổ chức chi bộ vùng ven, tôi trở lại cơ quan Công đoàn giải phóng miền Nam gặp anh Bảy Nghi, được anh góp ý chỉ đạo những việc cần làm tiếp theo, rồi đưa tôi trở lại cơ quan Phụ nữ Trung ương. Vì tôi và đại biểu phụ nữ tỉnh Bà Rịa đến trễ, không tiếp thu được nội dung nghị quyết nên Hội phụ nữ Trung ương phân công chị Sáu Tuyết – Phó Chủ tịch Trung

ương Hội xuống địa bàn trực tiếp triển khai nghị quyết hội nghị cho hai tỉnh Bà Rịa, Biên Hòa.

Vào khoảng cuối tháng 3 năm 1969, tôi và chị Sáu Tuyết trở về cơ quan tỉnh Biên Hòa, cùng đi còn có hai cận vệ của chị Sáu Tuyết là em Lệ (gái) và em Lâm (trai). Chúng tôi đi qua được hai trạm giao liên thì nhận được tin chị Mười Nghĩa đã hy sinh. Cháu Cúc (con anh chị Ba Bình) cũng hy sinh cùng với chị Mười Nghĩa. Tôi buồn không tả được. Đau buồn nhưng vẫn phải hành quân. Lần đi về R, chuyển đi đã khổ, khi về cũng lắm gian nan. Vào mùa khô, địch thường đánh phá vùng nguồn nước nên việc ăn uống, tắm giặt rất khó khăn. Khó nhất là việc dò đường, phòng chống địch phục kích. May mắn, chúng tôi gặp và đi theo một đoàn của bộ đội, về đến khu vực Bà Rịa thuộc tỉnh Sông Bé, đoàn ghé vào một đơn vị, nghỉ ngơi được hai ngày. Đi đến đâu, nhất là đến các đơn vị bộ đội, chị Sáu Tuyết đều được yêu cầu kể chuyện. Chị Sáu kể chuyện rất hay, kể về lực lượng phụ nữ đánh giặc bằng hai chân, ba mũi, về khí tiết và gương đấu tranh của chị em trong nhà tù để động viên tinh thần của cán bộ, chiến sĩ. Chuyện kể hấp dẫn của chị Sáu Tuyết đã tạo được sự đồng cảm và lòng tin yêu của cán bộ, chiến sĩ đối với chị em phụ nữ.

Trong lúc chị Sáu kể chuyện, tôi và cô Lệ cùng vài anh em thường ra rừng tìm hái lá bép. Lá bép là một loại rau rừng, ăn rất ngon, không biết có bổ dưỡng gì, nhưng ăn lá bép cảm thấy an lành, không xót ruột như nhiều loại rau rừng khác, kể cả khi thiếu gạo. Tôi và Lệ còn trổ tài làm bánh ướt bằng bột gạo, cũng ngâm gạo thành bột, lấy khăn tay giặt sạch bọt miệng nồi đổ bánh ướt, lá bép xào với thịt rừng làm nhân, muối pha nước làm nước chấm. Vậy mà, anh chị em ăn ngon miệng, khen rối rít, làm tôi và em Lệ “phổng mũi”. Cậu Lâm còn bắt được một con rắn to, nấu cháo ngon lành. Nhờ được nghỉ ngơi lại được bổ dưỡng nên sức khỏe hồi phục nhanh chóng, hai hôm sau, đoàn tiếp tục lên đường.

Khi đoàn băng qua một khu rừng có nhiều đèo dốc cao, do quá mệt mỏi vì cả ngày thiếu nước, tôi lại bị kiệt sức. Đã cố gắng vượt được bốn đèo cao, đến đèo thứ năm, tôi cố lết đôi chân, tai nghe kêu “oe” một tiếng người liền khụy xuống. Em Lệ hốt hoảng: “Chị Bảy sao vậy?”. Chị Sáu Tuyết thấy tôi ngã quỵ, chị ra lệnh: “Cho nghỉ một chút, có người ngất xỉu!”. Rồi chị quay lại bảo em Lệ rót nước ra ca, bỏ viên C vào, kê miệng cho tôi uống, em Lâm quạt liên tục bằng nón. Nghỉ được một, tôi dần tỉnh lại. Chị Sáu đưa tôi hai viên sâm bảo ngậm rồi đi tiếp. Khoảng một giờ sau,

trời vừa tối, đoàn dừng chân bên một con suối cạn, hai bên bờ có vực cao nên đoàn yên tâm nghỉ lại. Đến 3 giờ đêm, pháo bầy từ đâu bắn vào khu vực cấp tập, tiếng nổ rền trời, miếng pháo và đất cát tuôn như mưa. Nhờ nép mình vào bờ suối nên cả đoàn an toàn. Dứt tiếng pháo, đoàn liền cuốn võng hành quân, vì theo kinh nghiệm, pháo bắn như vậy là để dọn đường, có thể sáng hôm sau có cuộc đổ quân càn lớn.

Đi qua thêm một trạm nữa, xế chiều, chị Sáu Tuyết viết thư gửi anh Năm Trang (Bí thư U1). Anh Năm Trang cho người ra đón vào cơ quan U1. Gặp anh Năm, cả đoàn mừng vui. Cơm nước xong, do tình hình còn ác liệt, anh Năm cho gọi chúng tôi xuống hầm làm việc. Chúng tôi vừa ngồi lại, anh Năm hỏi cận vệ: “Mình còn gì ăn không, bồi dưỡng cho mấy chị?”. Anh em báo còn một hộp sữa lược. Hộp sữa vừa đến tay anh Năm, chưa kịp khai thì một trận bom B52 trút xuống, ầm ầm như động đất, hầm bị rung rinh, cát đá rơi đầy mọi người. Dứt đợt bom, câu chuyện tiếp tục bình thường như nơi đây chưa hề có đạn rơi, máu đổ. Anh Năm Trang nói với chúng tôi về tình hình mâu thuẫn giữa Pháp và Mỹ, vừa rồi bọn Mỹ trối 2 tên chủ đồn điền người Pháp dẫn ra lô cổng ngô bắn chết. Bị bắn chết còn có anh tài xế tên Đồng – một đảng viên mật, cơ sở đơn tuyến của ta. Tôi mới biết, cơ sở của ta nhiều

người bị lộ phải thoát ly chiến đấu, trong đó có anh Ba Bình, anh Ba Huynh và gia đình anh Năm Chiêu. Sau khi chuyển cả gia đình về đồn điền cao su Cẩm Mỹ, lại bị lộ anh Năm Chiêu cùng các con là Khải, Hoàng, Ca, thoát ly chiến đấu. Anh Chiêu về làm cán bộ tuyên huấn của Huyện ủy huyện cao su (Biên Hòa – Bà Rịa – Long Khánh); Khải về mặt trận tỉnh; Hoàng, Ca vào Ban An ninh tỉnh, còn mẹ gần 80 tuổi, vợ và 2 con gái nhỏ là Bạch và Chi vào khu căn cứ Ông Quế cho đến ngày giải phóng. Cháu Hoàng vào công tác tại cơ quan An ninh Phân khu Bà Rịa được vài năm, bị cơn sốt rét cấp tính, hy sinh tại Dân y Phân khu.

Sau khi gặp anh Năm Trang ở Biên Hòa U1, tôi và chị Sáu Tuyết chia tay. Chị Sáu về ngả Long Khánh xuống Bà Rịa còn tôi về cơ quan phụ nữ tỉnh Biên Hòa ở Suối Cả. Chị Mười Nghĩa đã hy sinh, chị Lưu Thị Hoa (Năm Hoa) trước là Ủy viên Thường vụ của huyện Long Thành, cũng là Ủy viên Thường vụ Phụ nữ tỉnh có lệnh rút về tỉnh. Tôi được Tỉnh ủy chỉ định quyền Hội trưởng phụ nữ tỉnh. Và, tôi với chị Năm Hoa được phân công đi xuống phụ nữ tỉnh Bà Rịa để nghe chị Sáu Tuyết truyền đạt nghị quyết của phụ nữ Trung ương. Lúc này ở Biên Hòa, tình hình lương thực rất khó khăn, nào cảnh thiếu đói. Đến Bà Rịa, tình hình cũng vậy. Thấy các chị ăn độn bột và đậu xanh, chúng tôi

biết phải cùng cam cộng khổ. Dịp này, tôi được thưởng thức bánh ít trần nhưm mặn của các chị, thiệt ngon.

Xong hội nghị, chúng tôi về tỉnh báo cáo lại nội dung được tiếp thu, trong đó có việc chuẩn bị đại hội phụ nữ tỉnh theo chỉ đạo của phụ nữ Trung ương Cục. Anh Ba Đắc – Ủy viên Thường vụ phụ trách dân vận, mặt trận tỉnh được giao nhiệm vụ chỉ đạo trực tiếp. Chúng tôi phân công nhau chuẩn bị đại hội. Công việc đang trôi chảy thì địch đánh phá ác liệt vào vùng căn cứ Tỉnh ủy. Các cơ quan Đảng, đoàn thể phải dời đi liên tục, trở ngại lớn cho việc thực hiện kế hoạch đại hội. Lúc này, một số cơ quan, công, nông, thanh, phụ, kinh tài, dân y dời về gần khu vực “Gia Cốc”. Địa hình phức tạp, bị chia cắt với cơ sở, việc vận chuyển lương thực gặp khó khăn. Cả tháng bám địa bàn để vàoấp tải gạo, nhiều lần bị pháo bắn, phục kích, vướng bom mìn, đụng địch, chiến đấu hy sinh mà không lấy được gạo. Lúc này, lính Mỹ trực tiếp càn vào căn cứ, đóng chốt theo các trảng trống từ vùng Suối Cả – Phước Thái đến khu vực Chòi Đồng, khống chế và chia cắt vùng căn cứ của ta. Các cơ quan quân số hơn cả trăm người chỉ cách địch một cái bung rau trại, sinh hoạt rất căng thẳng, không để một tiếng động nhỏ. Ban chỉ huy các cơ quan thống nhất lãnh đạo: Giữ bí mật, tránh manh động, chủ yếu là bảo tồn lực lượng. Cho nên, địch

đóng quân dài ngày, cần quét khắp nơi vẫn không tìm diệt được cơ quan lãnh đạo của ta. Quân ta trụ được hơn chục ngày, hết gạo, hết muối, hết cả nước sạch. Tôi là một trong thành phần ban chỉ huy, rất lo lắng, rất sốt ruột. Một lần, họp ban chỉ huy, nghe các cơ quan báo cáo hết lương thực, đã ăn rau rừng cả tuần, nay lại hết muối, cần có giải pháp cấp bách. Đồng chí bác sĩ Tiến bảo: “Đến ba ngày nữa mà không có muối ăn thì các thủ trưởng cơ quan động viên anh chị em uống nước tiểu để giữ muối trong người”. Ý kiến của bác sĩ Tiến khiến nhiều người lè lưỡi cười như mếu. Cuối cùng, lãnh đạo quyết định dời căn cứ về hướng khu căn cứ tỉnh Bà Rịa. Đoàn dời cứ đi gần hai ngày, đến trưa, gặp đoàn của cơ quan tuyên huấn tỉnh Bà Rịa, được anh Quốc Hùng đưa về cơ quan. Anh chị em chưa kịp mừng thì đau đớn nghe tin Bác Hồ mất. Những ngày này, trời mưa tầm tã suốt ngày đêm, như thể trời đất cũng khóc. Nhiều người khóc đến sưng mắt. Vừa khóc vừa lo việc làm lễ truy điệu Bác Hồ. Sau lễ tang Bác, tôi theo đoàn của tỉnh Bà Rịa về T7 học nghị quyết. Học xong, tôi lại theo đoàn cán bộ của Biên Hòa trở về căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa. Các anh chị em khác được chị Sáu Huấn (Lưu Thị Huấn) – Ủy viên Thường vụ phụ nữ tỉnh đưa về sau.

Tình hình cuối năm 1969 vẫn căng thẳng, địch vẫn càn quét đánh phá ác liệt. Một bữa nọ, khoảng 8 giờ sáng, địch cho máy bay quần bắn phá ngay khu vực các cơ quan, tất cả đều xuống hầm, riêng ở cơ quan phụ nữ số anh em bảo vệ chủ quan bỏ một số lựu đạn và băng đạn AK trên đồng củi. Địch bắn hỏa tiễn cháy rừng, cháy cả đồng củi, đạn và lựu đạn nổ tung, khói bụi và hơi cay ùa xuống hầm khiến nhiều người bị ngạt, ho sặc sụa. Anh Bảy Sang và chị Đông cán bộ phụ nữ đề nghị tôi cho anh chị em tung hầm chạy lên, tôi không đồng ý, bảo anh chị em lấy tấm tăng quạt khói ra, nếu chạy lên, máy bay phát hiện bắn chết hết. Cùng lúc đó, hầm bên cạnh cũng bị ngạt, các anh chạy ra khỏi hầm liền bị một trái bom xăng khiến anh Biên – Ủy viên Thường vụ Nông hội, anh Dương trong đội bảo vệ cơ quan nông hội và một anh nữa tên Tỉnh té chết trước miệng hầm, người bị cháy đen, nứt thịt, trông rất thảm thương. Anh Ba Đông, Tỉnh ủy viên chạy sau bị phỏng nặng, được đưa vào bệnh viện cấp cứu, đến sáng hôm sau cũng hy sinh. Một anh khác tên Huyền ở cơ quan Tuyên huấn cũng vậy. Trông thấy cảnh ấy, anh chị em trong hầm đều thấy may mắn, cho rằng quyết định của tôi là đúng.

Trong cuộc chiến giằng co, ác liệt giữa ta và địch, sự mưu trí và dũng cảm luôn là yếu tố quan trọng và

cần thiết. Trước nay, ta đi lại tạo nhiều đường mòn, địch theo dấu phục kích ta, nhiều anh em hy sinh, ta nghiên cứu tình hình, cắt rừng, phục kích lại địch theo đường mòn, diệt nhiều sinh lực địch. Rồi địch không dám đi đường mòn nữa, cũng cắt rừng mà đi, nhiều lúc dụng độ bất ngờ, nổ súng loạn xạ. Vì vậy, ta thực hiện khẩu hiệu “Đi không dấu, nấu không khói, nói không tiếng” để giữ bí mật. Sống trong rừng, kiếm cái ăn thật khắc nghiệt. Gặp tháng nắng không có măng và rau, phải ăn chuối rừng, hết trái rồi đến thân cây, hết cây tới củ. Do thiếu chất, nhiều anh chị em bị bệnh, không thuốc trị. Đôi khi, có được vài lít gạo, phải chia ra cho nhiều người mang, không được ăn, để dành cho những người bệnh hoặc bị thương, có khi mang trên lưng, hoặc do qua tuổi hoặc do mồ hôi thấm ướt, gạo ẩm mốc lên men xanh mà vẫn không dám ăn. Chỉ một việc ấy cũng đủ thấy ý thức kỷ luật, tình nghĩa, trách nhiệm, tình đồng chí đồng đội là là sức mạnh đồng thời là vốn quý của đội quân cách mạng thời ấy. Tình hình càng ác liệt, tình nghĩa càng sâu nặng. Trong đơn vị, nhiều người trước khi đi công tác thường nói vui, nửa đùa nửa thật với đồng đội: “Tao đi có chết mày lấy đồ của tao mà xài”. Thực tế, nhiều trường hợp diễn ra đúng như vậy. Có khi anh chị em vừa ra khỏi cơ quan chưa đầy 10 phút, nghe súng nổ, lát sau có người chạy về báo:

Đã hy sinh. Cuộc sống kháng chiến là vậy, sống đấy rồi chết đấy, không lường được. Nhớ mãi, các em bảo vệ cơ quan Phụ nữ tỉnh trong đó có cậu Quyền (cháu vợ anh Chín Lê). Quyền là sinh viên, tòng quân chưa lâu. Một buổi sáng, Quyền đi tuần tra xung quanh căn cứ, lúc trở về mang một ôm rau tàu bay, đem ra suối rửa sạch, trải ra tấm nylon, lấy muối làm nước chấm, các cô cậu ăn rau chống đói, vừa ăn vừa nói cười vui vẻ, hồn nhiên. Trông thấy thế, thương quá! Vậy mà, không bao lâu sau, số này hy sinh gần hết, trong đó có cậu Quyền.

Đầu năm 1970, tỉnh gọi tôi về tham gia việc chọn địa điểm đại hội thành lập Phân khu 4. Nhiều nơi được giới thiệu, nhưng cuối cùng tỉnh quyết định chọn khu căn cứ của tỉnh ở vùng cao su, sát bên nách địch. Tôi được phân công đưa đoàn đại biểu về nơi đã chọn, nhất là khi trời tối, đi trong lô cao su, đi gần, dẫn đường các đồng chí lãnh đạo phòng khi đụng địch thì lách vào lô khác, không bị lạc. Tôi được phân công đi gần anh Chín Lê. Các anh có gậy, lại khỏe hơn, đi nhanh hơn. Anh Chín Lê đứng lại chờ tôi tới, anh quay ra sau nói nhỏ: “Tư Hy gửi lời thăm cô”. Tôi dạ nhỏ, bụng rất mắc cỡ. Bởi vì, hôm trước về đến T7 (một bộ phận của Trung ương Cục miền Nam), các anh Hai Thông, anh Tư Định và anh Tám Hải có nói với tôi, các anh ở T7

mai mới cho anh Tư Hy xây dựng gia đình với tôi. Anh Hai Thông nói nhiều nhất. Tôi trả lời dứt khoát là chưa chịu lập gia đình. Tối hôm sau, khi đã đến điểm làm việc, sau bữa ăn chiều, anh Chín Lê gọi tôi lại nói chuyện, giọng rất quan trọng, anh gợi ý: “Cô là công nhân, nên lấy chồng công nhân sẽ có hạnh phúc!” Anh mới nói vài câu, xe tăng địch từ lộ 25 bắn đạn lửa vào căn cứ. Tôi kéo tay anh, miệng nói: “Xuống hầm anh Chín”. Anh Chín theo tôi xuống hầm, nhiều anh chị em khác cũng xuống hầm. Thấy đông người, anh biết tôi mắc cỡ nên chấm dứt nói chuyện mai mối.

Ngày 19 tháng 3 năm 1970, đại hội đại biểu Phân khu 4 được tổ chức tại căn cứ ở Bình Sơn, cách đồn địch chỉ hơn 1.000 mét. Tham dự đại hội có trên 100 người, trong đó khoảng 60 đại biểu chính thức, còn lại là bảo vệ và phục vụ. Đại hội tiến hành trong tình hình rất khó khăn và khẩn trương, trong lúc địch tăng cường độ càn quét đánh phá, tập trung bắn pháo vào căn cứ, cho bộ binh đóng chốt, án ngữ các trục lộ quan yếu, cho xe tăng san ủi khu căn cứ Lồm ở Kho Bạc, sát nơi tổ chức đại hội. Tổ chức đại hội gần hang ổ giặc, tuy nhiều căng thẳng nhưng độ an toàn cao. Lực lượng vũ trang Phân khu 4 kết hợp với lực lượng tập trung C207 của Ban cán sự Cao su và đơn vị Bình Sơn, Kho Bạc đã bảo vệ tốt, phục vụ tốt cho đại hội thành công,

an toàn. Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ Phân khu 4 gồm 13 đồng chí. Ban Thường vụ Phân khu ủy gồm: Đồng chí Lê Đình Nhơn (anh Chín Lê) làm Bí thư, anh Nguyễn Hải (anh Tám Hải) – Phó Bí thư phụ trách an ninh, anh Nguyễn Việt Hoa (anh Mười Thà) – Phó Bí thư – Tư lệnh Phân khu, anh Nguyễn Văn Thông – Trưởng khối vận, anh Võ Văn Lượng (anh Tư Định) – Trưởng Ban kinh tài, anh Lê Minh Hà (anh Tám Hà) – Phó Bí thư phụ trách địa bàn (nay thuộc quận 9, thành phố Hồ Chí Minh), tôi (Huỳnh Thị Phụng) – Ủy viên phụ trách công vận. Ít lâu sau, Trung ương Cục điều anh Chín Lê về trên, anh Tám Hải làm Quyền Bí thư. Đến tháng 7 năm 1970, Ban chấp hành Phân khu bầu anh Nguyễn Hải làm Bí thư. Thời gian này, địch còn bung ra đánh phá vùng căn cứ thuộc lãnh đạo của Ban cán sự Cao su như Bình Sơn, An Viễn, Kho Bạc, Siph. Cán bộ, chiến sĩ ta bám địa bàn, lãnh đạo lực lượng tập trung cùng quần chúng chống càn, đánh địch rất khó khăn.

Sau đại hội, Thường vụ Phân khu 4 chỉ đạo việc triển khai thực hiện nghị quyết đại hội đến cơ sở. Tôi được phân công xuống địa bàn Thủ Đức để bám trụ, triển khai nghị quyết và lãnh đạo 30 ngàn công nhân ở đây. Hình thức bám trụ địa bàn bằng cách hoạt động công khai hoặc bán công khai với giấy tờ giả. Lúc ấy,

tình hình huyện Thủ Đức rất ác liệt và phức tạp. Đây là vùng sông nước, áp sát địch, muốn đi chiến trường phải hội đủ ba điều kiện: Một là phải có sức khỏe, hai là phải biết lội, ba là phải gan lì. Có người được phân công đi công tác vùng này đã không dám nhận nhiệm vụ, nói thật với tổ chức: “Tôi không dám đi, nếu Đảng kỷ luật, tôi sẵn sàng nhận dù hình thức nào”. Tôi nghe kể lại chuyện ấy mà lo lắng cho mình, phát biểu thật lòng: “Sức khỏe của tôi tốt, gan thì cũng có, đã “thử lửa” nhiều rồi, còn lội nước thì tôi biết lội chứ không biết bơi, nhưng tôi sẽ cố gắng tập bơi”. Các anh nhìn tôi thông cảm, yên tâm và tin tưởng.

Lúc này anh Tám Hải là Bí thư Phân khu 4, vừa bị thương ở đùi, đi lại khó khăn. Anh Tám gọi tôi lên dặn dò thêm, nhiệm vụ của tôi là bám địa bàn, hoạt động hợp pháp, các anh đã tổ chức cho huyện Thủ Đức lo giấy căn cước giả, khi đến nơi, hạn chế tiếp xúc với cán bộ chiến sĩ, kể cả dân khi chưa cần thiết. Anh Tám Hải biết rõ tôi có kinh nghiệm hoạt động ở vùng yếu nhưng phải dặn dò kỹ lưỡng như vậy vì cảm thấy nhiệm vụ này rất quan trọng, rất khó. Anh Tám còn gọi anh Ba Mỹ – một cán bộ quen thuộc địa bàn Thủ Đức đến hướng dẫn, giải thích cho tôi về cách sinh hoạt ở chiến trường sông nước và chuẩn bị cho tôi vật dụng cần thiết. Anh Mỹ cắt tấm nylon che mưa, lấy

dầu muỗi của Mỹ dán ba bên lại thành túi nhỏ, thao tác cho tôi xem, bỏ vật dụng vào một túi, lấy dây thun quấn chặt rồi bỏ vô túi thứ hai, cũng quấn chặt dây thun thứ hai rồi túi thứ ba, cuối cùng là lớp vải tăng của Mỹ. Tôi ngồi xem, thấy rắc rối, nhưng cũng làm được. Đến ngày hẹn, tôi mang bong, chào các anh chị lên đường, mới đi được vài chục bước thì anh Tám Hải gọi giật lại: “Cô Phượng! Còn việc này nữa”. Tôi hỏi: “Còn việc gì, anh Tám?”. Anh nói: “Việc riêng của cô. Như chúng tôi đã nói với cô rồi, các anh chị trên T7 và tỉnh Bà Rịa định xây dựng gia đình cho cô với anh Tư Hy, cô thấy sao? Cô trả lời, để tôi báo lại”. Trời đất. Vậy mà nói là chuyện riêng của tôi. Tôi mắc cỡ nhưng phải trả lời: “Anh nói lại với các anh chị là tôi chưa xây dựng gia đình đâu, đang bận công tác, biết có còn sống không mà lấy chồng”. Tôi vừa cười vừa mang bong chạy luôn. Anh Tám Hải lắc đầu cười, nhìn theo thông cảm.

Rời cơ quan, tôi theo giao liên đi Thủ Đức, hết một ngày xuyên rừng, đến tối khuất dạng, đoàn ra lộ 15 cặp theo hố nước xoáy trong lô sở Siph, đến gần đường xe chạy vào sở thì có ống cống lớn nằm ngang đường, mọi người trong đoàn phải ôm bong trước ngực bò chui qua ống cống, qua xã Tam An của Long Thành rồi vào ấp 8, đến 9 giờ tối ở đó nghỉ chờ khuya dậy đi tiếp. Lần đầu

tiên đến với địa bàn lạ, tôi để ý xem mọi người làm sao để làm theo. Tôi quan tâm đến việc bỏ đồ vào các túi nylon như anh Ba Mỹ đã dạy, nhưng không thấy ai chuẩn bị như vậy, chỉ thấy chỗ thì vài ba người nói chuyện thì thầm, chỗ thì tranh thủ ngủ, có người vô tư vừa ngồi “ịch” xuống đất là ngủ ngon lành. Đến 3 giờ sáng, giao liên gọi dậy đi, tôi gọn gàng mang bong, sẵn sàng, không thấy e ngại gì nữa. Đoàn đi qua hết cánh đồng ruộng lúa của xã Tam An thì nghe khẩu lệnh “qua rạch”. Tưởng cạn, không ngờ tôi vừa nhào xuống là nước tới ngực. Người và vật dụng ướt mềm, 5 giờ sáng đến trạm giao liên gần sông Đồng Nai, soạn đồ ra phơi cả ngày mới xong. Có người nói vui: “Chị ở rừng thì gọi là “thử lửa”, còn xuống chiến trường này gọi là “thử nước” đó ghen. Chưa hết đâu!” Đúng như vậy, trong ngày, chuẩn bị xong, bắt đầu lội sông. Khi đến bờ sông, được sinh hoạt kỹ: Đoạn đường này phải lội nước qua sông, địch thường cho máy bay trực thăng rọi đèn bắn dọc sông, phải qua nhiều chốt địch đóng trên bờ sông, thường có các khóm lục bình trôi qua, địch nghi ngờ, hay bắn vào lục bình, trên sông thường có tàu tuần tra chạy dọc sông lớn, nhất là sông Đồng Nai, ta và địch thường đụng nhau, nhiều trường hợp hy sinh không lấy được xác, cá sấu ăn thịt người thành quen, mỗi người nên thủ sẵn dao găm để khi gặp cá sấu thì bình tĩnh

chiến đấu, trường hợp ai đi lạc hoặc địch bắn bị thương không được kêu... Quá nhiều điều phải biết và phải nhớ. Sinh hoạt xong giao liên hỏi: “Có ai hỏi gì nữa không?”. Mọi người đều rõ, không hỏi gì thêm, đúng 5 giờ chiều đoàn bắt đầu đi. Đoàn hơn một chục người, chỉ có mình tôi là nữ mà không biết lợi. Tôi được các anh phân công cậu Nhiệm ở đơn vị đặc công thủy giúp đỡ, biết cậu này lợi rất giỏi, tôi an tâm. Cậu Nhiệm lấy ra một sợi dây dù, gút thành 5 nút, một đầu dây cột ở xanh-tuya của cậu, còn một đầu cột vào cái bông của tôi, tôi bám vào bông để được kéo đi. Khoảng 9 giờ tối, do phải kéo nặng nên Nhiệm bơi theo không kịp đoàn, không thuộc đường, bị lạc. Nửa đêm, Nhiệm trèo lên cây để định hướng, bỗng nghe một tiếng “độp”, tôi giật mình tưởng Nhiệm bị té, nhưng có tiếng cậu trả lời từ trên cây: “Em đây, cây rớt, em không té”. Tôi mừng quá, rồi chị em xuống nước bơi tiếp, đến một cánh đồng, Nhiệm bảo: “Em đi trước, chị đi cách sau em chục mét, nếu em nổ súng thì chị lùi lại”. Nhưng cũng không tìm được đường, hai chị em lại xuống sông, chờ nước lớn. Nhiệm nhìn nước chảy định hướng, 5 giờ sáng hôm sau, trở lại đúng chỗ xuất phát chiều hôm qua, thế là một đêm công cốc, ướt lạnh. Lên căn cứ, mới vừa thay quần áo xong thì máy bay trực thăng quần bắn, nhảy chụp vào căn cứ, một anh trong trạm bị thương, toàn

bộ phải rút đi. Chiều hôm đó, theo giao liên tiếp tục đi nữa, 3 giờ sáng đến mé sông Đồng Nai, khúc hẹp nhất, lại được sinh hoạt kỹ khi qua sông. Các anh quơ tay chân cử động một hồi rồi lấy lục bình ngụy trang che cái bông, tay tôi ôm chặt cái bông, cậu Nhiệm tiếp tục kéo đi. Ra đến giữa sông, Nhiệm kéo tôi gần lại, cậu chỉ tay cho thấy chiếc tàu địch cũng đang thả trôi một mối, chúng không thể phát hiện một đoàn “Việt cộng” đi qua trước mắt. Khi ngang qua một chốt đóng trên bờ sông, chúng tôi nghe tiếng lính ngụy ca vọng cổ nghêu ngao, một tên nói: “Tâm ơi mày ca hay quá, coi chừng “Việt cộng” bò vô vỗ tay đó”. Đúng vậy, một đoàn Việt cộng đang qua mặt, chỉ có điều không vỗ tay.

Ngày thứ 3, tôi và cậu Nhiệm mới đến được văn phòng Huyện ủy Thủ Đức. Anh Tám Hà được Thường vụ Phân khu 4 phân công xuống công tác trước tôi, nghe kể chuyện đi lạc, anh cười thông cảm. Anh Chín Thức, Bí thư Huyện ủy nói vui: “Vậy, chị là người ở dưới nước nhất xứ này đó”. Vài ngày sau tôi bị bệnh cảm nước. Anh Chín Thức nói nửa đùa nửa thật: “Chị xuống đây ngoài việc chấp hành nội qui chung, mỗi ngày còn phải tập lội 2 giờ”. Mà đúng như vậy, ở xứ này, nếu không biết lội thì không làm gì được. Huyện ủy phân công cô Lan y tá bàn giao y cụ cho người khác, nhận nhiệm vụ cận vệ tôi. Cô này lội và lặn rất giỏi.

Tôi thấy cần thiết một ngày tập bơi không phải chỉ 2 tiếng mà lúc rảnh là tập, có khi cả buổi. Tôi tập bơi hoài nên bệnh lâu khỏi, mặc kệ bệnh, rồi cũng tự bơi được, có thể vượt qua rạch nhỏ khoảng 40 mét.

Chừng 4 tháng sau, một sáng, máy bay trực thăng quần bắn xung quanh căn cứ. Vài người đã vào hầm nổi. Anh Tám Hà chạy trước, sau là cô Lan rồi đến tôi. Bỗng cô Lan té nhào, tôi nắm tay cô Lan lôi chạy vào hầm, mới thấy cô bị thương ở bàn tay. Tôi và anh Tám Hà lấy khăn bó vết thương cho cô Lan chưa xong thì nghe lệnh rút vì địch đã tràn vào căn cứ. Chúng tôi tuột xuống nước, bơi vượt qua bên kia sông, được khoảng 60 mét thì cô Lan đưa một tay bị thương lên, tay kia bơi rướn vào bờ được. Anh Tám Hà lên bờ dễ dàng. Còn tôi, đến gần bờ thì bị nước đẩy dội ra. Anh em bảo vệ bơi phía sau la to: “Sao chị không chịu vô bờ?”. Tôi cũng la thiệt to: “Vô không được, tụi bây tổng một cái cho chị vô!”. Sau trận càn, kể lại chuyện, anh chị em cười nghiêng ngả. Tôi hiểu thế nào là ích lợi của việc học bơi, cũng hiểu tình thương yêu lẫn nhau của đồng chí, đồng đội giữa chiến trường khốc liệt.

Ở huyện Thủ Đức, do yêu cầu hoạt động hợp pháp nên tôi ít vào làng gặp dân, ít tiếp xúc với cán bộ, chiến sĩ, chủ yếu là làm việc với các đồng chí cơ sở được đưa vào căn cứ học tập. Tôi thường tổ chức cho cơ

sở học tập về tổ chức công đoàn, về vận động xây dựng cơ sở trong công nhân. Trong các lớp học tập, nhiều em rất tiến bộ, đáng tự hào như cô Mai, cô Gấm là công nhân dệt, em Trung là học sinh... Các em đã học tập rất tốt, chiến đấu gan dạ, hy sinh dũng cảm. Tôi nhớ mãi, và rất cảm động khi một lần đi công tác vào ấp Lò Lu có hai em Trung và Nghĩa khoảng 16, 17 tuổi đi bảo vệ cho các anh làm việc. Trời tối, chiếc xuồng bơi nhẹ chưa tới bến thì gặp địch phục kích bắn rát, đạn bay đỏ rực, mạnh ai nấy “nhào” xuống sông bơi thoát thân. Em Nghĩa 16 tuổi rất lanh lẹ, cởi bỏ hết quần áo để bơi cho nhẹ, em về đến huyện đội báo tin cho đơn vị đi tìm. Trong lúc người lớn về đủ, tưởng em Trung đã hy sinh, vì em là học sinh mới thoát ly chưa đầy một năm, bơi không giỏi; nhưng em vẫn mang cả súng đạn AK tìm đường về. Em kể đi lạc ba ngày đêm ở vùng bưng sáu xã, đụng địch phục kích nổ súng mấy lần đều thoát, chịu đói và lạnh, về đến cứ báo tin xong liền té xỉu. Sau đó, em bị sốt, phổi có nước, điều trị mấy tháng mới khỏi. Rồi một lần, em đi công tác ban đêm, trực thăng rơi đèn bắn em hy sinh.

Chiến trường Thủ Đức là vậy. Anh chị em thường nói: “Thủ Đức là thức đủ”, vì địch cần quét, bắn pháo ngày đêm khống chế vùng bưng sáu xã ở Thủ Đức. Bất cứ ngày hay đêm đều phải lắng nghe tiếng pháo bắn,

nếu nghe “tung” tiếp theo là tiếng “hú” thì thôi, còn nghe tiếng “xào xào” thì nhảy tùm xuống sông trước khi tiếng nổ “oành”. Nhiều khi một đêm phải nhảy xuống sông mấy lần, ướt mèm, mất ngủ, muỗi cắn. Riêng muỗi cũng là một nỗi khổ. Cứ chiều chạng vạng thì muỗi nổi dậy, vo ve như bầy ong, cắn không kịp gãi, bay vào miệng khi nói chuyện. Nếu không đi công tác hoặc có chuyện gì, tốt nhất là chui vào mùng sớm để tránh muỗi.

Tôi xuống Thủ Đức gần cả một năm mà làm giấy tờ giả vẫn chưa được. Đến đầu năm 1971, Phân khu 4 gọi về tỉnh học nghị quyết, sáp nhập Phân khu 4 với bộ phận T7 và tỉnh Bà Rịa lại thành Phân khu Bà Rịa. Hội nghị hợp nhất gồm các anh chị lãnh đạo của 3 đảng bộ: Phân khu 4, T7 tức Ban cán sự của Trung ương Cục và tỉnh Bà Rịa. Hội nghị bị địch đánh phá ác liệt, phải dời đi nhiều căn cứ, cuối cùng về Trảng Táo, thời gian hội nghị kéo dài cả tháng. Trong hội nghị này, các anh chị lại nhắc việc xây dựng gia đình cho tôi. Các anh chị đều thương tôi, tán thành, giải thích và cố thuyết phục tôi. Nhất là anh Chín Lê, dù bận rộn việc hội nghị anh tranh thủ thuyết phục tôi, định hướng giải quyết các khó khăn của tôi. Tôi hết đường chối cãi, báo cáo thiệt với anh là tôi biết anh Tư Hy trong lần hợp nhất tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa; mấy lần

anh xuống đơn vị triển khai nghị quyết, vài lần tôi về hội nghị cao su A – B – C (Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh); tôi cũng biết vợ anh là Trần Thị Thuần, y sĩ phục vụ cho hội nghị, đã hy sinh. Chuyện gia đình theo các anh nói thì tôi chưa tính đến vì anh Tư Hy chưa biết về quan hệ gia đình của tôi, đôi bên chưa tìm hiểu tính cách của nhau. Đó là lý do cuối cùng, tôi xin các anh cho tôi có thời gian tìm hiểu, suy nghĩ, nếu thấy được, tôi sẽ báo cáo với Đảng, với các anh chị sau. Anh Chín tiếp tục nói nhiều thứ nữa, rồi nghiêm nghị, quả quyết: “Già cái đầu rồi mà còn mắc cỡ, tìm với hiểu, muốn để cho phải nói nhiều lần. Lý do, lý trấu đã nói nhiều rồi, bây giờ, tôi là anh, thay mặt cho gia đình, thay mặt cho Đảng, tôi báo cáo lại với tập thể và sẽ tuyên bố thành hôn cho cô và anh Tư Hy. Trong hội nghị này có đông đủ anh chị em, ai cũng tán thành, cô là thiếu số phải phục tùng. Còn gia đình cô, ngay bây giờ tôi sẽ báo tin cho anh Sáu Cường biết. Còn gì nữa, sẽ nói sau”.

Câu chuyện vậy rồi dứt. Anh Chín liền viết thư, 12 giờ khuya có chuyến giao liên hỏa tốc đến chỗ anh Sáu Cường. Giữa lúc hội nghị còn đang tiếp diễn thì ngày 14 tháng 7 năm 1971, hội nghị dành ra 2 giờ để làm tuyên bố cho tôi và anh Tư Hy theo thủ tục của đám cưới trong kháng chiến. Thật tình, vì chưa có một lần

hai người ngồi nói chuyện riêng nên tôi chưa có cảm xúc gì về việc xây dựng gia đình, chưa có chuẩn bị gì cho đám cưới. Nay tôi ngồi bên anh Tư Hy trước tập thể đông người đang đổ dồn nhìn mình, tôi cảm thấy ngượng ngùng. Lúc anh Ba Đắc đứng bên cạnh nói lời tuyên bố và dặn dò hạnh phúc riêng gắn với nhiệm vụ chung, bên dưới nhiều người cười, có anh còn chọc phá, nhất là anh Tư Lạc, một chiến sĩ vui tính, thỉnh thoảng anh pha trò khiến tập thể cười rộ. Tôi mắc cỡ, không dám nhìn thẳng vào mọi người. Anh Chín Lê tế nhị, biết ý tôi, phải ngồi gần để nhắc nhở anh Tư Lạc đừng chọc phá nữa, tôi mới được yên. Đám cưới đơn giản mà vui, chỉ tiếc anh chị em tôi không có ai tham dự được, một tháng sau khi cưới thư của anh Chín Lê mới đến tay anh Sáu Cường.

Hội nghị thành lập phân khu Bà Rịa kết thúc, tôi được giao nhiệm vụ Ủy viên Phân khu, làm Bí thư Huyện ủy Cao su nhập lại từ 3 tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh, căn cứ đóng ở núi Tân Phong – Long Khánh cách lộ 2 khoảng 5 cây số đường chim bay, cách Long Khánh hơn chục cây số. Cấp ủy huyện Cao su còn có anh Ba Liễu là Phó Bí thư Thường trực; anh Hùng Tâm, Phó Bí thư phụ trách quân sự; chị Út Lan, Ủy viên Thường vụ; anh Ba Đông, Ủy viên Thường vụ phụ trách kinh tài và các đồng chí bí thư chi bộ đơn vị đồn

diền và các đồng chí trưởng các ban ngành đoàn thể thanh niên, công đoàn, gồm hai mươi đồng chí trong ban chấp hành. Tình hình lúc này tiếp tục khó khăn, nhất là ở Bình Lộc, Dầu Giây, Siph, nơi nào ta và địch cũng đan xen, quần nhau, nổ súng hàng ngày, rất nhiều mất mát, hy sinh. Chị Hai Lê (vợ anh Quỳnh, má cháu Lập) hy sinh khi làm nhiệm vụ bám công nhân ngoài lô đêm 15 rạng ngày 16 tháng 4 năm 1972. Khi giao liên đưa tôi xuống đến đơn vị Dầu Giây làm việc lúc nửa đêm thì sáng ra được tin báo anh Bé, du kích Dầu Giây bám vào ấp bị địch bắn hy sinh. Có đơn vị nhiều ngày liền ăn chuối xanh nấu thay cơm như ở sở Bình Lộc. Anh Hai Thắng (người Hoa) là Bí thư chi bộ xã Tân Phong, ra rẫy bám dân, bị địch phục kích bắn hy sinh, đồng chí Quốc (chồng cô Cẩm, cán bộ) cũng hy sinh. Ở Hàng Gòn, anh Năm Sáng và anh Mười Thành địch bắn bị thương, chị Hương hy sinh. Nói chung vùng đồn điền nào, kể cả sở sở tư nhân như Hoàng Quân, Sở “Bà Cù”, Hoa Lạc, Quang Minh cũng đều căng thẳng, ác liệt. Chỉ vùng giải phóng ven lộ 2 có đỡ hơn một chút. Một trưa nọ, do đơn vị hậu cần 814 đóng dưới chân núi (Huyện ủy ở gần đỉnh núi) nấu ăn, khói nhiều làm lộ căn cứ, bị máy bay địch phát hiện, kêu pháo bắn ở Long Khánh bắn cấp tập vào khu vực núi, lát sau các loại máy bay trực thăng và khu trục đến bắn rocket, bỏ

bom phá banh khu căn cứ rồi đổ quân càn vào. Cây rừng bị bom cày xới, lộ rõ hầm trú ẩn trơ trọi. Tôi, anh Ba Liễu, anh Thanh, và anh Động đứng ở bốn góc hầm nhìn lên trực thăng thấy lính Mỹ rõ ràng. Bom đạn nổ liên tục, phải trụ lại. Máy bay bắn phá vừa dứt thì bộ binh địch chạm súng với bảo vệ. Anh em chúng tôi chạy qua hầm của anh Hùng Tâm và hầm bảo vệ, thấy nắp hầm bị banh nát bởi hỏa tiễn, tưởng là anh em trong hầm bị hy sinh cả, không ngờ anh Hùng Tâm đã ra lệnh rút trước khi trái nổ chưa đầy 5 phút. May quá, trận này bị đánh tơi tả nhưng không ai bị thương hoặc hy sinh. Căn cứ lại phải dời đi nơi khác.

Ngày 14 tháng 4 năm 1972, chị Sáu Mai cán bộ xã Tân Lập vừa sanh đôi, tìm cách gửi hai đứa nhỏ về nhà nhờ nuôi giùm, được ít hôm, chị bị địch bắn hy sinh, sau mấy tháng, nghe tin hai đứa nhỏ cũng chết cả, tình cảnh thật đau lòng.

Tình hình ở Biên Hòa, Bà Rịa và cả miền Đông ngày càng khốc liệt, nơi nào ta và địch cũng đánh nhau, không ngày nào không có đổ máu, ta hy sinh nhiều, địch cũng chết nhiều. Riêng Huyện ủy Cao su từ căn cứ núi Tân Phong mới dời về mé Đông, lộ 2 thì chiều ngày 23 tháng 4 năm 1972, tôi nghe tin đoàn đưa em Huỳnh Thế Hùng (Tám Lương, bị thương, đã cưa chân) đi an dưỡng miền Bắc đã đến căn cứ Tân Lập.

Lúc này, đường giao liên qua lộ 1 để về Chiến khu Đ không dễ dàng, nên tôi bố trí nhờ anh em xã Tân Lập tổ chức đưa qua lộ 1 an toàn. Đến ngày 5 tháng 3 năm 1973, tôi nhận được thư em Hùng báo tin đã ra đến nơi an dưỡng miền Bắc an toàn, mừng không gì bằng. Thư Hùng còn ghi rõ địa chỉ là “Huỳnh Thế Hùng, HT543-1069211” và một địa chỉ nữa: “HT810.507.f1B u1.210”. Nhờ vậy, gia đình giữ được liên lạc với em Hùng cho đến ngày giải phóng.

Ngày 11 tháng 5 năm 1972, Huyện ủy Cao su mở hội nghị Ban chấp hành, có anh Mười Dân tham dự. Đại biểu gồm mười hai đồng chí, đủ bảy Ủy viên chính thức (có bốn Ủy viên Thường vụ) và bốn dự khuyết. Theo kế hoạch, hội nghị giới thiệu bầu bổ sung vào Ban chấp hành Huyện ủy hai đồng chí, kết quả:

1. Đồng chí Sáu Cường (11/11 phiếu).

2. Đồng chí Năm Tới (vì có vấn đề chưa kiểm điểm rõ nên chưa bàn đến).

Hội nghị đề bạt ba cán bộ sơ cấp gồm đồng chí Trọng, Ngạch và đồng chí Sửu. Đến ngày 26 tháng 6 năm 1972 bầu bổ sung chị Út Lan vào Ban Thường vụ (8/12 phiếu) và chuyển anh Tám Công từ Ủy viên dự khuyết lên chính thức.

Khoảng tháng 7 năm 1972, khi tôi về Phân khu Bà Rịa họp thì lúc 3 giờ chiều, anh Chín Lê nghe tin em tôi là Chín Lộc (Huỳnh Minh Tấn) trên đường đi học sơ cấp chính trị do Phân khu Bà Rịa mở, đang nghỉ ở trạm giao liên, anh Chín cho người ra đón em Tấn vào cơ quan. Sau 11 năm thoát ly chiến đấu, nay hai chị em tình cờ gặp nhau, đủ thời gian để chuyện trò, mừng vui vô kể. Chín Tấn còn mừng vì được biết mặt anh rể (Tư Hy). Thấy cảnh gia đình vui vẻ, anh Chín Lê bảo anh Tư Hy mời rượu em vợ mừng lần đầu gặp gỡ. Chín Tấn không biết uống rượu, từ chối mãi, nhưng nể tập thể và anh rể ráng uống một ly nhỏ rượu mạnh, mặt đỏ gay, “xỉn” luôn tới sáng. Hôm sau, Chín Tấn chia tay, trở ra cùng đoàn, đi học, từ đấy cho đến ngày giải phóng 1975, chị em mới gặp lại nhau.

Thời gian tôi làm Bí thư Huyện Cao su từ năm 1971 đến cuối 1973 là khoảng thời gian “máu lửa” và trưởng thành của phong trào công nhân cao su. Dù khắp nơi, ta và địch đánh nhau ác liệt nhưng do có sự tập trung chỉ đạo của Phân khu và hỗ trợ của các ban ngành nên các lực lượng của cao su phát triển đều khắp. Cao su tư nhân dọc lộ 2 được giải phóng, mở rộng thêm vùng căn cứ địa của cách mạng, những sở cao su tư nhân gắn bó với cách mạng như: Xà Bang, Hoa Lạc, Việt Cường, Tân Việt Nam, Tư Lạc, Mười

Tướng, Bà Cùi, Quang Minh, Hoàng Quân. Dọc lộ 2, suốt chiều dài khoảng 20 cây số, ta làm chủ tình hình, vùng giải phóng được đảm bảo an toàn, ta tổ chức mở lớp học văn hóa cho 119 người gồm cả em nhỏ người lớn, qui định du kích xã học 6 buổi/ 1 tuần, du kích ấp học 24 buổi/ 1 tuần và dân quân 15 buổi/ 1 tuần. Số thầy cô giáo dạy trong đó có cháu Chi, con của anh chị Năm Chiêu lúc đó đã dời về Sở Quang Minh thuộc vùng giải phóng. Tôi tìm đến thăm gia đình, thấy chị Năm và các cháu mạnh khỏe, rất mừng. Nghe tôi có thai, khoảng năm 1972, chị Ba Giác lại tìm thăm tôi tại nhà chị Năm Chiêu, gặp nhau được nửa ngày chị Ba về. Chị Năm Chiêu dự tính ngày sanh của tôi rồi nói: “Để chị làm nước cơm rượu, hạ thổ vài tháng, khi cô sanh xong tắm bổ”. Chị Năm nói là làm, cơm rượu đem chôn chưa lâu thì địch tập trung đánh chiếm vùng giải phóng, gia đình chị phải vào căn cứ chiến khu gần sở Ông Quế. Sau này, khi gặp lại, chị Năm nhắc đến thổ cơm rượu: “Địch đánh phá làm mất tài sản không gì đáng giá bằng thổ nước cơm rượu, tiếc quá, cháu tôi không được hưởng, vì một trái bom đã làm nổ tung”. Chị vừa nói vừa cười. Tôi thương chị quá, tình cảm lớn hơn tất cả. Khi trở về căn cứ, tôi theo cách của chị Năm, làm lại thổ cơm rượu khác, dù không đủ ba tháng mười ngày

nhưng cũng tác dụng rất tốt cho lần sinh con đầu lòng là Phạm Văn Nam.

Tôi về cơ quan Phân khu chờ sinh con thì gia đình anh chị Tám Yên nuôi giùm Phạm Văn Việt (con anh Tư Hy và chị Thuần) cũng từ vùng giải phóng bị địch chiếm chạy vào cơ quan tỉnh ở chung. Lúc này, Việt đã 5 tuổi, tôi có dịp tiếp xúc, bù đắp cho Việt tình mẹ. Cháu Nam chưa ra đời thì ngày 30 tháng 8 năm 1972, thực hiện Chỉ thị 08/CT-TW của Trung ương Cục, có quyết định giải thể các phân khu lập lại các tỉnh, Phân khu Bà Rịa trở lại thành tỉnh Biên Hòa, tỉnh Bà Rịa và tỉnh Long Khánh.

Ngày 29 tháng 12 năm 1972, anh Năm Chữ (Lê Quang Chữ) ký quyết định lập lại tỉnh Biên Hòa, tôi là Tỉnh ủy viên của tỉnh Biên Hòa, đáng lý phải cùng đoàn trở về tỉnh Biên Hòa, nhưng vì đã gần ngày sanh, hơn nữa tình hình ở Biên Hòa đang rất ác liệt, tỉnh mới lập lại còn nhiều khó khăn nên tôi không được theo đoàn về Biên Hòa. Trước khi đoàn lên đường, anh Ba Đắc thay mặt cho tỉnh Đảng bộ tỉnh Biên Hòa gửi tôi ở lại nhờ tỉnh Bà Rịa giúp đỡ, sau khi sinh gửi con rồi về sau. Ngồi nghe anh Ba Đắc gửi gắm, tôi buồn muốn khóc, vì từ trước đến giờ chưa một lần nào bị vướng bận chuyện riêng mà không “xung phong” làm nhiệm vụ chung. Lần này phải chịu thôi, dù được ở gần

chồng và con (Việt), nhưng tâm trạng cảm thấy nặng nề, vừa buồn vừa mặc cảm, khó nói. Tôi xây dựng gia đình lúc 36 tuổi và 38 tuổi mới sinh con, tôi biết các anh chị em có trách nhiệm và rất thương tôi nhưng với lòng tự trọng và chí hướng vì việc chung, tôi luôn cảm thấy áy náy. Tôi đã từng lo cho nhiều anh chị em nhưng đến lượt mình được lo, thật không yên lòng, không đơn giản chút nào. Với tôi, trách nhiệm với tổ chức là trên hết. Bây giờ, có gia đình rồi, tôi cũng phải biết chăm chút cho hạnh phúc gia đình.

Tạm gác việc nước, tôi chuẩn bị chức năng làm mẹ. Sáng ngày 6 tháng 4 năm 1973, tôi cùng em Do (cận vệ) đi dân y chuẩn bị sanh. Đường đi từ cơ quan Tỉnh ủy Bà Rịa phải qua sông Ray, đến 5 giờ chiều mới tới. Em Do giúp tôi mang vật dụng cần thiết cùng súng cabin. Còn tôi, bụng phía trước là con, sau lưng là bông, bên hông cây súng ngắn, hành quân đường hoàng, đi dễ như đi ra trận. Đến nơi, mỗi nhữ, được anh chị em động viên an ủi, cũng vui. Tôi biết mình được quan tâm vì là cán bộ lãnh đạo, vừa là thai phụ lớn tuổi, vừa được các anh chị ở tỉnh báo trước. Mọi việc được chuẩn bị chu đáo, tôi rất an tâm. Ngày 11 tháng 4 năm 1973, lúc 19 giờ, cháu Nam cất tiếng chào đời. Lúc đó, em Do về cơ quan chưa đến. Anh Tư Hy đã đi dự hội nghị trên R về chống “đánh phá Bình Định” từ đầu tháng 4 năm

1973 nên chưa hay biết. Ngày 25 tháng 4 năm 1973 đi họp về, anh Tư ghé vô thăm, mang cho hai con gà để bồi dưỡng, gửi tôi ở lại thêm ít ngày nữa cho khỏe. Sáng ngày 8 tháng 5 năm 1973, tôi mới ra viện, tự bông con về cơ quan. Ngày 6 tháng 7 năm 1973 anh Tư Hy cùng ba cậu cận vệ và cô Do đem Nam ra lô cao su ở sở Cẩm Mỹ. Theo kế hoạch hẹn trước, chị Sáu Cường ẵm cháu Nam về Phước Long nhờ chị Ba Giác nuôi giùm. Ngày 3 tháng 9 năm 1973, anh Tư lại đi họp trên R. Tôi vừa mới gửi con, nên buồn, nghĩ đến nhiệm vụ, xin phép được về Biên Hòa. Dù anh Ba Bùi, anh Sáu Nguyễn và các anh trong Thường vụ Tỉnh ủy Bà Rịa khuyên nhủ, động viên, bảo chờ anh Tư Hy về, tôi cương quyết về đơn vị tỉnh Biên Hòa.

Ngày 10 tháng 11 năm 1973, tôi về đến Bình Sơn, ra lô gặp chị Sáu Cường, nhờ nhắn giùm gia đình cô Lệ (con ông Tư Liên – Lệ trước là cận vệ tôi) vô căn cứ dân y Bà Rịa đem hai đứa con gái của Lệ về nuôi giùm vì Lệ sanh đôi, bị băng huyết, chết.

Đến ngày 7 tháng 12 năm 1973, tôi về đến căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa, tham gia học nghị quyết. Tình hình ở Biên Hòa rất ác liệt. Anh Sáu Khánh, Tỉnh ủy viên bị thương mất một chân. Ít ngày sau, hai con của anh chị Ba Đô là cậu Thanh ở cơ yếu, cô Loan đánh máy văn phòng Tỉnh ủy, bị một trái bom, hai anh em hy

sinh cùng một lúc. Cơ quan Tỉnh ủy tập trung cán bộ vừa học nghị quyết vừa chống càn mùa khô. Pháo bắn liên tục, thường xuyên phải ngủ hầm. Ngày 7 tháng 1 năm 1974, Ban chấp hành Tỉnh ủy Biên Hòa đọc quyết định của Khu ủy miền Đông rút anh Ba Đắc về khu, tôi cũng được quyết định rút về công đoàn miền Đông Nam bộ. Trưa ngày 9 tháng 1 năm 1974, tôi đến nhận nhiệm vụ tại công đoàn miền. Ngay hôm sau, ngày 10 tháng 1 năm 1974 Khu ủy gọi sang làm việc thì gặp anh Tư Hy cũng lên làm việc, vợ chồng gặp nhau được mấy ngày. Ngày 22 tháng 1 năm 1974, tôi trở về cơ quan công đoàn ăn tết, chủ yếu bằng đậu nành các loại: Đậu nành luộc, đậu nành tương, đậu nành rang... Ngoài ra, còn có trái cây rừng như xoài, dâu. Thỉnh thoảng, anh em bắn được con voọc, con chồn, cả tập thể cùng ăn, chẳng thấm vào đâu. Cơ quan phải sản xuất tự túc tự cấp, lao động cật lực. Lúc này, tôi có thai lần thứ hai (cháu Huỳnh Anh) được bốn tháng. Tôi lại lo lắng cho việc chung và hạnh phúc riêng. Khi về khu được chỉ định là Ủy viên Ban công vận khu. Vào Đại hội Liên hiệp Phụ nữ khu, tôi được bầu làm Ủy viên Ban chấp hành khóa II của Hội Liên hiệp phụ nữ khu Đông Nam bộ. Được tin nhiệm như vậy, mà tôi lại mang bầu, chỉ làm việc ở cơ quan và tham gia sản xuất, làm việc nhẹ như trồng đậu cúc, cùng anh chị em chăm sóc đậu, hái

đậu... thì thật là đáng buồn. Ngày 9 tháng 1 năm 1974 tôi đến cơ quan công đoàn thì ngày 10 tháng 1 năm 1974 chị Chín Cầu đến thăm, xách cho hai con gà mái, gần một tháng sau anh Tám Sâm ghé thăm, cho hai con gà nữa. Tôi và em Hường cặm vạ làm chuồng nuôi, lấy ổ mỗi vạ chắt cho gà ăn, gà mau lớn, mập ú, đẻ cả bảy, nhờ vậy mà khi sanh cháu Huỳnh Anh có cái để bồi dưỡng.

Ngày 20 tháng 5 năm 1974, em Hường đi với tôi đi vào bệnh viện dân y Đông Nam bộ. Cũng như lần trước: Mang con, mang bông, mang súng, đi cả ngày đường mới tới nơi. Đến 11 giờ trưa ngày 26 tháng 5 năm 1974, cháu gái Phạm Huỳnh Anh ra đời. Tôi mới sanh được hai ngày thì chị Chín Cầu đến thăm, vì lúc này chị ở cơ quan Liên hiệp phụ nữ khu, gần chỗ tôi. Ngày 4 tháng 6 năm 1974, tôi ra viện, mang con về cơ quan. Anh Bảy Nghi thủ trưởng cơ quan công đoàn cho cậu Tài (bảo vệ cơ quan) đem xe thô chở mẹ con tôi về đến hết đường Trần Lệ Xuân. Từ đấy, tôi đai con đi bộ vô nhà hơn 2 cây số. Vào nhà, vừa để con nằm xuống, anh chị em đã đến thăm, mừng nói lú lo. Vợ anh Bảy Nghi móc từ trong miệng cháu Huỳnh Anh ra một con vắt no tròn. Đến chiều ngày 17 tháng 7 năm 1974, đoàn anh Tư đi họp “chống phá Bình Định” trên R, ghé thăm, nhìn mặt con và bàn chuyện gửi con về nhà. Một

tháng sau, ngày 3 tháng 8 năm 1974, đoàn anh Tư trên đường đi hội nghị R lại ghé thăm, để cậu Chảnh, một trong số cận vệ của anh ở lại, giúp tôi về lộ 20, cửa khẩu 110 để gửi con. Sáng ngày 4 tháng 8 năm 1974 nhằm ngày Chủ nhật, tôi, cậu Chảnh và em Hường lên đường gửi con về nhà. Chúng tôi đi mấy ngày, phải qua sông Đồng Nai, đến trưa ngày 10 tháng 8 năm 1974 mới tới trạm. Chị Ba Giác và dì Sáu Dương đã chờ sẵn, có ẵm theo cháu Nam cho tôi thăm. Ở lại trạm một đêm, tôi và chị Ba Giác nói chuyện gia đình thâu đêm, nhiều nhất là việc nuôi mấy đứa nhỏ. Sáng sớm hôm sau, ngày 11 tháng 8 năm 1974, cũng nhằm ngày Chủ nhật, tôi và Chảnh và Hường đưa chị Ba, dì Sáu và hai con ra hết rừng, vừa đến bìa rẫy tôi ngồi xuống định cho con bú mẹ lần chót rồi chia tay. Chị Ba xúc động, giả bộ quay đi: “Để tao đi quan sát coi có địch không”. Chị đi vài bước liền quay lại, miệng Huỳnh Anh vừa há chưa bú được miếng nào thì chị Ba đưa tay ẵm cháu: “Tình hình im, đưa nó đây”. Chị giật lấy cháu, lật đật quay đi, như sợ phút giây quyến luyến sẽ không thể rời ra được. Huỳnh Anh khóc ré lên, rồi con khóc, mẹ khóc, dì khóc, bà khóc, Hường, Chảnh cũng khóc. Dì Sáu Dương vội vàng ẵm Nam chạy theo chị Ba, nước mắt vẫn dài theo bước chân, thật đau lòng. Tôi ngậm ngùi trở lại, nghỉ bên sông Đồng Nai một đêm, lắng

nghe dòng sông chảy, nghe sữa căng đầy hành đau nhức, nóng lạnh, nhớ thương con nước mắt đầm ướt vông. Chiều ngày 13 tháng 8 năm 1974, tôi và Chảnh, Hường về đến cơ quan công đoàn khu. Ngày 24 tháng 9 năm 1974, đoàn anh Tư Hy về đến Khu ủy, tôi sang thăm và báo lại việc gửi con cho anh nghe. Hôm sau, ngày 30 tháng 9 năm 1974, đoàn anh đi về tỉnh Bà Rịa.

Sau khi gửi con, tôi tiếp tục công tác ở cơ quan công đoàn cho đến ngày 19 tháng 12 năm 1974, tổ chức cử đi dự lớp chính trị trường trung cao cấp của Đảng do tổ chức Trung ương Cục Miền Nam mở, thời gian học một năm. Sáng ngày 21 tháng 12 năm 1974, đoàn học viên lên đường, ngày 24 tháng 12 năm 1974 đến trạm ông Năm Đông. Sáng ngày 29 tháng 12 năm 1974 đến trường thì đến trưa ngày 6 tháng 4 năm 1975 phải ra trường, vì học chưa hết chương trình thì tình hình chiến dịch Hồ Chí Minh đã sôi động, thầy và trò đều nôn nóng, cùng kiến nghị với Trung ương Cục cho kết thúc lớp học để tham gia chiến dịch: “Chúng tôi hứa, đánh trận này ai chết thì mát bụng, ai còn sống thì tiếp tục học!”. Lần thứ nhất, đồng chí đại diện tổ chức Trung ương Cục giải thích: “Chiến dịch này giải phóng toàn miền Nam, các đồng chí yên tâm học rồi về xây dựng xã hội chủ nghĩa”. Nghe xong, học viên mặt ai

nấy buồn so. Tiếp tục kiến nghị, lần thứ hai, một lãnh đạo Trung ương Cục xuống, trả lời cho lớp. Lớp cũng rút kinh nghiệm, trước khi vào học, mỗi người đều chuẩn bị sẵn sàng lời đề nghị kết thúc khóa học, đợi khi lãnh đạo nói xong phần tình hình thì đồng loạt tỏ bày ý kiến. Lãnh đạo đã biết ý của lớp, nên cũng muốn chọc ghẹo cho vui, đáng lý nói luôn câu mà cả lớp trông chờ: “Giải tán lớp học!” thì đồng chí lãnh đạo lấp lửng: “Còn lớp học của các đồng chí thì... đề nghị nghỉ giải lao 10 phút!”. Cả lớp nhao nhao, nôn nóng: “Không giải lao, đề nghị nói luôn đi!”. Đồng chí đại diện lãnh đạo Trung ương Cục biết không cách nào khác, tuyên bố: “Giải tán lớp học, kết thúc khóa học tại đây theo kiến nghị của học viên!”. Trời ơi, mong ước đã thành! Niềm vui vỡ òa, ai nấy mặt mày sáng rỡ, cười nói râm ran, tay bắt mặt mừng, chúc nhau: Chiến thắng! Hẹn nhau: Ngày chiến thắng. Trong vòng nửa giờ, các đoàn của tỉnh nào đều rút về tỉnh nấy. Trường học chỉ còn cán bộ khung của trường, cũng dọn dẹp rồi xuống đường hết cả. Lớp học này có anh Hai Quốc Hùng, anh Chín Hồng của Bà Rịa; Biên Hòa có chị Ba Huệ, chị Tám Thuận và nhiều anh chị khác.

Trưa ngày 6 tháng 4 năm 1975, học viên đã về hết, tôi còn ở lại làm răng theo yêu cầu của nha y nhà trường, vì đang phải nhổ răng để trồng răng cửa. Hôm

sau tôi cũng lên đường ra về, may đi nhờ được xe bộ đội tải đạn, đến nơi nhanh hơn đoàn đi bộ. Sáng ngày 14 tháng 4 năm 1975, tôi về đến Khu ủy miền Đông, vào văn phòng gặp anh Tư Tánh, mừng chưa kịp nói gì, anh lấy tấm hình của anh và anh Tư Hy chụp chung đưa ra khoe: “Tôi và anh Tư Hy chụp hình chung nè. Anh Tư mới ra về chiến trường Bà Rịa cách đây hai tiếng”. Tôi tiếc ngẩn ngơ, giá như được về sớm hơn một buổi. Chiều ngày 16 tháng 4 năm 1975, tôi về đến địa điểm cơ quan công đoàn khu, mới biết cơ quan đã dời về gần sông Đồng Nai và đại bộ phận xuống đường hết, cơ quan chỉ còn lại vài người trong đó có chị Thuyền, vợ anh Bảy Nghi vì có con nhỏ. Ở lại cơ quan một đêm, sáng ngày 17 tháng 4 năm 1975 tôi theo đoàn về mặt trận Long Khánh, xuống Vĩnh An, ra Túc Trưng đi dọc lộ 20. Qua các xã công giáo di cư Dốc Mơ, Gia Kiệm, chỉ còn người già yếu, bệnh tật, nghèo khổ không có phương tiện ở lại, chắc người giàu có, mạnh khỏe đã di tản hết. Số cán bộ, chiến sĩ đến trước nấu cơm, giúp đỡ người già yếu khó khăn, tranh thủ giáo dục tuyên truyền chính sách của cách mạng. Lúc đầu họ sợ sệt, hoài nghi, có người quỳ lạy xin tha tội chết, sau, họ hiểu ra, dần quen với anh em, trở nên tin tưởng và thành khẩn: “Thật phúc đức cho nhà tôi, may mà gặp anh em giải phóng quân, chứ gặp “Cộng sản” thì nó

giết chết hết rồi!” Anh em phì cười, thấy họ thật lòng nên giải thích: “Chúng tôi là Cộng sản đây. Giải phóng quân, Cộng sản hay Việt cộng cũng là một mà”. Họ ngạc nhiên: “Cộng sản cũng tốt thế kia à”. Vì địch đã đầu độc quá liều nên dân lành đã không hiểu được cách mạng. Rồi tôi xuống đến Gia Tân, Gia Kiêm, một vài xác địch nằm rải rác, vườn không nhà trống, vắng cả gia súc gia cầm. Đến lô cao su thuộc đồn điền Dầu Giây trở đi, dấu vết chiến sự cho thấy trận đánh vừa kết thúc, xác địch nằm phơi mình trong các lô cao su trông thê thảm, chiến cụ bị vứt bỏ ngổn ngang. Giao liên đưa tôi đến cơ quan công đoàn miền Đông đang đóng tại sở Bình Lộc thì cũng là lúc địch rút khỏi Long Khánh.

Về đến cơ quan công đoàn Khu, tập thể phân công tôi đi hỗ trợ các đồn điền cao su tiếp quản công sở. Tôi xuống ấp Suối Tre và ấp Núi Tung sát thị xã Xuân Lộc (Long Khánh), hai ấp này bị địch hủy diệt trước khi rút chạy, tình cảnh đang rất tang thương, nhà cửa hoang vắng, sở không người làm, công nhân hết lương thực. Dù đói khổ nhưng lòng dân rất phấn khởi vì được giải phóng, từ nay không ai kềm kẹp làm khó dễ nữa. Tôi bàn với cơ quan và các đoàn thể vận động khôi phục sản xuất, cứu đói cho dân, sửa lại nhà ở, ban ngày quần quật ngoài vườn rẫy, tối về trải chiếu, đệm hoặc nylon nằm đất, vậy mà vui, có khi, sáng ra thấy nằm ngoài

đất, mình mẩy lấm láp như chồn ướt, vì ngày vất vả, tối ngủ vùi, ngủ say như chết. Tôi qua xã Tân Lập làm công tác tư tưởng cho dân vì ở đây bị thảm sát tập thể, nhiều hộ tang tóc. Đến nhà đồng chí Hai Trọng, tôi nhờ cơ sở mời cô bác đến nói chuyện, chưa đầy một giờ thì máy bay C130 đến thả bom, nghe nổ “ầm”, nhà cửa rung rinh, vật dụng các thứ trong nhà đổ vỡ, nghiêng ngả, mọi người nằm rạp dưới đất. Dứt bom, phát hiện đồng chí Trọng bị thương mất một chân, tôi yêu cầu bố trí xe Lada đưa Trọng đi cấp cứu, nhưng nhiều người đeo bám theo xe, xe không chạy được, đành xử lý vết thương tại chỗ. May mà chỉ có một trái bom rồi dứt, nếu là loạt bom như trước đây thì cả nhà ắt đã không còn ai. Sau đó tôi mới biết, có một đơn vị bộ đội đóng quân gần đó, bọn chỉ điểm phát hiện, kêu máy bay thả bom trúng ngay đội hình bộ đội, làm chết một chiến sĩ và hai anh khác bị thương. Đến ngày giải phóng mà vẫn còn thương vong, chiến tranh thật là ác nghiệt.

Sau khi rời xã Tân Lập, tôi về Huyện ủy Cao su ở Bà Rịa, do anh Tư Công làm Bí thư. Chúng tôi bàn, phối hợp tổ chức lễ kỷ niệm Quốc tế lao động 1 tháng 5 năm 1975. Lần đầu tiên tập hợp lực lượng đông đảo trong bình yên, các lực lượng từ các sở kéo ra đông nghịt, trên cả ngàn người viếng nghĩa trang tại ngọn

đôi ở Suối Tre khu vực nhà chủ đồn điền Pháp, rồi kéo về khu vực lễ hướng sân banh của thị xã Xuân Lộc (nay thuộc thị xã Long Khánh), lớp lớp công nhân mặt mày rạng rỡ, tay cầm cờ, băng rôn, biểu ngữ, hô vang khẩu hiệu “Ngày 1 tháng 5 bất diệt!”. Khi đoàn vừa vào đến thị xã thì bọn phản động còn núp lại từ trên lầu một tòa nhà chọi trái lựu đạn cay xuống đường, làm cho cô bác, anh chị em bị sặc sụa, chảy nước mắt, phải tán loạn chạy đi tìm nước rửa mặt. Rồi hàng ngũ lại chỉnh tề, tiếp tục đi dự mít-tinh. Đây là mít-tinh trọng thể lần đầu tiên ở Biên Hòa sau ngày giải phóng miền Nam, đúng vào ngày 1 tháng 5 năm 1975.

Sau khi tiếp thu thắng lợi ở thị xã Xuân Lộc (Long Khánh) thì một bộ phận ở lại làm nhiệm vụ thành lập ban quân quản, còn một cánh đánh xuống thị xã Bà Rịa rồi qua Vũng Tàu. Anh Tư Hy tham gia chỉ huy đoàn này. Khi địch rút chạy hết, ta tiếp quản toàn bộ địa bàn Bà Rịa – Vũng Tàu, khôi phục cầu Cỏ May đã bị địch đánh sập, nối liền đường giao thông từ Biên Hòa đi Vũng Tàu. Anh Tư Hy lúc đó làm quân quản Vũng Tàu, bảo cậu Châu (cận vệ) lấy xe về Xuân Lộc đón tôi xuống Vũng Tàu tham quan. Tôi xin phép đơn vị, chiều đến Vũng Tàu gặp anh Tư Hy, chị Sáu Tuyết và các anh chị trong ban quân quản ở khu nhà tại Bãi Trước. Sau chiến thắng, gặp lại các anh chị em thân

quen, mừng quá, nói chuyện lú lo đến nửa đêm. Sáng ra, có tin báo là tối qua có hai cô gái đến nói chuyện với hai anh bộ đội đi tuần tra, lát sau, có hai thanh niên xông tới cùng hai cô gái bóp cổ làm chết hai anh bộ đội, chúng lấy súng rồi biến mất. Việc này trở thành bài học cảnh giác đầu tiên của đội quân chiến thắng, tiếp quản đô thị. Tôi ở lại Vũng Tàu một ngày, tham quan vài nơi, ra chợ Bến Đình mua một cái quạt để bàn rồi trở về Xuân Lộc.

Mới giải phóng, công việc bề bộn nên đến khoảng cuối tháng 5 năm 1975 tôi và anh Tư Hy mới về thăm nhà, thăm con ở Phước Long. Đây cũng là lần đầu tiên “chú rể Tư Hy” ra mắt bà con họ hàng bên vợ. Còn tôi, từ lúc thoát ly năm 1961 đến năm 1975, đúng mười bốn năm mới được về thăm nhà, vừa mừng, vừa tủi, đúng như nhạc sĩ Xuân Hồng đã viết: “Vui sao nước mắt lại trào!”. Vui vì chiến đấu ác liệt mà còn sống trở về gặp lại người thân. Tủi vì khi gặp con, mừng quá, nhưng chúng không quen với cha mẹ, bỗng ăm ăm không được, chỉ nhìn nó cũng khóc, quay mặt đi làm cho mẹ cũng khóc theo. Lúc này, Nam đã được hai tuổi, bụ bẫm; Huỳnh Anh một tuổi, nhỏ xíu chưa biết đi, chỉ ngồi lết, đã vậy mà còn bị dờn ăn, má Ba Giác bó thuốc một cục ở chân. Cháu Toàn (con trai Tám Hùng) cùng độ tuổi với Nam ngược nhìn “người lạ” mắt ngơ ngác. Trông cảnh nhà

nheo nhóc như vậy, thương chị Ba vô cùng. Cuộc vui đoàn tụ ngắn ngủi, chỉ được nửa ngày, nhiệm vụ thôi thúc, tôi và anh Tư Hy phải về cơ quan. Một giai đoạn mới của thời giải phóng bắt đầu.

Sau tiếp quản vùng đồn điền cao su, đến ngày 15 tháng 11 năm 1975 giải thể Khu ủy Miền Đông Nam bộ, các ban ngành như công đoàn, và các đoàn thể trực thuộc khu giải tán, tôi được phân công về làm Bí thư Huyện ủy Cao su (địa bàn ba tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh) thay anh Tư Công đi nhận công tác khác. Lúc này, với danh nghĩa Trưởng ban công vận miền Đông, anh Bảy Nghi đề nghị lãnh đạo tỉnh quyết định hai việc: Một là cử đoàn đại diện cho công nhân các tỉnh miền Đông Nam bộ đấu tranh với các chủ đồn điền cao su đòi tiền thâm niên cho công nhân; hai là, tổ chức sản xuất, khẩn trương cứu đói cho công nhân. Được lãnh đạo tỉnh Biên Hòa đồng ý, đoàn đại diện cho công nhân cao su tỉnh Đồng Nai do tôi làm trưởng đoàn, đồng chí Ba Đông và cậu Khải là phó đoàn và đại diện của các đồn điền trong tỉnh gần hai mươi người lên Sài Gòn. Nhờ sự hướng dẫn của công đoàn miền Nam và anh Hà Xuân Thọ giúp đỡ, dù cuộc đấu tranh gặp nhiều khó khăn, trắc trở, thời gian bị kéo dài nhưng cuối cùng giành thắng lợi, bọn chủ Pháp phải đáp ứng các yêu cầu của đoàn.

Khi thành lập Công ty cao su Đồng Nai do Bảy Nghi và anh Ba Tòng phụ trách, việc tổ chức sản xuất đi vào ổn định thì Tỉnh ủy quyết định giải thể Huyện ủy Cao su, thành lập Đảng ủy Công ty cao su cho phù hợp với hệ thống tổ chức và với tình hình chính trị thời hòa bình. Tôi và chị Út Lan (Ủy viên Thường vụ Huyện ủy Cao su) được quyết định cho đi học chính trị, trường trung cao cấp Nguyễn Ái Quốc I đóng ở Hà Nội, thời gian một năm (niên khóa 1976–1977), tôi học lớp A3, Chi bộ 6, do anh Năm Trang (Phan Văn Trang) làm Bí thư chi bộ.

Lúc giải thể Huyện ủy Cao su cũng là lúc tổ chức bố trí lại các ban ngành của tỉnh. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ tham gia Ban quân quản thị xã Vũng Tàu, anh Tư Hy được điều về phụ trách khu công nghiệp Biên Hòa. Đây là dịp vợ chồng được gần nhau, gia đình sum họp, bắt đầu có chế độ lương tháng, gia đình tự lo, không còn ăn cơm tập thể nữa. Dù đồng lương còn ít ỏi, nhưng khéo thu xếp, việc nuôi con và chăm lo cuộc sống cho gia đình cũng yên ổn. Một lần, về thăm nhà ở Phước Long, có đủ mặt các anh chị em, tôi nói vui: “Nay hết giặc rồi, miền Nam được giải phóng rồi, anh chị Ba cũng cần được giải phóng: Con ai nấy nuôi!”. Cả nhà đồng ý. Gần cuối năm 1975, tôi xin phép anh chị Ba đưa các con Việt, Nam, Huỳnh Anh về nuôi. Nam và

Huỳnh Anh không chịu vì “không quen” nên phải nhờ dì Sáu Đành (má em Tứ) đi theo, đưa luôn cháu Toàn (con Tám Hùng) lên Biên Hòa ở. Thỉnh thoảng về Phước Long chơi thăm “ba má”. Nam, Toàn, Huỳnh Anh thường trốn không chịu lên Biên Hòa, muốn ở lại với “ba má” ở Phước Long. Phải một thời gian dài sau đó, lũ nhỏ mới quen với “ba má mới”. Gia đình sum họp được ít tháng thì ngày 19 tháng 8 năm 1976 tôi lên đường đi học tại Hà Nội. Học được nửa năm, Huỳnh Anh bị bệnh nặng. Chị Ba nóng ruột, bỏ nhà lên Biên Hòa nuôi Huỳnh Anh hết bệnh chị mới về. Sau đó, dì Tư Tứ yêu cầu dì Sáu Đành về lại Phước Long phụ giúp việc nhà, tôi xin em Hai Ới cho con gái là cháu Điền lên giúp tôi, chăm lo cho bốn đứa nhỏ: Việt, Nam, Toàn, Huỳnh Anh.

Thời gian tôi đi học trường Nguyễn Ái Quốc cũng là năm ta tiến hành Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV. Tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ nhất, tôi được bầu làm Tỉnh ủy viên. Đến khi tổ chức Đại hội Đảng toàn quốc thì học viên trường Nguyễn Ái Quốc chúng tôi đi sơ tán về trường Lào ở Hà Đông, nhường chỗ cho đại biểu các tỉnh về dự đại hội. Hết một năm, mãn khóa học, tôi về lại Biên Hòa thì anh Tư Hy chuẩn bị ra Hà Nội học hai năm, cũng tại Trường trung cao cấp chính trị Nguyễn Ái Quốc.

Đúng là cặp vợ chồng “Bắc – Nam cách biệt”. Sau khi ra trường, tôi nhận quyết định Thư ký (Chủ tịch) Công đoàn tỉnh Đồng Nai, tham gia Ban chấp hành Tổng Công đoàn Việt Nam khóa IV, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa I nhiệm kỳ 1977–1980, thành viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Ủy viên Ban chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Đồng Nai.

Đến ngày 2 tháng 1 năm 1979 tổ chức cho tôi đi học lớp văn hóa bổ túc tập trung cấp I – II do thành phố Biên Hòa mở. Tôi bắt đầu học từ lớp 5 tháng 12 đến ngày 7 tháng 1 năm 1981 tôi hoàn thành khóa học, được hai giấy chứng nhận: Thi đậu hết cấp I và hết cấp II bổ túc văn hóa do Ty giáo dục Đồng Nai cấp, Trưởng ty Nguyễn Minh Thuận ký tên. Thời gian học ở trường, tôi liên tục được bầu làm Bí thư chi bộ nhà trường và được nhiều bằng khen, giấy khen.

Sau khi tôi mãn khóa cấp I – II, tổ chức không cho học nữa, phân công tác làm cán bộ Ủy ban Kiểm tra Đảng của tỉnh. Tôi vừa làm nhiệm vụ vừa tranh thủ theo học văn hóa lớp 10/12 vào mỗi buổi chiều trong ngày. Vừa làm vừa học, vừa chăm con nhỏ, rất khó khăn, nhưng tôi cố gắng theo học vì nhớ đến ước mơ đi học thuở nhỏ. Đến khi có lệnh điều động tôi về công tác tại Vũng Tàu tôi mới đành bỏ lớp, bỏ luôn cả lớp tiếng Anh do cơ quan Tỉnh ủy tổ chức.

Đầu tháng 10 năm 1982, Trung ương Đảng điều động tôi về Vũng Tàu, trước khi nhận nhiệm vụ mới, tôi được học lớp “bồi dưỡng nâng cao trình độ kiến thức quản lý kinh tế khóa VI” từ ngày 20 tháng 10 năm 1982 đến ngày 7 tháng 2 năm 1983 do Trường quản lý kinh tế Trung ương mở. Tôi còn tham gia lớp học tiếng Nga do Đặc khu mở, lớp này học mỗi tối, có anh Ba Bảo, anh Tám Hà, và một số các anh chị lớn tuổi cùng học, được ba tháng vì bận công tác nên học bữa có bữa không rồi bỏ luôn.

Đầu năm 1983, Đại hội Công đoàn Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo lần thứ nhất nhiệm kỳ năm 1983–1987 bầu tôi làm Thư ký (Chủ tịch) Liên hiệp Công đoàn Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo, tham gia Ban chấp hành Tổng Công đoàn Việt Nam khóa V, đại biểu Hội đồng Nhân dân Đặc khu khóa VI, là Ủy viên Thường vụ Ban chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ Đặc khu, thành viên Mặt trận Tổ quốc Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo. Trong thời gian tham gia Ban chấp hành Tổng Công đoàn Việt Nam, một lần tôi được cử thay mặt cho Ban chấp hành Tổng Công đoàn Việt Nam đi dự lễ ngày Quốc tế lao động 1 tháng 5 năm 1978 tại nước Cộng hòa Bungari. Năm 1980, tôi được Tổng Công đoàn cho đi học lớp công đoàn nâng cao tại Liên Xô thời gian ba tháng.

Đến năm 1985, vợ chồng tôi được quyết định của Trung ương Đảng điều lại về Đồng Nai. Trước khi nhận nhiệm vụ, tổ chức bố trí cho đi nghỉ mát tại Cộng hòa dân chủ Đức thuộc Đông Đức thời gian một tháng do Tổng Lãnh sự quán Cộng hòa dân chủ Đức mời từ ngày 25 tháng 8 năm 1985 đến ngày 29 tháng 9 năm 1985. Về đến tỉnh Đồng Nai, anh Tư Hy nhận nhiệm vụ Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai, tôi làm Giám đốc Sở Lao động, một năm sau sáp nhập Sở Thương binh Xã hội thành Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Nai, lúc này, tôi là Ủy viên Ban chấp hành tỉnh Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa III, nhiệm kỳ 1985–1989; Ủy viên Ban chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Ủy viên Ban chấp hành Hội Chữ thập đỏ tỉnh Đồng Nai.

Đầu năm 1992, khi thành lập tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, tôi được điều về Bà Rịa – Vũng Tàu, tổ chức trao quyết định cho tôi làm Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, nhưng lúc này tôi đã 57 tuổi, quá tuổi về hưu hai năm, tôi báo cáo với tổ chức và xin được nghỉ hưu trí. Nhưng do yêu cầu công tác, tổ chức quyết định tôi làm Chủ tịch Hội đồng Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Thời gian này tôi được cử đi học lớp chuyên đề về “Một số vấn đề lý luận thực tiễn của quá trình chuyển sang kinh tế thị trường

ở nước ta”, lớp mở đến ngày 3 tháng 6 năm 1993 bế mạc. Tôi làm việc ở Hội đồng Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh đến năm 1995, đúng 60 tuổi mới được nghỉ hưu trí, quá tuổi lao động năm năm.

Thời gian tôi tham gia cách mạng nếu tính từ năm 1947, lúc tôi mới 12 tuổi đến năm 1995 thì tôi được đúng 60 tuổi với 48 năm tuổi quân, 33 tuổi Đảng, trong đó:

Hai tám năm là Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy và trưởng các đầu ngành.

Hai sáu năm là Ủy viên Hội Phụ nữ tỉnh (cơ cấu)

Mười lăm năm là đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh.

Mười năm là Ủy viên Ban chấp hành Tổng Công đoàn Việt Nam.

Ba năm là Ủy viên Ban chấp hành Công đoàn khu Đông Nam bộ.

Ba năm là Ủy viên ban chấp hành phụ nữ khu Đông Nam bộ.

Ba năm là Ủy viên Ban Công vận khu Đông Nam bộ.

Ba năm là Ủy viên Ban chấp hành Hội Chữ thập đỏ tỉnh Đồng Nai.

Tám năm là Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Nai.

Ba năm là Chủ tịch Hội đồng Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Thành tích khen thưởng:

Huân chương Độc lập – hạng Nhất.

Huân chương Chống Mỹ cứu nước – hạng Nhất.

Huân chương Giải phóng – hạng Nhất.

Huân chương Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn.

Huân chương Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Phụ nữ.

Và nhiều bằng khen, giấy khen khác của Đảng và Nhà nước.

Phần thưởng lớn nhất dành cho tôi trong quá trình tham gia cách mạng đó là tôi được rèn luyện và trưởng thành trong đơn vị anh hùng, gắn mình với các đơn vị cao su Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh, góp phần nhỏ của mình vào chiến công của các tập thể anh hùng.

Tôi nhớ bài thơ của anh Hai Thông (Nguyễn Văn Thông) tặng tôi nhân kỳ Đại hội Phân khu 4:

*Nhớ ngày mười chín tháng ba
Phân khu Đại hội bầu ra chấp hành
Thế nhưng lũ giặc nhe nanh
Mấy trăm xe Mỹ tiến hành bao vây*

*Công nhân bảo vệ khu này
Khu rừng Ông Trữ gần hai trăm người
Vây mà tất cả mím cười
Trèo qua đầu Mỹ lúc mười giờ đêm*

*Diễn hình cần phải nói thêm
Chị Huỳnh Thị Phượng thâu đêm dẫn đường
Bí thư Đảng ủy kiên cường
Sông to cũng lội, chiến trường cũng đi*

*Bình Sơn chiến tích thần kỳ
Trẻ già trai gái “hội thi diệt thù”.*

Lời kết

Tôi là một đứa trẻ được sinh ra trong một gia đình nông dân thời kỳ thuộc địa Pháp, nhà có đông anh chị em, dù nghèo nhưng gia giáo, cha mẹ dạy con trước hết là đạo đức và nhân cách làm người, biết giữ gìn phẩm giá, biết thương người cùng khổ, biết ghét kẻ bất công “ngồi mát ăn bát vàng”, biết đoàn kết thương yêu, bảo vệ anh chị em; biết sống bằng lao động, không vì miếng ăn mà quỵ lụy thấp hèn, biết tôn trọng, bảo vệ danh dự và hạnh phúc gia đình “đói cho sạch rách cho thơm”. Nhưng ở xã hội người dân bị nô lệ, mất hết quyền làm người, rồi cảnh chiến tranh tàn phá giết chóc, đầu rơi, máu đổ, anh chị em chúng tôi sớm bị mồ côi cha mẹ, lâm cảnh đói khổ, cùng cực. May mắn là cha mẹ sinh tôi ra trong thời kỳ đã có Đảng Cộng sản Việt Nam và có Bác Hồ lãnh đạo toàn dân đấu tranh đòi quyền tự do, độc lập. Anh chị em chúng tôi bảo bọc nuôi nhau, dần lớn lên trong khói lửa chiến tranh,

trong đói nghèo, sớm nhận ra con đường cách mạng, chỉ có cách mạng mới tạo sự đổi đời cho người dân nô lệ. Anh chị em chúng tôi tham gia cách mạng trước hết là để tự giải phóng cho mình, “thà chết vinh không chịu sống nhục”, dần dần, được cách mạng giáo dục, trưởng thành từng bước trong đời sống kháng chiến.

Gia đình tôi như là một nhân chứng lịch sử của chiến tranh chống Đế quốc Mỹ xâm lược. Tham gia đánh giặc từ tay không, bằng lòng căm thù giặc tàn ác, kiên trì cho đến ngày thắng lợi hoàn toàn, nhiều thành tích vẻ vang nhưng tổn thất cũng rất nặng nề: Trong nhà hy sinh hết sáu người (chị Thế, anh Khá, anh Nào, em Tất, cháu Hoàng, cháu Tiến) bốn người bị thương tật (em Lương, Lộc, anh Khiêm và anh Bính), ba người bị tù đầy đánh đập (anh Khiêm, anh Bính, cháu Oanh), hai bà mẹ Việt Nam anh hùng (chị Huỳnh Thị Thế và bác Bảy – Võ Thị Liên). Những người còn sống mang danh dự của những người hy sinh, khẳng định sự đóng góp quan trọng cho cách mạng qua các chức vụ trong các cấp ủy. Xã ủy: chị Huỳnh Thị Giác, Huyện ủy viên: anh Khiêm, anh Nào, em Lương, em Lộc, Tỉnh ủy viên: Bảy Tiếp, tất cả đều là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Đến đầu năm 2004 đã có ba người được 40 năm tuổi Đảng (Tiếp, Lương và Lộc), hai người hơn 35 tuổi Đảng (chị Giác, anh Khiêm). Còn lớp kế cận tiếp theo

có cháu Oanh, cháu Lân, cháu Tới, Dân, Việt là những đảng viên lớp trẻ đều có vị trí vinh dự trong xã hội.

Vinh quang này trước hết là công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ, công bảo bọc của bà con cô bác, ơn Đảng và cách mạng giáo dục, rèn luyện, nỗ lực phấn đấu của mỗi anh chị em và con cháu... Giá trị của vinh quang này ý nghĩa lắm, lớn lắm, không đo được bằng tiền, không mua được bằng tiền, nó kết đọng bằng mồ hôi, nước mắt, xương máu của cả nhà. Vì vậy, cả nhà đều phải biết trân trọng, gìn giữ, vun đắp, truyền đời cho các thế hệ cháu con.

Là một thành viên của một gia đình có truyền thống tốt đẹp nói trên, riêng tôi, tự kiểm lại đời mình, tôi không hổ thẹn vì thấy mình đã sống một đời sống trọn vẹn, từ việc nước đến việc nhà, là đứa con hiếu thảo của gia đình, là một công dân có ích cho xã hội. Trải qua bao năm tháng chiến đấu, vượt qua nhiều gian lao thử thách cho đến khi được nghỉ hưu, tôi không bị một hình thức kỷ luật nào hoặc làm gì phạm pháp đáng chê trách. Việc nhà, tôi theo gương các chị thể hiện công dung ngôn hạnh, nhất là giữ gìn phẩm giá của người phụ nữ, tuổi thanh xuân của tôi cống hiến cho cách mạng, không làm một điều gì tai tiếng đáng chê bai trong quan hệ nam nữ. Đến 36 tuổi mới lập gia

đình nhờ sự mai mối, vun đắp của Đảng và tập thể. Được nhiều người tốt chân tình và trách nhiệm giúp đỡ, tôi tin tưởng và nghe theo nên việc xây dựng gia đình của tôi thuận lợi, kết quả tốt đẹp. Trong kháng chiến gian khó, tôi không có thời gian và điều kiện để tìm hiểu trước, nhưng may mắn, chồng tôi là người tốt, là người cùng cảnh ngộ mồ côi, nghèo khổ và cùng một quan điểm, bình đẳng, tôn trọng nhau và cùng nhau có trách nhiệm xây dựng gia đình hạnh phúc. Anh thường nói với tôi: “Anh lấy đạo đức và danh dự của gia đình em làm niềm an ủi và tự hào của anh”. Anh đã góp phần vun đắp danh dự và niềm vui của gia đình tôi nên cô bác và anh chị em con cháu tôi đều thương mến và quý trọng anh. Tôi thật sự yên tâm khi làm vợ anh, hạnh phúc khi được sống bên anh. Khi có chuyện bất đồng, vợ chồng sẵn sàng ngồi lại bàn cho ra lẽ rồi thống nhất nhau một cách êm đẹp, chưa một lần lớn tiếng cãi vã nhau. Hạnh phúc của gia đình tôi xây dựng trên lòng tự trọng và trách nhiệm, không có sự ép buộc nhau, bạn bè quý trọng, nhiều người mừng và ngợi khen gia đình vợ chồng con cháu tôi hạnh phúc.

Dù xây dựng gia đình muộn nhưng đến nay vợ chồng tôi cũng được ba đứa con và ba đứa cháu nội, ngoại, đủ “nếp tể”. Đó là cháu Phạm Văn Việt, Phạm Văn Nam, Phạm Huỳnh Anh, cháu nội là Phạm Vũ Trà

My, Phạm Minh Nhật và cháu ngoại là Lê Hoàng Anh Khang. Chắc chắn sẽ còn vài ba đứa nữa, nhưng trước mắt đáng mừng là cháu nào cũng khôi ngô, khôn ngoan, lễ phép.

Đến giờ tôi thật sự mừng cho ba đứa con của tôi vì lúc còn nhỏ nhờ cô dì, đồng chí nuôi giùm, khi giải phóng ra mới gom lại. Vì nhiệm vụ, cha mẹ thay nhau đi công tác xa, nhiều lúc vắng nhà nhưng thấy đều ngoan, biết nghe lời cha mẹ, cố gắng học hành, đứa nào cũng xong đại học, có đứa còn học thêm những kiến thức cần thiết để đủ sức vào đời tự lập, chúng biết nuôi dạy con chăm ngoan lễ phép. Vợ chồng tôi rất tự hào về những đứa con, đứa cháu của mình. Hiện nay, gia đình nhà tôi thật sự là một gia đình hạnh phúc, nhiều người muốn mà không có được. Dù có một số mặt chưa hoàn chỉnh nhưng tôi tin rằng qua quá trình trưởng thành trong cuộc sống sẽ dạy tiếp cho con cháu của chúng tôi ngày càng được trưởng thành, đóng góp tốt hơn cho xã hội.

Vòng đời người 60 tuổi là đủ. Vợ chồng tôi đã vượt qua con số đó, kể cũng đã mãn nguyện. Trong cuộc đời lăn lóc có nhiều sóng gió, kinh nghiệm sống có nhiều, mong cho con cháu biết xây dựng gia đình hạnh phúc thật sự, không gò ép, gia đình có vui vẻ, đồng tâm và

trách nhiệm trong mọi công việc thì việc gì cũng thuận lợi.

Người già thì tự thân tập luyện để tránh bệnh hoạn trì trệ chờ khi chết không phải hành khổ con cháu. Muốn là như vậy, còn đích đến như thế nào là chuyện khác. Các con còn trẻ cần làm việc tốt có ích cho xã hội đồng thời xã hội cũng tạo điều kiện tốt cho mình. Xã hội thời nay, người nào cũng cần phải có tiền để lo cho cuộc sống gia đình vì tiền bạc là phương tiện quan trọng, nếu không có tiền thì vô cùng vất vả, nhưng để tạo ra đồng tiền phải bằng trí tuệ mồ hôi sức lực của mình làm ra chính đáng, hợp pháp thì đồng tiền đó tác dụng tích cực, ngược lại nếu có tiền mà không biết sử dụng đúng chỗ, đúng lúc, thiếu bình đẳng, thiếu trách nhiệm giữa vợ chồng thì đồng tiền sẽ trở thành tai hại. Người ta nói “có tiền mua tiên cũng được”. Không phải vậy, nếu đem tiền mua địa vị, quyền cao, chức trọng mà không có năng lực thiếu đạo đức thì địa vị đó không danh dự và cũng không bền vững. Nếu có địa vị cao, nhiều tiền mà thiếu đạo đức, không tôn trọng nhau dễ dẫn tới không hạnh phúc, đã mất hạnh phúc thì chẳng làm gương được để dạy bảo con cháu theo truyền thống tốt đẹp mà nhiều người hằng mong muốn.

Tóm lại, tôi muốn nói: Địa vị xã hội là niềm vinh dự đáng tự hào nhưng muốn có vinh dự phải từ sức lao động và từ kiến thức của mình tạo ra thì mới bền vững và phát triển. Tiền là phương tiện cần thiết để sống, nhưng nó là “dao hai lưỡi”, nếu không có đạo đức, không có phương pháp biết sử dụng đồng tiền thì nó trở thành tai họa cho gia đình, gia đình không có hạnh phúc thì sẽ không còn gì hết, kể cả con cái cũng không còn là đứa con ngoan theo ý muốn. Cha mẹ là tấm gương để làm bài học dạy con nối tiếp truyền thống tốt đẹp của gia đình. Tôi mong muốn, mọi thành viên trong gia đình ta đều có trách nhiệm giữ gìn và phát huy cao hơn nữa truyền thống của gia đình ta, đừng để phụ lòng những người tạo ra truyền thống tốt đẹp ấy bằng mồ hôi và xương máu của ba đời đi trước.

Kể chuyện đời tôi 70 năm, nó không tách rời gia đình, tập thể, đồng chí theo tình cảm và ký ức của tôi. Văn tự không hay, nhưng lòng thành và việc thật, nghĩ sao viết vậy, mong người đọc, các anh chị em và con cháu chia sẻ.

Vũng Tàu, ngày 31 tháng 12 năm 2004

Huỳnh Thị Tiếp (Bảy Phượng)

MỤC LỤC

THỜI CHỐNG PHÁP	9
THỜI CHỐNG MỸ	37
Giặc Mỹ gây tang thương	39
Tổn thất	41
'THỦ THÁCH VÀ TRƯỞNG THÀNH	49
Tình hình cách mạng ở đồn điền cao su Bình Sơn	49
Về tự vệ bằng mã tấu	59
Chiến đấu với giặc không có súng mà bị thua	60
Về lòng tốt của công nhân	61
Nghĩa Đảng, tình dân	66
LỜI KẾT	152

CHUYỆN ĐỜI TỰ KỂ

HUỲNH THỊ PHƯƠNG

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI QUANG HUY

Biên tập: Nguyễn Ngọc Kim

Sửa bản in: Nguyễn Ngọc Kim

Trình bày: Nguyễn Văn Lững

Bìa: Hồ Văn Giáo

In 1000 bản, khổ 14.5 x 20.5cm. Tại Công ty in Việt Hưng. Số đăng ký KHXB: 857-2010/CXB/2 - 46/ĐoN. Cục xuất bản xác nhận ngày: 27/08/2010. Quyết định xuất bản số: 02A/QĐ-ĐoN do NXB Đồng Nai cấp ngày 05/01/2011. In xong và nộp lưu chiểu: quý 1 năm 2011.

Nhà Xuất bản Đồng Nai

210 Nguyễn Ái Quốc, TP Biên Hòa, Đồng Nai.

Điện thoại: (0613)946.519, FAX: (0613)946.530

Ban Biên tập: (0613)825.292 – BP Kinh doanh: (0613)946.521 –

BP Kế toán: (0613)946.520

Email: nxbdongnai@hcm.vnn.vn

(SÁCH ĐẶT HÀNG)



000319941



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI



* Địa chỉ: 210 đường Nguyễn Ái Quốc, P. Trung Dũng,
TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

* Điện thoại: (0613) 946519; 946521; 825292; 946520.

* Fax: (0613) 946530; Email: nxbdongnai@hcm.vnn.vn